

VIỆT-NAM CHIẾN ĐẤU

*bút ký và phóng sự
của một số nhà báo Liên-xô*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Hà-nội — 1966

Tác giả :

A. TE-GRIGORIAN, IU. JUKÔP,
IU. IUKHANANÔP, V. KAXXIX,
V. SARAPÔP, I. SÊĐRÔP

Dịch giả :

ĐÀO TẤN ANH, HỒNG GIANG, MINH HẢI,
CHU NGA, ĐỖ QUYÊN, NGUYỄN VINH,
NGUYỄN ĐỨC THUẦN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược và bè lũ tay sai của chúng được dư luận thế giới nhiệt liệt đồng tình và ủng hộ. Trong tiếng nói hùng mạnh của hàng triệu con người ở khắp năm châu lên án đế quốc Mỹ, hoan nghênh cuộc chiến tranh giải phóng của đồng bào ta ở miền Nam, công cuộc sản xuất chiến đấu chống Mỹ của đồng bào ta ở miền Bắc, có tiếng nói danh thép của những nhà văn, ký giả đã đến thăm miền Bắc nước ta hoặc các khu giải phóng ở miền Nam. Các đồng chí đã đem ngòi bút chiến đấu vì tự do, độc lập của các dân tộc, kịch liệt phản đối những tội ác man rợ, những âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ, đập tan những luận điệu bịp bợm của chúng, và nói lên lòng khâm phục của mình đối với tinh thần dũng cảm tuyệt vời của nhân dân ta, niềm tin tưởng sâu sắc vào thắng lợi cuối cùng của cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta.

Chúng ta đã được đọc những thiên phóng sự, những bài thơ, bút ký của nhà báo Úc Winfret Bocset (1), của nữ ký giả kiêm nhà văn Pháp Madolen Riffô (2), của các nhà văn, nhà thơ Trung-quốc (3). Đó là những sự viện trợ tinh thần vô cùng quý giá, có tác dụng cổ vũ lớn lao đối với nhân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước.

Tiếp tục loại sách ấy, chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc Việt-nam chiến đấu, tập phóng sự, bút ký của một số nhà báo Liên-xô đã sang thăm miền Bắc nước ta từ đầu năm 1965 đến nay hoặc đã sống một thời gian ở các vùng giải phóng miền Nam. Với một lòng mến phục chân thành, các đồng chí đã ca ngợi lòng dũng cảm như « một đặc điểm của dân tộc tinh

Việt-nam», và căm phẫn tố cáo những tội ác ghê tởm của bọn xâm lược Mỹ. Và từ những bài bút ký, phóng sự ấy đã toát lên sự thất vọng sáng về sự thất bại của « cả một dân tộc kiên quyết chống lại bọn xâm lược » cũng như sự thất bại không thể tránh khỏi « của những kẻ đem chiến tranh đi giết hại ông già, đàn bà và con trẻ ».

Căm ơn các đồng chí nhà báo Liên-xô đã nói lên tiếng nói anh em, đánh thẳng vào kẻ thù chung và động viên nhân dân ta thêm phần khởi sản xuất, dũng cảm chiến đấu.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

1. *Ba tháng sống với những người du kích*. Nhà xuất bản Văn học 1964.

2. *Hai tháng với những chiến sĩ miền Nam Việt-nam*. Nhà xuất bản Văn học 1965.

3. *Bến cầu Hiền-lương và Bến bờ Bến-hải*. Nhà xuất bản Văn học 1965.

QUÂN DÃ MAN

ALEXANDRO TE-GRIGORIAN

Những chiếc nón lá như những cái nắm rải rác khắp cánh đồng rộng mênh mông. Màu xanh dịu của lúa, màu lam thẫm của chân trời, những cây cọ duyên dáng, rặng núi nhấp nhô... Quá Ninh-bình và Thanh-hóa, chúng tôi tới gần vĩ tuyến 17. Đó đây, nông dân dùng gầu tát nước từ một thửa ruộng này sang thửa ruộng khác và gánh phân trong những chiếc thúng.

Tôi đã từng đi qua những nơi này cách đây hai năm. Tôi không quên những chiếc cầu nổi, những chiếc cầu bị phá hủy, một chiếc phà kéo bằng dây cáp. Ngày nay, các cầu đều đã được xây lại. Và mỗi lần từ xa xuất hiện một chiếc cầu mới ở chỗ mà tôi tiên đoán là một chiếc phà, thì những chuỗi cười giòn giã, vui vẻ lại chế giễu sự nhầm lẫn của tôi. Những cột cây số chỉ cho chúng tôi biết còn cách Sài-gòn bao xa nữa. Nhưng ngày nay, con đường này không dẫn tới Huế mà cũng chẳng dẫn tới Sài-gòn... Chiếc riu vô hình của ranh giới đã chặt đôi đất nước này ra làm hai. Chúng tôi đang đi tới chỗ đứt khúc và sự xúc động của chúng tôi là chính đáng.

Trong lúc chúng tôi chờ phà, đồng chí cùng đi với chúng tôi, cán bộ của Vụ báo chí Bộ Ngoại giao nước

Việt-nam dân chủ cộng hòa, xuống xe, đi một quãng rồi quay lại bảo chúng tôi phải nguy trang ngay ô-tô. Các đồng chí lái xe vội vã ném lá chuối lên trên mũ những chiếc xe « Vonga » và Ian Pêtranêc, phóng viên Đài phát thanh Tiệp-khắc, tuyên bố với một vẻ khôi hài lạnh lùng rằng anh chỉ nguy trang chiếc máy ghi âm thôi vì nó không phải là của riêng anh và anh phải lo hoàn thành bài phóng sự của mình...

Chập tối, chúng tôi tới Vinh. Nhiều chiếc xe vận tải sơn màu xanh lá cây và nâu, chạy qua. Muồm, cam, những lọ kẹo dề đầy trên một chiếc bàn trước một túp nhà tre. Đàn muỗi bay lượn rối rít trong ánh sáng đèn pha của một chiếc ô-tô vận tải đang đỗ.

Chiến tranh ở ngay cạnh đây thôi. Chúng tôi đã gặp nó ở Đồng-hới, ngày hôm sau, 11 tháng 2. Khi tiếng còi báo động đã im, Pêtranêc giờ mi-crô lên trời và kêu to:

— Máy bay phóng pháo Mỹ!

Không phải chỉ có máy bay phóng pháo mà còn có cả máy bay khu trục đi kèm.

— Ba mươi lăm, ba mươi sáu, ba mươi bảy, — Ivan Sêdróp, phóng viên báo *Sự thật* (Liên-xô), thông thả đếm.

Những khẩu liên thanh cỡ lớn nổ ran, ngói trên những nếp nhà xinh xắn vỡ tung tóe, súng cao xạ bắn lên. Đứng bên bờ sông, chúng tôi nhìn bọn dã man đang chục đầu xuống bắn cháy những chiếc thuyền đánh cá huồm rách tơi tả, quên bẵng mất Chúa và lương tâm của chúng mà chúng thường viện ra luôn. Trên bờ bên kia, những ngôi nhà lần lượt hùng cháy.

Cuối cùng, kia một chiếc máy bay đầu tiên, đằng sau là một vệt khói đen sì, đám đầu rơi xuống mé cửa sông...



Buổi tối, sau trận máy bay oanh tạc, chúng tôi tới Ủy ban hành chính Đồng-hời dự một cuộc họp báo không chính thức. Căn phòng nhỏ chật ních người. Chúng tôi gặp lại ở đây những người đã tham gia cuộc chiến đấu ngày hôm nay, những đồng chí pháo thủ cao xạ và những người đã đánh lui những cuộc tấn công của máy bay Mỹ ngày 7 và 8 tháng hai; Trần Văn Quang, sĩ quan khoác vải choàng xanh lá mạ có chấm đen; Lê Ngọc Lễ, chủ tịch một hợp tác xã gần đây, người thấp bé, nét mặt khắc khổ và thông minh, mặc một chiếc áo va-roi đen; Trần Thị Lâm, một cô gái bé nhỏ, mặc quần áo đen, lựu đạn đeo ở thắt lưng và nhiều người khác nữa, những người đã hạ bốn chiếc máy bay Mỹ. Với một giọng ngắn gọn quân sự, họ kể lại sự xất hiện của máy bay, họ đã bắn hết đạn như thế nào và người ta đã tiếp tế thêm đạn như thế nào. Họ nói đến những cái đó như những chuyện bình thường, như những người đã quá quen thuộc với chiến tranh, đã trải qua gần nửa cuộc đời trong chiến đấu. Họ rất bình tĩnh, ngắn gọn, chăm chú.

Đột nhiên, tất cả sự bình tĩnh ấy biến mất. Hàng chục nắm tay giật dũ vung lên. Người ta hò: Đả đảo! Mấy người lính đội mũ bắc, mang súng có cắm lưỡi lê, dẫn vào một tên cao lớn, tóc vàng, mặc quần áo phi công. Nó đứng dừng lại ở ngưỡng cửa, hai tay buông thõng, hốt hoảng đưa mắt nhìn mọi người. Nó làm ra vẻ bình tĩnh, nhưng tôi trông thấy hai bàn tay nó run lẩy bẩy. Nó là một gã trai trẻ lực lưỡng, béo tốt. Những con người đã từng phải sống bao nhiêu năm dưới ách ngoại quốc và cuối cùng đã giành lại được tự do, những người đó đã làm gì nó? Mới cách đây có vài tiếng đồng hồ cô lễ tên này còn đang ngồi nhấm nháp một cốc rượu mạnh trong một tiệm rượu ở Đà-nẵng hoặc chơi bi-a. Lúc ấy nó nghĩ gì, bây giờ nó nghĩ gì? Hẳn nó

đang tìm cách tự an ủi lương tâm bằng cái công thức cứu mạng: « Tôi đã làm theo lệnh cấp trên ».

Đúng như vậy. Chúng tôi nói cho nó biết rằng cuộc oanh tạc hôm nay đã giết chết một trẻ em và làm bị thương nặng nhiều người khác. Nó nghĩ sao? Rôbơc Sumêkơ, phi công không lực Hoa-kỳ, đã tuôn ra bài học thuộc lòng:

— Cuộc tấn công này là để trả đũa những hoạt động của miền Bắc chống lại miền Nam...

Có thể thấy rõ là chính bản thân nó cũng chẳng tin gì câu nói ấy...

Cái bề ngoài mới giả dối làm sao! Tên Mỹ cao lớn kia bề ngoài cũng không có vẻ gì một tên sát nhân. Mặc dù vậy, tôi không thể không nghĩ rằng tên Sumêkơ này thực là một mẫu người mặt hạng, nếu đem so nó với người sinh viên Đỗ Tiến Cường, một nhà địa chất học tương lai đã từng chiến đấu ở Điện-biên-phủ, với nhà hóa học Từ Quỳnh Giàu, với nữ anh hùng Trần Thị Lý, quê ở miền Nam, đang mơ ước được trở về để xây dựng lại thành phố quê hương của mình...

Trích báo *Thời mới* (Liên-xô)
số 13 tháng 3-1965

NGUYỄN VINH dịch

KHÔNG THÈ DẬP TẮT ĐƯỢC ÁNH BÌNH MINH

V. KAXXIX và IU. IUKHANANÓP

Màn đêm dày đặc thường thấy ở vùng nhiệt đới đã bao trùm lên Hà-nội. Trời không sao. Từng đám mây đen sừng nước thấp là là giăng khắp bầu trời. Nhưng trên quảng trường rộng lớn phía trước Nhà hát thành phố là cả một biển lửa. Những ngọn đèn chiếu sáng trưng soi rõ những nét mặt rần rỗi. Mọi người họp nhau ở đây để phản đối những cuộc oanh tạc dã man của máy bay Mỹ xuống những thành phố và làng mạc yên bình, những bệnh viện và an dưỡng đường trên lãnh thổ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Người đến rất đông, vai kề vai đứng thành hàng ngũ ngay ngắn. Nhiều người cầm súng trường trong tay, mũ đội đầu giắt lá cây xanh như những người lính thường nguy trang khi chiến đấu nơi rừng rú. Trong số những người dự mít-tinh chúng tôi thấy có nhiều cô gái ăn vận quân phục của Quân đội nhân dân. Những chiếc áo đồng phục của họ còn chưa kịp hạc màu dưới nắng mặt trời và bên trong những cổ áo hở có đính phù hiệu đỏ, chiếc áo mặc trong viền « đăng-ten » lộ ra duyên dáng. Nhưng nét mặt những cô gái ấy cương quyết và nghiêm nghị. Nhìn họ, tự nhiên ta phải nghĩ rằng nếu

bây giờ đây, có lệnh chiến đấu với quân thù, tất cả họ sẽ cùng ra tiền tuyến như trong những ngày năm 1941 đang ghi nhớ ở Mạc-tư-khoa và ở những thành phố khác trên đất nước chúng ta. Tuổi trẻ được lòng yêu nước cao cả khích lệ là một sức mạnh vô tận.

Cuộc mít-tinh kết thúc. Trời đổ mưa rào ầm ập. Nước chảy thành dòng trên các đường phố. Nhưng thanh niên không giải tán. Từng đoàn người nối theo nhau giương cao khẩu hiệu và biểu ngữ di tuần hành từ phố này sang phố khác. Đoàn người cứ mỗi lúc một đông như một dòng sông dâng nước lũ. Đến lúc ấy thì không ai có thể nói rằng bao nhiêu người tham gia vào cuộc biểu dương lực lượng hùng hậu này : mười nghìn, mười lăm nghìn hay là hai mươi nghìn. Đây là cả Hà-nội đang đòi chấm dứt các cuộc oanh tạc, đình chỉ những hành động kẻ cướp của không quân Mỹ.

Tại Nhà bảo tàng cách mạng Hà-nội chúng tôi được biết những hành động dã man do bọn quân phiệt Mỹ gây ra trên đất nước Việt-nam đã từng chịu nhiều đau khổ. Nhiều bức ảnh và hiện vật đã tố cáo những hành động xâm lược của Lầu năm góc kể từ năm 1954, tức là ngay sau khi hiệp nghị Giơnevơ được ký kết. Trên những giá triển lãm có trưng bày các thứ vũ khí mà những người yêu nước đã thu được ở Điện-biên-phủ, nơi bọn thực dân Pháp đã phải chịu thất bại thảm hại, bên cạnh, là những bằng chứng lột trần những hoạt động của bọn thực dân mới xuất hiện trong quân phục của quân đội Mỹ. Trên tường là tấm ảnh một tên phi công Mỹ đang bị những thanh niên nông dân giải đi. Nó đã bắn phá những thành phố yền lành trên đất nước Việt-nam. Chiếc máy bay của nó đã không trở về được căn cứ. Đêvit Sacơ và rất có thể một con cháu nào đấy nữa của dòng họ Xtivenxon, cần phải tạ ơn Chúa trời rằng mình vẫn còn được sống. Những tên

đồng nghiệp kẻ cướp của nó, như Đicxơn chẳng hạn, đã phải chịu một số phận khác.

Một hôm, từ một căn cứ không quân Mỹ ở miền Nam Việt-nam chiếc máy bay « Đuglax » do Đicxơn lái từ từ cất cánh. Chiếc máy bay chở đầy bom đạn nhằm hướng Đồng-hới, một thành phố của miền Bắc, bay tới. Đó là chuyến bay cuối cùng thảm hại của Đicxơn. Những loạt đạn chính xác của các chiến sĩ phòng không Quân đội nhân dân Việt-nam đã bắn rơi máy bay của nó. Chiếc máy bay chỉ còn là những đồng sắt cong queo và những viên đạn chưa nổ tung tóe trên mặt đất. Một viên đạn trong số đó hiện đang được giữ ở một « nhà bảo tàng » đặc biệt — trụ sở của hãng thông tấn Liên-xô. Trong « nhà bảo tàng » đó còn có nhiều hiện vật khác phơi bày hành động kẻ cướp của không quân Mỹ. Ở đây còn có chiếc thùng đựng nhiên liệu của máy bay. Người ta đã tìm được chiếc thùng ấy ở một nơi cách trung tâm tỉnh Quảng-bình — thị xã Đồng-hới — vài ba ki-lô-mét. Tôi nhớ lại một túp nhà gỗ nhỏ chất đầy những mảnh máy bay Mỹ bị bắn rơi ngay từ khi chưa lọt được vào không phận thành phố. Một cô gái Việt-nam giản dị, mặc quần đen rộng ống, áo nâu, tay cầm khẩu súng trường, đang đứng canh gác cái « nhà mồ » này. Trên cánh cửa bầu chứa xăng có đề dòng chữ « Đăng ký số 2.771.210 ». Phụ tùng của máy bay do hãng « Hep xpêrion prôđac » (1) tại thành phố Windzor thuộc bang Connecticut ở Mỹ sản xuất.

Tôi muốn kể thêm một biện vật khác trong « nhà bảo tàng »: một mảnh bom Mỹ nhỏ. Đó là một mảnh thép cong, chung quanh nhám nhở. Mảnh bom đó là của một chiến sĩ Việt-nam tặng một nhà báo Liên-xô.

1. Hãng chế tạo sản phẩm đặc biệt Hep.

Cuộc gặp gỡ với người chiến sĩ Việt-nam diễn ra trên một con đường ở miền Bắc Việt-nam.

... Có tiếng từng tràng liên thanh khô khan vọng lại. Có tiếng máy bay bổ nhào đang rít ở quanh đây. Khó mà tin được rằng tất cả những cái đó đều xảy ra cách Hà-nội rất gần... Con đường chạy về phía nam ướt nước mưa loang loáng... Hai bên đường là những cánh đồng lúa phẳng lì, bát ngát. Những người nông dân vừa cấy lúa vừa tiện tay bắt những con cá nhỏ trên đám ruộng còn ngập nước. Những em bé ngồi trên mình trâu, những chị phụ nữ nông dân gồng gánh trên vai. Bên lề đường có những người đàn bà đang rào bước, dáng đi nhẹ nhàng như múa, cánh tay hơi vung vẩy sang một bên. Tất cả là một cảnh thanh bình thường thấy trên các nẻo đường... Bất thình lình có tiếng máy bay vang lên trên bầu trời trong trẻo. Lúc ấy là năm giờ sáng. Chán trời đặng đông ửng hồng báo hiệu một ngày mới đã đến.

Mặt trời đang mọc. Bọn kẻ cướp trên không đã tời giữa lúc chúng tôi đang ở bến phà. Các đồng chí Việt-nam yêu cầu chúng tôi bỏ kính. Tất cả những ai đã từng chiến đấu ngoài mặt trận đều biết rằng nếu có ánh mặt trời phản chiếu lấp lánh trên mặt kính ống nhòm thì kẻ địch hiểu ngay rằng ở đấy đang có bộ đội đồng và cần phải chuyển hỏa lực đến đó. Mặc dầu ở đây, trên con đường Việt-nam này, không có những đơn vị bộ đội hay những đoàn xe tăng đang di chuyển, không có những cỗ súng phòng không, nhưng từ trên cao, máy bay Mỹ luôn luôn tìm kiếm mục tiêu để tiến hành những cuộc tấn công kẻ cướp. Chúng tôi bỏ kính xuống và đi vội đến một cánh rừng gần đó rồi ẩn vào dưới bóng cây. Nhiều người đã ở đấy rồi. Chúng tôi thấy những nông dân với gồng gánh của họ, những người lái xe đêm qua không kịp sang sông và một

thanh niên khoảng chừng 20 tuổi, vận quân phục. Chúng tôi làm quen nhau. Tên anh là Xuân. Anh đang trên đường từ quân y viện trở về đơn vị. Và chính Xuân đã tặng chúng tôi mảnh bom Mỹ mà thầy thuốc đã gấp trong vết thương của anh ra.

— Các đồng chí cầm lấy mảnh bom này để kỷ niệm cuộc gặp gỡ của chúng ta. Chiến tranh đang xảy ra trên đất nước chúng tôi và tôi rất mừng được gặp các đồng chí Liên-xô trên nẻo đường chiến tranh này. Tình hữu nghị giữa chúng ta là vĩnh viễn và bền vững.

Đó là cái lai lịch đơn giản của một mảnh kim loại tuy nhỏ bé nhưng chứa trong mình tất cả sự đều giả và tội lỗi của bọn xâm lược Mỹ ở Việt-nam, và cũng chính là một hiện vật nữa của « nhà bảo tàng » đặc biệt tại trụ sở của hăng thông tấn Liên-xô ở thủ đô nước Việt-nam anh hùng : Hà-nội.

... Kẻ thù tàn ác và nham hiểm. Nhưng không một lực lượng nào có thể phá vỡ được ý chí của nhân dân Việt-nam quyết tâm bảo vệ Tổ quốc của mình. Mọi người đều tin tưởng vào thắng lợi. Và đó là cái chủ yếu. Nhân dân Việt-nam anh hùng đang sống và chiến đấu với một lòng tin như vậy.

Hà-nội, 30 tháng 7-1965

Trích báo Tin tức (Liên-xô)
ra ngày 31-7-1965

HỒNG GIANG dịch

HÀ-NỘI, THÁNG 5 NĂM 1965

IU. JUKÔP và V. SARAPÔP

Hà-nội, thủ đô của một đất nước xa xôi nhưng lại gần gũi với chúng ta, một đất nước đang sống và chiến đấu dưới một bầu trời bị những cánh máy bay Mỹ làm đen bản và thường xuyên nghe những tiếng gầm rú đinh tai nhức óc của bom đạn và trái phá Mỹ.

Hôm nay chúng tôi đang ở tại Hà-nội. Chúng tôi muốn kể cho các bạn nghe về bộ mặt và cuộc sống của thành phố ấy như thế nào.

Thật là một sự tương phản rõ ràng với tình trạng ở Hoa-thịnh-đốn mà Etwin Lây, phóng viên của báo *Người thông tin Maiami* đã miêu tả trong bài báo của mình nhan đề: « Bóng đen của bệnh loạn thần kinh nguyên tử trên thủ đô của đất nước ». Etwin Lây đã viết như sau: « Một tình trạng loạn thần kinh bao trùm cả thủ đô. Mấy ngày qua sự khủng hoảng ở Việt-nam đã làm tình trạng loạn thần kinh ở đây tăng lên một cách kinh khủng. Thành phố giống như một phòng trực ban ở sân bay quân sự vào lúc các phi công lái máy bay ném bom vội vã cài những chiếc cúc áo cuối cùng trên bộ quần áo « com-bi-ne-dong » của mình ».

Và hôm sau như thường lệ, chúng tôi thức giấc vào lúc năm giờ sáng theo điệu nhạc báo thức nhịp nhàng của

dài truyền thanh Hà-nội. Một tờ báo *Nhân dân* mới phát hành đã nằm sẵn dưới khe cửa phòng ngủ khách sạn. Những đầu đề trên các trang báo giới thiệu thành tích sản xuất của các xí nghiệp ở thủ đô, những trận chiến đấu hàng ngày với bọn xâm lược Mỹ, cũng như tình hình khắp nơi đang chuẩn bị gặt chiêm.

Trên các đường phố, hàng nghìn người đi xe đạp đội nón, đội mũ đang vội vã đi làm và gọi nhau ới ới. Ở các ngã tư, các hàng rau, chuối, dưa, được bày ra. Những tờ quảng cáo chương trình phim Liên-xô và chương trình biểu diễn của đoàn ca múa nhân dân Việt-nam được đem dán ở nhiều nơi.

Thời gian bình minh ở đây ngắn ngủi một cách lạ thường. Sáng sáng, những kẻ chào đón bình minh ồn ào nhất là những em bé mắt đen lánh ngồi câu cá ở bên bờ hồ Hoàn-kiểm. Ở một đường phố, tàu điện chạy đến, chuông đồ leng keng. Các cửa hàng đều mở cửa. Không có những hàng người sắp dài dằng dặc. Người mua chọn những hàng hóa cần thiết một cách bình tĩnh, thản nhiên. Việc các nhà máy bắt đầu làm việc vào lúc 5 giờ sáng đã trở thành thông thường. Đến chín giờ rưỡi thì nghỉ việc, và cho đến khi ánh nắng nhiệt đới dịu hẳn, công việc mới lại bắt đầu. Mọi người tự nguyện làm mỗi ngày 9 giờ. Những gì ngày hôm qua là mức đột xuất của một số ít người thì hôm nay đã trở thành mức tự nguyện của tất cả mọi người.

Các bạn Việt-nam ở các tỉnh khu bốn ra có kể cho chúng tôi biết rằng, trong đó, mặc dù máy bay Mỹ ném bom liên tục ở nhiều nơi, các xí nghiệp vẫn sản xuất có kết quả như thường. Chỉ có khác là không giữ được nhịp điện sản xuất theo một nền nếp nhất định. Mỗi khi có máy bay Mỹ tới, mọi người đều xách súng chạy ra vị trí chiến đấu ngay. Khi báo an họ lại trở về với

máy móc của mình. Anh chị em công nhân làm việc cho đến khi đạt được mức đã định mới chịu về nhà.

Đường phố Hà-nội bây giờ không đông người và huyền ảo như trước đây bốn tháng — bởi vì những người thấy không cần thiết sống ở Hà-nội, đã sơ tán khỏi thành phố. Tuy vậy, sáng hôm nay chúng tôi cũng gặp và làm quen với những sinh viên của các trường đại học ở Hà-nội đang chuẩn bị thi. Một nữ sinh viên y khoa tên là Tuyết, tóc đen nhánh, mắt đen huyền, năm nay sẽ lên năm thứ 4. Bên cạnh là một sinh viên ngành cơ khí trường Đại học bách khoa. Những tòa nhà mới sừng sững của trường đại học này đang được tiếp tục xây dựng với sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên-xô, ở bên kia cái hồ nhân tạo do những người dân trong thành phố đào lên tại chỗ trước kia là một bãi rác công cộng.

Và ở đây, trong cái công viên mới được xây dựng, vang tiếng ve kêu và sức mùi hương của các loại hoa, người ta thấy những cây dừa mập mạp, thẳng tắp, ngọn vươn lên nền trời, tất cả đều nói lên tấm lòng của mỗi người dân Việt-nam ngày nay. Công viên được đặt tên là « Thống nhất », và giữa bồn hoa ngay chỗ cổng ra vào, người ta thấy nổi lên dòng chữ hằng những bông hoa tím ngắt: « Hà-nội — Huế — Sài-gòn ». Cuộc triển lãm lớn tổ chức tại trung tâm thành phố đã làm cho chúng tôi thấy rõ ý nghĩa của hàng chữ hoa nói trên. Triển lãm là một sự trình bày, một dẫn chứng hùng hồn về cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, một cuộc đấu tranh mà Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt-nam đã xác định rõ như sau: « Đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược để bảo vệ miền Bắc và hết lòng hết sức ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước giải phóng miền Nam ».

Cái « đình » của cuộc triển lãm này là một bãi đất lớn đầy những mảnh máy bay Mỹ bị những người bảo vệ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa bắn rơi tan tành. Ở đây có cả những mảnh máy bay có cánh quạt bay chậm cất cánh từ các hàng không mẫu hạm của hạm đội bảy lẫn những loại máy bay phản lực siêu âm tối tân nhất F. 105 D có thể mang bom hạt nhân. Trên một đoạn đuôi máy bay bị cháy xém, chúng tôi thấy một bình vẽ ngạo mạn và dòng chữ đề « Dũng sĩ nhà trời ». Ngày xưa, các phi công của Gorinh (1) cũng thích những hình vẽ bôi bẩn như vậy. Những chiếc máy bay bị cháy xém của chúng được trang hoàng bằng những biển trưng nghe kêu như thế, chúng tôi đã trông thấy trong một cuộc triển lãm chiến lợi phẩm ở công viên văn hóa và nghỉ ngơi tại Mạc-tư-khoa. Lúc bấy giờ chúng tôi có nghĩ đâu rằng không đầy một phần tư thế kỷ sau chúng tôi lại thấy một cuộc triển lãm như thế tại một vùng nhiệt đới ở cách xa Mạc-tư-khoa hàng nghìn cây số !

Cuộc triển lãm này có đặc điểm là nó luôn luôn được bổ sung bằng những hiện vật mới. Giống như ở một sân đấu bóng, phía trên cái « nghĩa địa » của kỹ thuật hàng không Mỹ ấy, người ta thấy treo một tấm bảng có ghi con số các loại máy bay Mỹ bị quân dân Việt-nam bắn rơi ; những con số đó thay đổi hàng ngày.

Ngày khai mạc triển lãm, tức là ba tuần trước, con số trên tấm bảng là « 183 » thế mà hôm nay đã lên tới « 256 ». 256 tên phi công tàn bạo Mỹ đã phải kết thúc một cách nhục nhã sự xuất trận của chúng trên các vùng trời của Việt-nam. Và đó là chưa tính 27 máy bay Mỹ nằm phoir xác trên những bãi cát gần Đà-nẵng bên kia vĩ tuyến 17. Các sĩ quan làm công việc thống kê

(1) Tên tư lệnh không quân của phát-xít Đức.

quân sự ở Lầu năm góc cũng phải thử mặt ra khi các ngài ấy thấy: theo những số liệu chính thức của Mỹ (tất nhiên bị hạ thấp rất nhiều), trong « cuộc chiến tranh ở Việt-nam », không quân Mỹ cứ 60 lần cất cánh thì bị mất một máy bay, trong khi đó trong « cuộc chiến tranh Triều-tiên » trước đây, phải 750 lần cất cánh chúng mới bị mất một chiếc. Mà giá thành của một chiếc máy bay hiện đại thì cao hơn rất nhiều so với những máy bay chiến đấu đã dùng trong những năm 50! Do đó mà hiện nay có những sự hạn chế hết sức khắc nghiệt của các vị đại diện Lầu năm góc đối với các nhà báo hoạt động bên kia giới tuyến! Thậm chí các nhà báo đó bị cấm không được đến ăn tại những nhà ăn dành riêng cho các sĩ quan và hạ sĩ quan, bởi vì các ngài ấy sợ rằng họ có thể nói chuyện với nhau về những gì đã xảy ra cho các « Dũng sĩ nhà trời » trên bầu trời của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Gần đây, các nhà báo còn bị hạn chế nhiều hơn nữa. Người ta dọa trục xuất (1) nếu họ tỏ ra « quan tâm quá mức » đến việc lui tới các nhà ăn dùng cho binh lính ở vùng căn cứ không quân Đà-nẵng.

Nhưng những xác máy bay Mỹ được trưng bày trong cuộc triển lãm ở Hà-nội đã nói lên một cách hùng hồn hơn rất nhiều so với những gì mà bọn lính ở căn cứ quân sự Mỹ có thể kể lại. Cái kim giấu trong túi lâu ngày cũng phải thối ra.

Sự việc là như vậy. Trong khi đó, ở Hà-nội, tuy có căng thẳng, nhưng mọi người vẫn sinh hoạt một cách bình tĩnh. Người ta làm việc, học tập. Và người ta còn có điều kiện nghỉ ngơi nữa.

Giờ đây khi những dòng này được truyền đi qua vô tuyến điện thoại, thì đài phát thanh đang truyền đi một bản nhạc vui. Các cô gái vừa đi làm việc về đang chuẩn bị đi xem chiếu bóng. Chỉ có điều là các cô tạm không

mặc những bộ quần áo trắng cổ truyền mà thay vào đó là những bộ quần áo màu thẫm, làm mọi người nhớ đến đất nước đang có chiến tranh. Các cửa hàng sách vẫn tấp nập người ra vào. Các phòng đọc sách vẫn đông người.

Và nếu phóng viên của một tờ báo Mỹ cảm thấy thủ đô nước hắc giống như phòng trực ban của một sân bay, ở đó các phi công không chút tự tin vừa đi đi lại lại một cách mất bình tĩnh vừa cài lại các cúc áo, thì ở đây, chúng tôi thấy thành phố thủ đô của nước xã hội chủ nghĩa quang vinh này vẫn giữ vững nền nếp sinh hoạt, biểu hiện một tinh thần kỷ luật và anh dũng cao. Và kia, trước mắt chúng tôi, một đồng chí bộ đội Việt-nam đang đứng ở vị trí chiến đấu của mình, bình tĩnh và đầy tự tin.

Trích báo *Sự thật* (Liên-xô) số ra ngày 6-5-1965

MINH HẢI dịch

VIỆT-NAM CHIẾN ĐẤU

ALEXANDRO TE-GRIGORIAN

Ở Thanh-hóa có một hòn núi người ta gọi là « Người đàn bà ngủ ». Thực vậy, trông từ xa, hòn núi giống bóng dáng một người đàn bà. Người Việt-nam yêu mến người đàn bà đẹp bí mật ấy. Ở nước này, tiêu chuẩn của mọi cái đẹp là vẻ đẹp của phụ nữ. Có lẽ vì thế mà đất nước này là đất nước của lòng dũng cảm hùng tráng. Một ngọn núi khác tên là « Núi vọng phu » (Người đàn bà đợi chồng).

Chờ đợi người yêu đi chinh chiến thật là buồn. Bao thế kỷ nay, phụ nữ Thanh-hóa đã phải trải qua sự đợi chờ đó. Chồng họ xưa kia phải đánh đuổi quân Chiêm-thành từ phía nam lên, quân phong kiến Trung-quốc từ phía bắc xuống và gần đây, chiến đấu chống bọn đế quốc Pháp và Nhật-bản. Nhưng ngày nay, phụ nữ Thanh-hóa không còn đứng trên đường buồn rầu đưa mắt ngóng nhìn chân trời nữa. Họ chiến đấu bên cạnh nam giới và đôi khi thay thế cả nam giới.

Tôi đã gặp một trong những người phụ nữ đó tại cuộc họp của hợp tác xã nông nghiệp Nam-ngạn. Tên cô ta là Ngô thị Tuyền, mười tám tuổi. Tóc cô tết thành bím nặng, đen nhánh như than. Cô có một khuôn mặt dịu dàng, trong trắng, cười mở, thanh tao

như một bức tranh lụa, đôi bàn tay thô của người phụ nữ nông dân, đôi bàn tay của một phụ nữ nơi đồng ruộng. Hai hàng mi dài của cô chớp chớp khi cô hỏi tôi phụ nữ nông thôn chúng tôi bắn có giỏi không? Tôi trả lời là tôi không biết nhưng có lẽ họ bắn cũng khá. Tuyền tự hào nói với tôi :

— Hôm qua tôi đạt 29 điểm trên 30.

Đối với cô, điều đó rất quan trọng. Vì cô chiến đấu cùng với những người bảo vệ cầu xe lửa Hàm-rông mà bọn phi công Mỹ đã cố phá hủy đầu tháng tư. Cô bắn vào các máy bay F.105 và viên đạn xuyên thùng bầu ét-xăng của chiếc máy bay rất có thể là do khẩu súng trường của cô Tuyền bắn ra.

Tuyền giải thích :

— Khi chúng bay thấp là là mặt đất, là dân quân chúng tôi bắn. Đại đội chúng tôi có hai mươi nữ thanh niên, họ bắn chẳng kém gì nam giới.

Nghe cô nói, tôi tự bảo rằng rồi một ngày kia, người Việt-nam là những người có tâm hồn thi sĩ sẽ đặt tên cho một ngọn núi của họ...

Tôi đã gặp chiến tranh lần đầu tiên tại Đồng-hới vào khoảng đầu tháng hai. Cuộc tấn công thật là tàn ác và dè hèn như mọi cuộc tấn công của không quân Mỹ đánh vào các thành phố và làng xóm của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Hai tháng rưỡi sau, trở lại Việt-nam, tôi lại rời Hà-nội đi về phía nam. Lần này là chủ tâm để được trông thấy chiến tranh... Máy bay kêu ầm ầm, súng cao xạ bắn đoàng đoàng, bom nổ. Những con người can đảm cầm súng trường, lạnh lùng, bình tĩnh nhắm bắn vào những chiếc máy bay đang bỏ nhào. Đêm đến, sau những giờ chiến đấu dài đằng dặc, căng thẳng, mệt lử vì hơi nóng ngột ngạt của các chiến hào, họ lại cầm cốc,

xẻng để dọn và sửa sang lại những nơi bị tàn phá. Trẻ em thắp những ngọn đèn dầu hỏa nhỏ xíu, cắm cúi trên những quyển vở nhàu nát. Các bà bán hàng bở ở trong bị ra náo chuối, náo đu đủ, vải. Thỉnh thoảng một ánh đèn pin lóe sáng, một hiệu lệnh ngân vang lên, các xe ô-tô xếp hàng trước bến phà...

Lòng dũng cảm của những con người ấy thật là vô biên. Ban ngày họ đứng trong các chiến hào sẵn sàng nổ súng. Họ là dân quân, là du kích. Ban đêm, họ lao động tranh thủ làm bù vào thời gian mất đi vì những cuộc oanh tạc. Tuy nhiên, trên nét mặt họ không hề thấy hoang mang, nghi hoặc. Có lẽ vì thế mà sự thiệt hại về nhân mạng tương đối ít ở đây.



Ngồi trên bờ chiến hào, Luyện cố lấy đá đập vỡ một quả dừa xanh to tướng. Máy bay vừa mới đi khỏi và báo động chưa hết. Mặc dù cấp bậc trung đội trưởng và chiếc mũ bắc cái lá nguy trang, trông cô giống như một con chim nhỏ, vui vẻ. Chẳng ai bảo rằng máy bay vừa mới bắn vào cô.

Cuối cùng cô đập thủng được quả dừa, uống một hơi rồi đưa cho tôi. Tôi uống cái thứ nước ngọt và mát ấy...

Luyện hát, giọng thanh và trong. Nhưng tiếng gầm rú của máy bay phản lực làm cô ngừng lại. Chúng tôi nhảy xuống hào. Trên đầu chúng tôi, tốp máy bay lồng lộn, súng cao xạ bắn ầm ầm, tiếng trọng liên đáp lại, kính ở một ngôi nhà gần đấy rung lên...

Rồi im lặng lại trở lại. Xa xa có tiếng bom nổ, nghe giống như tiếng mở nút chai. Báo động vẫn chưa chấm dứt... Tôi đi ra phòng bưu điện để gửi bài báo của

tôi. Giữa trưa, thành phố Vinh vắng tanh và lặng lẽ. Tưởng chừng như có kẻ tình nghịch quái ác nhen mặt trời lên giữa ban đêm khi mọi người đã yên ngủ cả. Nhưng cái trống rỗng đó chỉ là một ảo giác. Có những người đội mũ lá nấp dưới các lùm cây. Có những bụi cây di động trên đường : một cỗ súng cao xạ cùng với các pháo thủ đang đổi vị trí.

Bốn máy bay trắng ánh bạc xuất hiện từ phía sau rừng cây. Một chiếc loa phóng thanh gắn trên cột điện, hô vang :

— Các tổ săn máy bay, bắn ! Nhắm thẳng trúng đầu quân thù má bắn !

Một dân quân trẻ măng cầm một khẩu súng trường bắn liên hồi vào máy bay. Súng cao xạ tự động lia một băng đạn nữa. Một chiếc máy bay bỗng dừng bắn và như đứng sững lại, treo lơ lửng trên một sợi dây bằng khói. Từ các chiến hào nổi lên những tiếng hoan hô và vỗ tay vui sướng.

Đó là cuộc sống hàng ngày ở Vinh, thành phố của cách mạng, tình lý của Nghệ-an, nơi xuất hiện những xô viết công nông Việt-nam đầu tiên vào những năm '30. Máy bay ném bom Mỹ mỗi ngày tới đó mười lần để cố buộc mọi người phải chúi xuống đất, để làm nhục họ, để bẻ gãy họ, để giết họ. Nhưng máy bay đều bất lực. Vinh vẫn chiến đấu.

Chúng tôi rời thành phố vào lúc chạng vạng tối. Cần phải tới Thanh-hóa trước trời sáng, nếu không sẽ có thể bị nghiền lại 24 tiếng đồng hồ nữa. Nhưng chiếc xe Vonga của chúng tôi vừa mới đi được vài cây số, tới gần một bến phà thì một ánh sáng chói lọi soi tỏ mọi vật. Máy bay Mỹ mà người ta tưởng đã đi khỏi vẫn còn đây và thả pháo sáng trên khúc sông này. Chúng tôi lao xuống các hầm trú ẩn bên đường. Giữa những

loạt đạn cao xạ pháo, bom nổ ầm ầm. Những viên đạn lửa vạch lên nền trời những đường lấm chấm đỏ lừ. Đầu đó, ở tít trên cao, đạn pháo nổ. Một tiếng đồng hồ sau thì hết, chúng tôi lại đi.

... Tôi nhớ đến bác sĩ Trần Văn Quý ở bệnh viện Thanh-hóa mà tôi vừa mới gặp hôm qua. Ông ta nói với tôi về một tên phi công Mỹ bị bắn rơi và được đưa vào bệnh viện với một vết thương nặng ở chân. Gặp ai, tên phi công cũng chia ra một mảnh vải ny-lông trên có in cờ Mỹ và một câu nhắc lại bằng nhiều thứ tiếng: «Đừng giết tôi! Cho tôi ăn và cho tôi trở về nước tôi». Nó có quyền gì mà mong đợi thiện cảm của mọi người? Nhưng nó nhìn van vỉ và chia mãi cái giẻ ny-lông của nó ra. Mắt nó tròn xoe. Chẳng ai muốn giết chết nó, người ta đã đưa nó tới bệnh viện để chữa cho nó. Trong khi mổ, tiếng súng cao xạ vẫn nổ ầm ầm. Người ta đã cứu được cái chân của nó. Nó vẫn không ngừng mân mê cái giẻ ny-lông.



Những cuộc chiến tranh liên miên, những cuộc xâm lược của ngoại bang, những sự thiếu thốn kinh khủng, cuộc chiến đấu giành tự do kéo dài hàng mấy chục năm, tất cả những cái đó đã khiến cho lòng dũng cảm trở thành một đặc điểm của dân tộc tinh Việt-nam.

Đại úy Luyện nói với tôi:

— Không thể dùng máy bay tiêu diệt chúng tôi được. Trên bộ bọn Mỹ khó mà đánh nhau được với chúng tôi. Vả lại, chính chúng cũng biết vậy. Nếu chúng đến đây, chúng sẽ được ném mùi Điện-biên-phủ.

Tại một hợp tác xã, người ta giới thiệu tôi với đồng chí Tuyết, chủ tịch hợp tác xã. Con người có tuổi này

đã mười một lần bị thương trong kháng chiến. Ông chỉ cho tôi xem những hăm ngăm và bầy. Ông nói :

— Những cái này là còn lại từ hồi kháng chiến. Bây giờ chúng tôi đã sửa sang lại tất cả. Nếu bọn Mỹ đến, chúng sẽ rơi vào bầy của chúng tôi, như bọn Pháp vậy.

Khuôn mặt già dạn, đầy sẹo, mím một nụ cười. Ông lấy một thân cây chọc vào một cái hố nguy trang bằng lá rất khéo. Hàng chục chông nhọn đâm ngay vào thân cây.

Tôi nghĩ đến bọn Mỹ rơi vào những hăm chông tương tự ở miền Nam...

Mặt trận không chiến ngày càng nhích gần lại Hà-nội. Cách thủ đô 100 cây số, chiến tranh diễn ra ác liệt. Thành phố bình tĩnh, khắc khổ, sẵn sàng đánh lui mọi cuộc tấn công của địch.

Tôi nhớ tới quang cảnh sân Nhà máy cơ khí Hà-nội hồi tháng hai, khi mọi người chờ đón Nguyên soái tư lệnh không quân Vecsinin và các vị khác trong đoàn đại biểu Liên-xô. Hai bên con đường chạy dọc các xưởng máy, các thiếu nữ mặc áo đỏ, hoa cà, quần trắng và những thanh niên đứng vẫy cờ Việt-nam và Liên-xô. Bây giờ không còn nói đến chuyện quần áo đẹp nữa. Con đường đi chính vắng vẻ. Các cây mang những biển trắng trên ghi tên : Guxep, Pêtrôp v.v.... Đồng chí phiên dịch bảo tôi :

— Đây là con đường hữu nghị. Ở đây, mỗi đồng chí chuyên gia Liên-xô trồng một cây.

Ngay tại nhà máy, trong tiếng máy chạy rầm rầm, cuộc sống vẫn tiếp tục theo nhịp bình thường. Đồng chí giám đốc Võ Thành Công, hiểu về mặt tôi. Ông nói với tôi bằng tiếng Nga :

— Phải, chúng tôi làm việc gấp rút. Anh em công nhân đã quyết định tăng chỉ tiêu của kế hoạch lên 20% so với năm ngoái. Đó là câu trả lời của chúng tôi cho bọn xâm lược Mỹ...

Những lời nói đó thật không cần phải bình luận gì thêm nữa. Bất cứ người dân Hà-nội nào, làm việc ở bất cứ xí nghiệp nào, cũng có thể nói được như vậy. Lúc này là chiến tranh. Chiến tranh « đặc biệt » hay « không tuyên bố », cái đó không quan trọng. Đó là một cuộc chiến tranh bỉ ổi do chủ nghĩa đế quốc Mỹ gây ra với những con người yêu chuộng hòa bình và tự do. Đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa của một dân tộc dũng cảm chống lại kẻ xâm lược.

Trích báo *Thời mới* (Liên-xô) số 20, 17-6-1965

NGUYỄN VINH dịch

NHỮNG NGƯỜI LÍNH CỦA THÀNH PHỐ CẢNG HẢI-PHÔNG

V. KAXXIX và IU. IUKHANANÔP

Những cuốn sổ ghi chép cũ là người bạn đường của nhà báo — nó giúp chúng tôi nhớ lại những sự kiện mười năm trước đây có liên quan đến chuyến đi thăm Việt-nam đầu tiên của chúng tôi. Một trong những trang sổ ấy bắt đầu bằng một đoạn miêu tả con đường Hà-nội — Hải-phòng.

« Màu xanh rờn của những thửa ruộng lúa — những người nông dân đội nón lá đang cấy. Tương phản với cảnh thanh bình ấy, những lò-cốt bằng bê-tông cốt sắt màu xám xịt dựng lên lù lù đầy đó. Với những lỗ châu mai như những con mắt của thần chết, những lò-cốt ấy nhìn chùng chùng về phía các làng mạc, nhìn những chiếc xe ô-tô đang phóng trên đường và nhắc ta nhớ đến những kẻ vừa mới đây đã dùng súng máy và đại bác hăm dọa những người nông dân Việt-nam, nhắc ta nhớ đến những ngày đã qua của bọn thực dân Pháp ».

Và đây, chúng tôi lại đi trên con đường Hà-nội — Hải-phòng. Chúng tôi đi về thành phố cảng của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, trung tâm công nghiệp lớn thứ hai trong nước. Quang cảnh có thay đổi gì không? Có mà cũng không. Những lò-cốt cũ đã có đôi chỗ vỡ

lở, thụt sâu xuống đất. Chẳng ai cần đến những con quái vật thô kệch ấy cả. Đây đó, tiếng máy bơm đưa nước vào ruộng lúa nở đều đều. Nhưng nhiều việc vẫn còn phải làm bằng tay. Lao động của nông dân còn khá nặng nhọc. Tuy nhiên, nhiều nơi trước đây chỉ thu hoạch được một vụ, nay đã thu hoạch tới hai, ba vụ. Phân bón và các biện pháp khác của Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa trong mười năm qua đã giúp nông nghiệp tiến triển mạnh.

Một điều khác cũng đập vào mắt mọi người : đây đó giữa các thửa ruộng lúa có những mô đất cao nổi lên trên mặt nước. Đây là những hầm trú ẩn tránh bom. Những hầm ấy mới xuất hiện gần đây khi máy bay Mỹ bắt đầu tiến hành những chuyến bay ăn cướp vào miền Bắc Việt-nam.

Ở vùng phụ cận Hải-phòng và ngay trong thành phố, chúng tôi cũng thấy những hầm ấy. Đúng hôm chúng tôi đến, thành phố đã bắn rơi một con điều hâu Mỹ. Mảnh của chiếc máy bay đó đã rơi cả xuống biển. Ở một trạm kiểm soát, những người lính Việt-nam đã nói với chúng tôi rằng gần đây những máy bay Mỹ thường xuyên lai vãng đến vùng Hải-phòng, vì vậy họ phải luôn luôn cảnh giác.

Tại nhà máy nhựa Tiên phong và một xí nghiệp công nghiệp lớn của thành phố -- Nhà máy xi-măng, người ta đã nói cho chúng tôi rõ về sự sẵn sàng chiến đấu của anh em công nhân.

Ở Nhà máy xi-măng, đồng chí Nguyễn Mẫn, giám đốc nhà máy nói với chúng tôi : « Trên đường về Hải-phòng, chắc các đồng chí đã trông thấy rất nhiều lô-cốt. Những lô-cốt ấy làm bằng xi-măng của chúng tôi. Trong những năm chiến tranh, bọn Pháp đã sử dụng phần lớn sản phẩm của nhà máy này vào việc xây

dựng công sự. Số còn lại chúng đem xuất khẩu ra nước ngoài để kiếm lời. Hải-phòng được giải phóng sau Hà-nội ba trăm ngày — 13 tháng 5 năm 1955. Bọn thực dân đã lợi dụng thời gian ấy để chuyển đi hết thiết bị chính của nhà máy, làm cho nhà máy tê liệt ».

Những cái bây giờ chúng tôi nhìn thấy vừa gây cho chúng tôi một ấn tượng sâu sắc, vừa làm cho chúng tôi vui sướng. Đồng chí Nguyễn Mẫn đưa chúng tôi đi thăm từ phân xưởng này sang phân xưởng khác, kể cho chúng tôi nghe về các thành tựu, đưa ra rất nhiều con số.

— Các đồng chí Liên-xô đã giúp đỡ chúng tôi phục hồi và xây dựng lại nhà máy. Rất cảm ơn các đồng chí. Năm nay, chúng tôi đưa chỉ tiêu sản xuất tăng lên gấp bội. Chúng tôi nhận trách nhiệm đem số xi-măng sản xuất vượt kế hoạch đóng góp vào việc quốc phòng.

Đồng chí giám đốc giới thiệu chúng tôi với đồng chí Thế Sơn. Thế Sơn chừng 30 tuổi. Chức vụ của đồng chí hiện nay, trước kia không có. Hoàn cảnh của cuộc sống đã để ra nó. Bây giờ Thế Sơn lãnh đạo tự vệ nhà máy. Chính bản thân đồng chí là công nhân. Thoạt đầu đồng chí không muốn rời phân xưởng của mình.

— Nhưng mà cần phải như vậy, — đồng chí cười. Bây giờ tất cả công nhân đều đứng trong hàng ngũ tự vệ. Thí dụ như đồng chí Giao đây chẳng hạn...

Giao người xương xương, khuôn mặt gân guốc thông minh, trông khoảng độ ba mươi hai tuổi, đưa bàn tay chắc nịch ra bắt tay chúng tôi. Đồng chí Giao lãnh đạo một tập thể được nhận danh hiệu tổ lao động xã hội chủ nghĩa. Anh em trong tổ đã tăng thời hạn sử dụng lò lên gấp hai, tiết kiệm được 60 nghìn đồng. Giao sinh và lớn lên ở miền Nam Việt-nam. Gia đình của đồng chí, vợ và con cái đều ở lại dưới vĩ tuyến 17.

— Không phải dễ dàng gì, Giao tự xác nhận. Nhưng tôi biết rằng bạn bè của tôi ở miền Nam Việt-nam đang đấu tranh chống bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai của chúng. Họ còn có nhiều khó khăn hơn chúng tôi kia. Bây giờ tất cả chúng tôi, công nhân nhà máy, nhân dân lao động của cả nước, đều một tay cầm búa, một tay cầm súng.

Giao nói một cách nồng nhiệt về Liên-xô, về sự ủng hộ của đất nước Xô-viết đối với nhân dân Việt-nam.

Hải-phòng nằm trên bờ sông, gần cửa sông đổ ra biển. Đây là hải cảng lớn nhất ở miền Bắc Việt-nam, cửa biển của cả nước. Từ nơi đây, những bao xi-măng Hải-phòng, những lâm sản quý giá, hoa quả nhiệt đới, hàng mỹ nghệ đi ra « thế giới lớn ». Các nước xã hội chủ nghĩa anh em gửi đến Hải-phòng thiết bị kỹ thuật, máy móc, phân hóa học.

Tại trụ sở Ủy ban hành chính thành phố, chúng tôi được biết là hiện nay có hai chiếc tàu Ba-lan đang đậu ở cảng.

Chúng tôi đã định ra cảng, thì tiếng còi báo động bỗng rú lên. Qua đài truyền thanh, ban phòng không loan báo cho biết máy bay Mỹ hiện ở cách thành phố bốn mươi cây số. Nhân dân được lệnh ra hầm trú ẩn. Thành phố phút chốc thay đổi hẳn. Phố xá không còn một bóng người. Xe ô-tô dừng lại hết. Qua chừng hai mươi phút, máy bay của không quân Mỹ vạch những vết trắng dài trên nền trời trong xanh bay lên hướng bắc. Còi báo an. Thành phố lại trở lại cuộc sống bình thường.

Đợt báo động lần thứ hai xảy ra vừa lúc chúng tôi đang ở trên bến cảng, chuẩn bị bước lên cầu chiếc tàu Ba-lan « Paven Phindler ». Đành tạm thôi hoãn cuộc thăm tàu. Nhưng ít lâu sau chúng tôi vẫn đến thăm

được các thủy thủ Ba-lan. Trong phòng của thuyền trưởng Petr Edmund chúng tôi đã chuyện trò về những hành động trắng trợn của bọn Mỹ ở miền Nam Việt-nam, về những hành động kẻ cướp của không quân Mỹ ở vùng miền nam Trung-hoa và các vùng biển khác. Edmund đã ngoài năm mươi tuổi; ông làm nghề đi biển từ khi còn nhỏ.

— Tôi đã thấy nhiều trong cuộc đời tôi — ông nói — Nhưng hành động ăn cướp này, đúng như nghĩa của nó, tôi chưa bao giờ từng thấy. Nhưng mặc cho chúng làm gì đi nữa, chúng cũng phải hiểu rằng: những người Ba-lan chúng tôi kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt-nam. Bọn Mỹ đã biến bạm đội của chúng thành chi nhánh sen đầm của Hoa-thịnh-đốn. Nhưng chúng ta đã biết rõ cần phải đối xử với bọn sen đầm thế nào rồi. Nhờ trời, chúng ta, những người Ba-lan, những người Liên-xô, cũng đã từng có kinh nghiệm.

Từ cầu chỉ huy nhìn xuống, cảng hiện ra rõ như trong lòng bàn tay. Những dãy nhà kho đều đặn, những ống khói mọc thiết bị chồng chất. Trên nhiều mặt hòm có đề rõ địa chỉ nơi gửi: Liên-xô, Tiệp-khắc, Ba-lan, Rumani... Những chiếc xe tải chạy điện đi lại như mắc cửi, cần trục ken kết xoay chuyển. Mặc cái nóng kinh khủng (trong phòng thuyền trưởng có ba chiếc quạt máy chạy đều mà nhiệt kế cũng lên tới 39°), công việc bốc dỡ và xếp hàng ở cảng vẫn không ngừng. Hoàn cảnh khắt khe đòi hỏi mỗi người công nhân cảng phải đem hết sức lực ra làm việc. Thủy thủ trên các tàu cũng xuống giúp đỡ các bạn Việt-nam. Một chiếc tàu được bốc dỡ nhanh — đó là một đóng góp vào sự nghiệp chung đấu tranh với kẻ thù.

Ngày hôm ấy, lần thứ ba trên bầu trời thành phố vang lên tiếng còi báo động. Lần này, máy bay Mỹ đến

rất gần. Chúng tôi nghe thấy tiếng bom nổ. Súng cao xạ phòng không nhả đạn. Qua nửa giờ, khi cuộc tấn công bị đánh lui, chúng tôi lên đường đi Đờ-sơn.

Đờ-sơn là một khu vực nghỉ mát ngoạn mục trên hồ biển, có những biệt thự mái đỏ ẩn giữa màu xanh của những vườn chuối và dừa. Chúng tôi đã ở lại đây suốt nửa ngày. Khi trước, những biệt thự này là của bọn Pháp. Sau năm 1954, chúng đã trở về tay nhân dân lao động. Trên những cánh cửa sắt chạm trổ trước các tòa biệt thự xuất hiện những tấm biển: « Nhà nghỉ », « Nhà an dưỡng ».

...Tại nhà ăn của bộ đội, có một chiếc bảng đen bình thường. Trên bảng nổi rõ những hàng chữ viết bằng phấn trắng: « Bữa cơm chiều nay, chúng tôi có bán chè đỗ đen, mời bà con đến ăn. Mỗi bát giá hai hào ».

Một sự việc nhỏ nhặt, nhìn qua tưởng như không đáng kể. Nhưng hãy nghĩ kỹ mà xem: nó nói lên rất nhiều. Bộ đội bèn nhân dân, nhân dân bên bộ đội. Trước đây cũng như bây giờ họ luôn luôn giúp đỡ lẫn nhau. Chính vì thế mà chính sách mạo hiểm của Hoa-thịnh-đốn cứ thất bại liên miên, chính vì thế mà bọn phi công Mỹ chẳng bao giờ có thể khuất phục được nhân dân Việt-nam.

Hà-nội, 26 tháng 7

Trích báo *Tin tức* (Liên-xô) ra ngày 27-7-1965

ĐỖ QUYỀN dịch

VINH: THÀNH PHỐ CHIẾN SĨ

Iu. Jukốp và V. Sarapốp

Cái tên Vinh nghe thật du dương và âm vang. Vinh... nghe như tiếng chim hót trong rừng sâu. Chúng tôi đã biết những gì về thành phố đó mà ngày nay tên luôn luôn được nhắc tới trong các bản thông báo tình hình chiến sự vào cái mùa xuân chấn động của năm 1965 này?

Muốn tìm nó trên bản đồ Việt-nam, bạn hãy đặt ngón tay vào phía dưới vĩ tuyến 19 một chút. Ở đó, trong cái eo nhỏ nhỏ ngay cạnh biển gần cửa một con sông lớn là sông Lam, bạn sẽ thấy một cái chấm, cái chấm đó đối với trái tim mỗi người Việt-nam có biết bao nhiêu là ý nghĩa.

Phải nhớ rằng: từ khi Việt-nam trở thành một nước tự do, từ tháng 8 năm 1945, ở Nghệ-an, mà Vinh là tỉnh lỵ, chưa bao giờ là cờ đỏ sao vàng bị hạ xuống.

Mà thời gian ấy có biết bao nhiêu là khó khăn gian khổ. Kẻ thù, một lần nữa, lại đến Sài-gòn, đánh chiếm Hải-phòng, Hà-nội và nhiều thành phố khác. Nhưng đối với Trung-bộ, với các tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh thì ngay cả bọn S.S. đã hết thời, tự bán rẻ thân mình cho đội quân lê dương Pháp, cũng không dám lộ mặt tới. Trong suốt thời gian kháng chiến ở đây, chính

quyền nhân dân đã ban hành những luật lệ của mình, tự in ra tiền; các công xưởng làm súng đạn vẫn hoạt động, các trường đại học vẫn đào tạo cán bộ chuyên nghiệp.

Có thể nào lại khác được ở một nơi đã trở thành quê hương của chính quyền Xô viết đầu tiên ở Đông Nam Á năm 1930? Trong « Viện bảo tàng Xô viết những năm 1930—1931 », chúng tôi đã được thấy những di vật lịch sử rất quý giá của những ngày ấy. Tại đây, ở Vinh, đã diễn ra cuộc đấu tranh giai cấp mạnh mẽ đầu tiên, vào ngày 1 tháng 5 năm 1930; cuộc đấu tranh đã vang dội về tận các vùng nông thôn, nơi có những người nông dân cầm chĩa gậy rom đứng lên đấu tranh chống bọn địa chủ phong kiến, giống hệt như những người nông dân Nga hai mươi năm trước đó đã đứng lên chống lại bọn quý tộc.

Và giờ đây Vinh lại một lần nữa trở thành thành phố chiến sĩ: quân lực của một nước ở cách đây rất xa—đó là nước Mỹ—không hề có một sự tuyên chiến nào, vào ngày 5-8 đáng ghi nhớ của năm ngoái đã tấn công thành phố Vinh. Từ đó đến nay, mười tháng ròng rã (!), thành phố Vinh sống trong tình trạng chiến tranh.

Chúng ta hãy ghi nhớ lấy những con số sau đây: chỉ nguyên trong tháng 4, ở Nghệ-an đã báo động tới 200 lần. Từ trên không, bom và đạn rốc-két có thể trút xuống đây bất cứ lúc nào, ban ngày cũng như ban đêm. Những tên phi công của Mắc Namara chẳng cần mất công lựa chọn mục tiêu. Đối với chúng thì mục tiêu gì cũng đều được cả: doanh trại bộ đội hay là nhà ở của thường dân, cầu cống hay trường học, chợ hay công xưởng, con trâu trên cánh đồng hay chiếc ô-tô trên đường cái.

Thế còn Vinh thì sao? Thành phố đặt tất cả lòng tin của mình vào những chiến sĩ không biết mệt mỏi là gì, cương quyết bảo vệ Vinh bằng một lưới lửa dày đặc. Mà chính cả thành phố cũng tham gia vào công cuộc bảo vệ đó. Mỗi khi máy bay oanh tạc của địch bất ngờ xâm phạm bầu trời thành phố (mà một ngày có khi tới mười lần như vậy) thì từ các giao thông hào, từ các mái nhà, từ bất kỳ một nơi nào có điều kiện nguy trang, bay lên hàng loạt kim loại nóng bỏng. Không phải chỉ có các đơn vị cao xạ bắn lên mà cả các đội dân quân tự vệ cũng bắn. Những người không có vũ khí thì giúp đỡ các đồng chí mình.

Thành phố vẫn sống và làm việc với nhịp độ bình thường. Khi có báo động, súng phòng không bắt đầu nổ, mọi người bình tĩnh đóng cửa hàng, rời khỏi các công sở, đi theo giao thông hào vào những hầm xây bảo đảm; phụ nữ mang theo đồ đan, khâu, những chiếc áo đang may dở, anh thợ cắt tóc thì vác theo chiếc gương và hộp dụng cụ. Sau khi báo an, mọi người lại lập tức trở về với công việc của mình.

Còn ở các công xưởng thì sao? Để trả lời cho câu hỏi đó, chúng tôi đã tới thăm nhà máy dầu, một nhà máy được xây dựng vào năm 1959 với sự giúp đỡ của nước Cộng hòa dân chủ Đức. Đồng chí Ngô Mai, giám đốc nhà máy, tóc đã bạc, thân hình chắc nịch, khuôn mặt đã có những nếp nhăn và dày dặn vì nắng gió. Chúng tôi vừa ngồi xuống bên bàn trên có để ấm chè xanh quen thuộc, bắt đầu trao đổi với nhau về vấn đề làm thế nào mà cả tập thể nhà máy, trong tình trạng báo động liên miên như thế này, vẫn hoàn thành được kế hoạch, thì chúng tôi đã được dịp chính mắt mình chứng kiến cái thực tế phức tạp đó...

Dưới đây là từng giờ từng phút của buổi sáng chúng tôi đã sống bên những người công nhân của nhà máy.

Có lẽ những ghi chép theo sát những sự việc nóng hổi đã diễn ra sẽ giúp bạn đọc hình dung được một cách cụ thể tinh thần của thành phố Vinh, cái tinh thần đã thu hút tất cả tâm lực của những người bảo vệ nó.

7 giờ 30 phút. Chúng tôi nói chuyện với đồng chí giám đốc nhà máy. Đồng chí đó nói:

— Nhân dân Liên-xô, Đảng Cộng sản Liên-xô, Chính phủ Liên-xô đã giúp đỡ Việt-nam một cách tích cực và chân thành. Điều đó đã cổ vũ những người công nhân chúng tôi. Chúng tôi làm việc bất kể thời gian. Vì những trận ném bom của địch làm đứt đoạn công việc cho nên chúng tôi phải thức khuya để hoàn thành kế hoạch. Trong thời gian báo động, bên những chiếc máy cái liên hợp vẫn có người thường trực ở lại, còn tất cả thì vác súng ra trận địa. Ai không có vũ khí thì chạy vào hầm trú ẩn.

Tiếp theo sau đó, sự việc xảy ra y hệt như trong phim ảnh vậy. Đồng chí giám đốc nói chưa dứt lời thì có báo động. Qua cửa sổ chúng tôi trông thấy anh em công nhân đầu đội mũ có lưới nguy trang, chạy trong các giao thông hào. Chúng tôi được mời vào hầm trú ẩn. Nhưng chúng tôi đi ra các vị trí chiến đấu: đó là những súng được lắp rất kiên cố trên sườn dốc của bờ sông Lam.

7 giờ 35 phút. Chưa trông thấy máy bay. Những người quan sát chiếu ống nhòm về phía chân trời. Chúng tôi làm quen với các chiến sĩ tự vệ, những công nhân Hà Quý Bằng và Nguyễn Văn Trung. Họ thường trực bên khẩu đại liên. Cô Nguyễn Thị Nguyệt 20 tuổi cũng nằm sẵn tại đây, báng súng kề sát má; các anh Phan Văn Tư, Đào Duy Trinh và nhiều người khác nữa cũng có mặt.

7 giờ 40 phút. Có tiếng máy bay ở xa xa.

7 giờ 45 phút. Báo an. Anh em công nhân bắt đầu rời khỏi các công sự.

7 giờ 47 phút. Lại báo động. Máy bay địch từ hai phía tới. Anh em công nhân lại trở về vị trí chiến đấu.

8 giờ. Báo động vẫn tiếp tục. Canh chúng tôi, trên bãi cỏ xanh, là hai anh công nhân trẻ, khẩu súng trường đặt bên người. Một anh cầm chiếc que khê dựng vào cánh hoa trinh nữ, nó lập tức sụp lại.

8 giờ 10 phút. Trên nền trời mây trắng đột nhiên xuất hiện bóng đen của hai chiếc F. 105 D. Có một thời, chúng tôi cũng đã từng có cái cảm giác như thế này khi những chiếc « Mexxer » (1) bay đến. Máy bay Mỹ từ trên cao chùng bốn cây số sa thấp dần xuống dọc theo con sông, từ ngoài biển hay vào. Các anh tự vệ thở dài: « Đối với súng của chúng tôi thì hơi xa quá ». Nhưng ngay lúc đó, trên trời, đạn cao xạ đã nổ vang, vây lấy những chiếc máy bay Mỹ.

Sau nửa giờ, tất cả lại yên tĩnh, và chúng tôi trở về căn phòng nhỏ của đồng chí giám đốc.

Đồng chí Ngô Mai tiếp tục câu chuyện về nhà máy, về những con người ở đây. Đồng chí cho biết rằng, mặc dầu gặp « hoàn cảnh mới », kế hoạch vẫn sẽ được hoàn thành và hoàn thành vượt mức và số dầu lạc loại một được chế tạo ra sẽ xuất cảng sang Trung-quốc, Cộng hòa dân chủ Đức, Liên-xô và các nước khác.

Chúng tôi đề nghị đồng chí giám đốc kể cho nghe một chút về bản thân đồng chí. Chúng tôi được biết con người khiêm tốn ít nói này là một trong những đảng viên cộng sản đầu tiên ở Việt-nam. Đồng chí vào Đảng Cộng sản Đông dương năm 1930.

Nhưng chỉ một năm sau thì Mai, một thanh niên nông dân, đã bị mật thám bắt giam. « Vì đã có những hoạt

1. Tên gọi tắt một loại máy bay khu trục của phát-xít Đức dùng trong Đại chiến thế giới II (Messerschmidt).

động phá hoại », anh bị kết án 12 năm tù, đầy lên « cǎng » Ban-mê-thuật, một trong những nhà tù khủng khiếp nhất ở Đông-dương. Ở đây, số phận đã khiến anh được tiếp xúc với rất nhiều các nhà hoạt động cách mạng khác. Anh ngồi cùng một xà lim với các đồng chí hiện thời công tác ở Bộ chính trị của Trung ương Đảng Lao động Việt-nam, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Việt-nam dân chủ cộng hòa Nguyễn Duy Trinh, Đại tướng Nguyễn Chi Thanh và cả đồng chí Nguyễn Côn, hiện là Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch nhà nước và nhiều người khác nữa.

— Hồi đó thật gian khổ—đồng chí giám đốc chậm rãi kể—chúng bắt chúng tôi phải đeo cả cùm đi làm, ban đêm thì chúng đeo những chiếc vòng sắt vào cổ chúng tôi như đeo vào cổ chó, rồi cột xích xuống chân không cho duỗi thẳng người ra được. Nhưng ngay cả trong tù, công tác Đảng vẫn được tiến hành. Chúng tôi đấu tranh với bọn cai ngục. Chính vì cái tình huống hình của tôi mà chúng đã tăng hạn tù của tôi lên thêm mười năm nữa. Năm 1944, cao trào đấu tranh của nhân dân buộc bọn cầm quyền phải thả chúng tôi ra.

Số phận của con người này sau đó thế nào? Ra khỏi nhà tù, anh lần ngay vào trong đám đông và bọn mật thám không còn tìm thấy dấu vết gì của anh nữa. Ngày hôm sau, đồng chí Ngô Mai đã làm việc tại một ủy ban bí mật của cách mạng. Tất cả mọi nơi đang gấp rút chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, đồng chí làm công tác lãnh đạo. Trong những năm kháng chiến, Đảng đã giao cho đồng chí Ngô Mai nhiệm vụ sản xuất vũ khí. Chiến tranh kết thúc, cùng với tất cả các đồng chí khác, đồng chí Mai tham gia công cuộc hòa bình xây dựng. Đồng chí đã tham gia xây dựng nhà máy này và trở thành giám đốc

của nhà máy. Đồng chí kể những chuyện đó như nói về những công việc bình thường nhất. Qua câu chuyện của đồng chí Ngô Mai, chúng tôi còn được biết vợ đồng chí, năm nay 44 tuổi, cũng làm việc ở đây, trong nhà máy này, và là một công nhân bình thường. Bốn đứa con của đồng chí đã đi sơ tán. Đồng chí không có cả thời gian để đi thăm con.

Cái phẩm chất giản dị, khiêm tốn ấy của những người cách mạng chân chính rất phổ biến trong số những người lãnh đạo mà chúng tôi đã có dịp làm quen ở thành phố Vinh. Tôi nghĩ, khả năng của những người cộng sản biết gắn bó với quần chúng, sống cuộc sống của họ, lo lắng những lo lắng của họ, vui mừng chung với họ, đã bảo đảm cho sự thành công của một sự nghiệp to lớn mà thành phố—chiến sĩ này đã làm được, tức là chứng minh rằng: có thể làm việc một cách có hiệu quả trong bất cứ điều kiện nào, ngay cả trong lửa đạn của những cuộc ném bom liên tiếp.

Ở nhà máy xay, chúng tôi cũng gặp báo động. Đồng chí Phạm Tư là giám đốc nhà máy. Từ địa phận của nhà máy, nơi có trồng các thứ cây dừa, cam và chanh, các thứ hoa mộc lan và trinh nữ, chúng tôi đi theo giao thông hào ra hầm trú ẩn. Máy bay gầm rít trên trời. Tiếng đạn cao xạ nổ. Các chiến sĩ của đội tự vệ nhà máy đã sẵn sàng tại vị trí chiến đấu của mình. Hai khẩu đội đại liên do Nguyễn Thế Cư và Nguyễn Thanh Bình, đã được bồi dưỡng tại lớp huấn luyện quân sự chuyên môn ba tháng, phụ trách, đã sẵn sàng. Họ rất muốn cho chúng tôi thấy nghệ thuật chiến đấu của mình, nhưng lần này cũng vậy, máy bay F. 105D vẫn chỉ bay qua bên cạnh.

Ngày hôm nay, nhà máy vẫn làm việc như đã làm hôm qua và sẽ làm ngày mai.

Còn trạm xe hơi của Vinh thì sao? Đây thực quả là một công xưởng của những người anh hùng! Chỉ có những ai đã từng lái xe ngoài mặt trận vào những ngày chiến tranh khốc liệt mới đánh giá hết được công việc những người lái xe ở Vinh ngày nay. Máy bay Mỹ ngày đêm săn đuổi họ. Đôi khi họ gặp phải những tình huống rất khó khăn khi sang sông. Nhưng những chiếc xe mang nhãn hiệu Liên-xô, Tiệp-khắc, Hung-ga-ri vẫn chạy đều trên các ngã đường, tiếng động cơ ầm ầm vang xa.

— Những « động mạch » của Việt-nam vẫn chảy bình thường, nghĩa là chúng tôi vẫn làm những công việc cần thiết của mình, đồng chí Lê Thế Ngọ, một người lái xe nhanh nhẹn, dáng vóc gầy gầy, nói với chúng tôi như vậy. Anh đã lái xe ô-tô kéo hai rơ-moóc, vào ban đêm, không có đèn, trên con đường hẹp và ngoằn ngoèo.

Tại Nhà máy xi-măng, cũng như ở tất cả các công xưởng khác của thành phố Vinh, mọi công việc vẫn đang được tiến hành đều đặn, kế hoạch đang được thực hiện vượt mức, ở đây, một cuộc gặp gỡ hấp dẫn đang chờ đợi chúng tôi. Người ta giới thiệu với chúng tôi một cô gái vóc người tầm thước, giọng nói hơi có vẻ trọ trẹ, tuy cô là người Việt-nam. Hóa ra cô Trương Thị Quý hai mươi tuổi này sinh ra và lớn lên ở Thái-lan; cha mẹ cô đi tìm công ăn việc làm đã lưu lạc sang đó từ bao nhiêu năm về trước. Những điều mà gia đình này đã phải chịu đựng ở bên ấy cũng đáng được kể ra đây.

Người cha đánh cá ở sông Mê-kông. Ông đã bị giặc Pháp giết vào năm 1950. Người mẹ còn lại với 4 đứa con, đứa lớn nhỉnh hơn đứa nhỏ một chút. Ở Thái-lan, chẳng ai biết đến cái gia đình Việt-nam này: dù cho họ có chết đói cũng mặc! Người mẹ làm việc đến kiệt sức để nhận những đồng công xe lười rẽ mặt.

Vào những năm 58, 59, có tin đồn rằng Việt kiều nào muốn trở về Tổ quốc có thể nộp đơn xin về... Năm 1961, gia đình Trương Thị Quý cùng với hàng trăm gia đình khác đã trở về Tổ quốc. Bảy giờ Quý làm việc ở đội đá nhỏ và học lớp 4. Cô là đoàn viên Đoàn Thanh niên lao động. Anh cô làm ở hợp tác xã may đo và học lớp 5, em gái cô học lớp 4, cũng như cô. Ngay sau khi trở về Việt-nam, tất cả cùng bắt đầu đi học.

Quý và gia đình cô rất đau lòng trước dã tâm xâm lược của đế quốc Mỹ. Khi máy bay Mỹ lao xuống Nhà máy xi-măng, Quý có cảm giác như là tất cả bọn chúng đều nhắm vào cô. Chính vì vậy mà cô đã gia nhập đội tự vệ, cô đã biết bắn và là một nữ cứu thương.

... Cuộc sống chiến đấu của thành phố Vinh hiện nay là như vậy. Vinh... thật đúng là một cái tên vang âm như một tiếng súng bắn lên không trung.

Là những con người, chúng tôi có thể thông cảm được với người bạn của chúng tôi, đồng chí sĩ quan Bằng: sáng nay vừa tới chỗ chúng tôi, anh dừng ngay lại ở trước cửa buồng, không sao giữ nổi bình tĩnh, nói với chúng tôi:

— Các đồng chí có nghe thấy không? Đài phương Tây dám nói rằng Vinh của chúng tôi đã biến thành một thành phố chết, rằng Vinh không còn là một thành phố nữa mà chỉ là một bãi hoang.

Chúng tôi an ủi anh, hứa sẽ kể cho bạn đọc báo Sự thật nghe câu chuyện về thành phố Vinh trong thực tế đang sống như thế nào.

Thành phố Vinh, Nghệ-an.

Trích báo Sự thật (Liên-xô) ra ngày 6-6-1965

CHU NGÀ dịch

NHỮNG NGƯỜI NÔNG DÂN TRONG CHIẾN ĐẤU

Iu. Jukốp và V. Sarapốp

Có thể đến một lúc nào đó, các nhà sử học viết cuốn sách nói về cuộc chiến đấu chống bọn xâm lược Mỹ của nhân dân huyện Nghi-lộc vào mùa thu năm 1965 này, sẽ đánh giá một cách chính xác vai trò và địa vị của họ trong cuộc chiến đấu bảo vệ những vùng phía nam của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Còn chúng tôi, chúng tôi chỉ dám đặt cho mình một nhiệm vụ hết sức khiêm tốn: kể một số mẫu chuyện về những con người có tâm hồn cao đẹp, những người nông dân hùng mạnh và dũng cảm của cái huyện đã được tỉnh Nghệ-an tặng cho danh hiệu huyện tiên tuyến...

Chúng tôi đi ô-tô ở ngoài đường cái lớn, rồi theo đường bờ ruộng ngoằn ngoèo qua các cánh đồng lúa đi vào xã Nghi-trung. Mặt trăng tròn trặn mờ mờ lấp ló sau những cây dừa cao, tỏa ánh sáng êm dịu xuống mặt đất, nhưng một lúc sau đã luồn vào một đám mây.

Xã Nghi-trung đón chúng tôi bằng những tiếng người chuyện trò huyên náo xen lẫn với tiếng chó sủa inh ỏi. Chỉ có các em nhỏ và ông già bà lão ngồi lại ở nhà. Tất cả người lớn đã ra đồng làm việc. Cần phải gặt lúa gấp, cày hừa rồi lại cấy lúa mới. Thời gian không chờ

đội. Mà máy bay Mỹ lại luôn luôn bắn phá. Mọi người đều biết rằng bọn chúng có thể làm bất cứ việc gì, bắn một tràng liên thanh hay phóng một quả rốc-két xuống. Vì vậy phải làm việc cả ngày lẫn đêm, tận dụng từng giờ từng phút những khi không có máy hay giặc tới.

Chúng tôi vào một căn nhà nhỏ. Một cây đèn dầu hỏa rất lớn đặt trên bàn ở giữa nhà, nhưng ngọn lửa lại rất nhỏ — ở đây những quy định về phòng không rất được tôn trọng. Dưới ánh sáng lờ mờ, gương mặt của những người đến đây để trao đổi với các nhà báo Liên-xô rạng rỡ hẳn lên. Mỗi người trong họ có một cuộc đời riêng và những trận chiến đấu khác nhau với máy bay Mỹ.

Như đồng chí Bùi Văn Nhi, phó chủ nhiệm hợp tác xã Quang-thanh, đang ngồi trước mặt chúng tôi đây chẳng hạn. Hợp tác xã Quang-thanh không to lắm. Trước đây, không nói gì đến trong tỉnh, ngay cả ở huyện cũng ít ai biết đến hợp tác xã này. Bà con trong hợp tác xã làm việc bình thường, thực hiện đầy đủ kế hoạch, nhưng chưa có một kỳ công nào. Nhưng thời cơ đến và những con người của cái làng bình thường này đã biểu lộ một tâm hồn phong phú đến mức làm cho các đồng chí của họ phải ngạc nhiên suy nghĩ tại sao trước đây họ lại có thể lướt qua những cô con gái và những cậu con trai ấy, mà không phát hiện được trong họ những nét đẹp để ngày nay ai ai cũng phải thán phục.

Khi không quân Mỹ bắt đầu tiến hành những cuộc tấn công liên tiếp xuống địa phận tỉnh Nghệ-an và càng ngày càng nhằm thêm nhiều mục tiêu mới thì những người dân quân của hợp tác xã Quang-thanh bắt tay vào việc củng cố hệ thống hầm hố và giao thông hào. Họ hiểu rằng, sớm hay muộn, thế nào họ cũng sẽ phải đương đầu với bọn xâm lược Mỹ — máy bay thám thính

của Mỹ luôn luôn lượn trên sông Cấm và trên chiếc cầu bắc qua sông, mà làng xóm của họ lại ở ngay gần cầu.

Trận tấn công đầu tiên của không quân Mỹ là vào ngày 31 tháng 3. Mấy chiếc máy bay phản lực ném bom của giặc Mỹ xuất hiện ngay trên làng. Lượn vòng, chúng sa xuống thấp lao tới mục tiêu. Các tên phi công Mỹ rõ ràng là không ngờ rằng ở đây lại có ổ súng phòng không. Chúng quá tin vào những tấm ảnh do máy bay thám thính đã chụp được. Vì vậy khi những loạt đạn đầu tiên của những khẩu đại liên và những viên đạn súng trường nổ giòn giã bắn thủng lỗ chỗ một chiếc máy bay làm cho nó bốc cháy rồi rơi xuống một nơi ở cách xã Nghi-trung mấy cây số thì những chiếc máy bay Mỹ khác lập tức bỏ chạy tán loạn.

— Có phải đồng chí bị vết thương này trong trận ấy không? Chúng tôi hỏi Bùi Văn Nhi. Ở dưới thái dương bên trái một ít có một vết sẹo dài kéo ngang sọ, rồi chạy ngoằn ngoèo xuống gáy và khuất sau cổ chiếc áo màu đen.

— Không, vết thương này tôi bị ở trận khác, trận tháng tư kia, đồng chí Nhi trả lời, hơi ngượng ngùng vì thấy mọi người đều tập trung chú ý cả về mình. Nhưng chúng tôi vẫn cứ được nghe đồng chí ấy kể tương đối tỉ mỉ về mình.

Như thường lệ, hôm đó đồng chí Nhi cùng với bà con trong làng ra đồng từ sáng sớm. Vào khoảng 9 giờ, từ phía làng vẳng lại tiếng keng báo động. Đồng chí trực ban ra sức gõ vào thanh sắt treo ngang trên cây dừa. Tiếng động cơ máy bay từ phía nam tới mỗi lúc nghe một to thêm. Thế là bà con vụt tắt cả cây cuốc cấy, người vội vã tháo trâu đánh di trốn, kẻ chạy ngay tới giao thông hào tìm đến các vị trí chiến đấu.

Bùi Văn Nhi bố trí trên một quả đồi. Từ trên quả đồi này có thể thấy rõ xã Nghi-trung và dòng sông Cẩm. Mé dưới bên phải và bên trái đồng chí Nhi, các chiến sĩ súng máy đang lấp đạn. Đồng chí Nhi nhìn lên trời. Máy bay Mỹ đã đến gần, nhưng đồng chí còn kịp nhớ ra rằng suốt cả buổi sáng mình chưa ăn gì và bây giờ lại đang khát nước.

Lần này bọn phi công Mỹ thận trọng hơn. Chúng thả những quả bom đầu tiên xuống các công sự của dân quân. Chúng nổi đuôi nhau quần quả đồi và khu rừng cây ở bên cạnh. Từ mặt đất chỉ có đồi loạt súng bắn lên thưa thớt. Nhưng khi những chiếc máy bay Mỹ là xuống thấp hẳn, Bùi Văn Nhi ra lệnh cho các đồng chí của mình: « Nhắm thẳng quần thù mà bắn! » Đồng chí Nhi bắn vào những chiếc máy bay Mỹ một cách lạnh lùng bình tĩnh, như khi trước trong kháng chiến đồng chí đã bắn vào bọn lính lê dương Pháp. Đồng chí nhắm đón đầu cái mũi máy bay dài ngoẵng sáng lên dưới ánh mặt trời như trước đây đồng chí đã ngắm vào những lỗ châu mai của đồn địch hay cửa sổ quan sát trên những chiếc xe học sắt.

Lòng dũng cảm của Bùi Văn Nhi động viên tất cả mọi người khác. Bà con trong làng yêu mến và kính trọng con người kiên nghị và công bằng này vì đồng chí đã là đảng viên từ 15 năm trước đây, vì trong những năm kháng chiến đồng chí đã anh dũng chiến đấu và được tặng thưởng huy chương « Chiến thắng hạng nhất » và tất nhiên là vì đồng chí không tiếc công tiếc sức làm việc cho hợp tác xã.

Khi bụi và khói đã tan, anh em dân quân bị bom nổ ngay cạnh hất ngã đứng dậy, họ nhìn thấy ở trên bờ công sự mũi súng trường của Bùi Văn Nhi động đậy, sau đó cái đầu bé bết máu của đồng chí nhô lên. Đồng

chi Nhi lấy tay vuốt máu chảy xuống mắt và tiếp tục bắn.

Hai chú bé, đôi bạn « nổi khố », Chu Văn Nam 15 tuổi và Trần Xuân Tú 16 tuổi, nhảy bổ đến bên người bị thương. Đã bao nhiêu lần các em tức phát khóc lên vì người lớn không cho các em trực tiếp chiến đấu. Lần này các em cũng bị cấm ngắt không được tới đây. Nhưng có thể nào kìm giữ được các em khi các em tin rằng mình có thể giúp ích cho mọi người? Chẳng phải chính các em cũng đã từng cùng với các đồng chí dân quân đắp công sự, đào giao thông hào cho đến khi lòng bàn tay rớm máu hay sao? Vậy thì làm sao các em lại có thể ngồi yên trong hầm trú ẩn khi chiến sự đang diễn ra bên cạnh?

Hai em Nam và Tú mang túi cứu thương, lần theo giao thông hào tới nơi bị bom, tới nơi có những trảng súng máy nổ giòn giã, tới nơi đồng chí Nhi đang bắn. Nam kéo sụp chiếc mũ công nhân cũ của mình xuống tận gần mắt, còn Tú thì hất ngược chiếc mũ hắc của mình ra sau gáy, chiếc mũ bắc giống như những chiếc mũ bắc của các anh bộ đội ấy. Các em kê vai vào khiêng Bùi văn Nhi từ trên đồi xuống rừng cây.

— Này, các đồng chí cứu thương, ở đây còn một người bị thương nữa! Có tiếng ai đó gọi các em.

Em lớn hơn lập tức quay lại chiến hào và mấy phút sau dẫn về một anh dân quân bị thương nữa. Vết thương của anh không nguy hiểm, nhưng anh bị mất máu vì vậy đã yếu lắm. Các em cõng các thương binh đi tiếp tới một nơi xa trận địa hơn. Các em cứ cõng như thế đi gần một cây số giữa lúc bom đạn nổ chung quanh và máy bay gầm rít trên đầu.

Sáng hôm nay chúng tôi đã thấy ảnh của hai chú bé hơi ngượng ngùng này trên tờ báo địa phương. Dưới

tấm ảnh có đăng một bài thơ ca ngợi chiến công của hai người yêu nước trẻ tuổi.

Cứ kể riêng về việc nhân dân giúp đỡ bộ đội, dân quân trong chiến đấu thì nguyên ở địa phương này thời chúng tôi còn có thể kể ra hàng chục tấm gương dũng cảm khác nữa. Chẳng hạn như vài mẫu chuyện dưới đây.

Ngày 8 tháng năm, khi máy bay Mỹ đang oanh tạc ác liệt một số địa phương trong huyện, cụ già Oanh 64 tuổi ở làng Nghi-long đã cùng với con gái và con trai băng qua bom đạn tới vị trí của các chiến sĩ phòng không. Cả ba bố con nhanh nhẹn đi vác những hòm đạn đưa tới từng khẩu cao xạ. Có con gái bị một mảnh bom nổ làm bị thương. Sau trận đánh, các chiến sĩ phòng không đã đến nhà cụ. Ở đây họ được biết thêm là cụ còn có con trâu ở nhà cũng bị thương. Họ đều cảm động trước hành động của người nông dân già. Nhưng cụ Oanh nói: « Các con ạ, miễn là người còn thì của cũng còn. Chỉ cốt sao đánh đuổi hết những quân quỷ dữ kia không cho nó xâm phạm bầu trời của chúng ta là được ». Buổi tối ông cụ đã mổ trâu, nấu nướng và mang biếu các chiến sĩ cao xạ.

Còn bà cụ Đức thì vì già cả nên không giúp gì được anh em bộ đội, nhưng sau khi trận chiến đấu kết thúc, bà đã lần từng bước (chân bà cụ đau) ra chợ tối mua một nải chuối lớn, mang đến trận địa cao xạ pháo.

Nhưng ta hãy quay trở lại xã Nghi-trung ở bên dòng sông Cẩm. Khi Nam và Tú đưa thương binh từ trên đồi xuống cánh rừng, trận chiến đấu vẫn còn tiếp diễn. Chỉ có một lúc bom đạn tạm ngớt. Nhưng đến 12 giờ 20, trận chiến đấu lại tái diễn và lần này kéo dài tới 18 giờ 30. Máy bay Mỹ tấn công liên tục. Các chiến sĩ phòng không đến tiếp sức cho anh em dân quân, và bọn phi công Mỹ bị những đòn chí mạng.

Sau khi được băng bó, đồng chí Bùi Văn Nhi trở lại ngay trận địa và tiếp tục chiến đấu, mặc dù máu vẫn rỉ thấm qua băng. Hai người bạn thân, Nhi và đồng chí bắn súng máy Chu Văn Nhuận, đứng bên nhau. Ngày hôm ấy, bọn Mỹ đã phóng hàng trăm quả bom và rốc-két xuống cầu, xuống trận địa của các chiến sĩ phòng không và dân quân địa phương. Nhưng các chiến sĩ và anh em dân quân vẫn giữ vững trận địa. Họ bắn rơi một và bắn bị thương hai máy bay Mỹ.

Mới đây Bùi Văn Nhi đã được Chính phủ tặng Huân chương « Chiến công » vì lòng dũng cảm và kiên cường. Còn hai chú cứu thương trẻ tuổi được tặng huy hiệu Hồ Chủ tịch.

Trong lúc chúng tôi ngồi nói chuyện với Bùi Văn Nhi, bà con nông dân đem những mảnh kim loại cong queo của chiếc máy bay Mỹ bị bắn rơi và những trái bom chưa nổ tới nhà. Một trong những trái bom ấy nhỏ tý chỉ bằng nắm tay, màu vàng, vỏ có những khía sâu đều đặn. Đây lại là một phát minh mới của kỹ thuật chiến tranh của Mỹ. Ở đây người ta gọi nó là « bom bi ». Khi nổ nó tung ra từ phía hai trăm viên bi nhỏ, những viên bi như bi xe đạp. Loại bom này tác hại rất khốc liệt, nó gây ra những vết thương sâu hoắm. Bọn phi công Mỹ rất hay dùng loại bom này trong những chuyến bay xâm phạm miền Bắc Việt-nam.

Cần phải nói rằng nhân dân Việt-nam đã biết cách đối phó với loại bom này. Họ gọi loại bom này một cách mai mỉa là « những quả dừa ». Về hình dáng và màu sắc quả có sự giống nhau thật. Những cánh bằng sắt ở đầu bom lại càng giống là dừa vừa mới bứt ở bụi về. Nhưng bom bi không phải là « của ngon » duy nhất mà ngài Mắc Namara định « thết » nhân dân Việt-nam. Bọn phi công Mỹ ném xuống đây cả bom lân tinh và

bom na-pan. Đây, trước mặt chúng tôi là một người đã chứng kiến hành vi dã man ấy : Cô Trần Thị Bình, nông dân làng Quang-phúc.

Ngày 31 tháng ba, cô Trần Thị Bình đã cùng anh em dân quân tham gia chiến đấu chống máy bay Mỹ. Bình nhìn thấy rõ máy bay đã cắt những trái bom mũi nhọn hoắt như thế nào.

— Tôi có cảm giác là bom rơi thẳng xuống đầu tôi, có gái kể lại một cách hồn nhiên. Tôi chờ đợi tiếng nổ nhưng không thấy gì cả. Khi đó tôi nghe đầu lên khỏi công sự. Gần ngay cạnh, chỉ cách chừng năm mươi mét, một đám lửa đỏ đang bùng bùng cháy lan ra, tỏa khói đen mù mịt. Tôi lập tức thấy nóng rất cả mặt, không chịu được. Sau khi máy bay bay đi khỏi, chúng tôi ra cánh đồng xem đám đất cháy đen, đồng chí chỉ huy đã giải thích cho chúng tôi biết thế nào là na-pan.

Trong trận chiến đấu ấy, khi bom nổ rất hơn cả, Trần Thị Bình, đeo túi cứu thương lên vai, bò đến chỗ đồng chí chỉ huy và nhân lúc chiến sự tạm ngừng trong chốc lát, cô đã đề nghị đồng chí ấy cho cô một khẩu súng trường.

— Thế cô có biết bắn không đã ?

— Tất nhiên rồi, bắn loại khá là khác, Bình vội vã trả lời và quay mặt đi chỗ khác.

Thực ra thì trong đời cô chưa hề bắn bao giờ, mặc dù trong các buổi tập luyện cô cũng có được nghiên cứu súng kỹ lưỡng. Nhưng đồng chí chỉ huy hoặc là không biết, hoặc là quên mất điều đó. Anh đã định phát súng cho cô, thì vừa lúc máy bay Mỹ lại tới. « Tôi có đứng cản trở công việc—anh nghiêm khắc ra lệnh—. Tốt hơn là theo dõi xem có ai bị thương không ».

Máy bay Mỹ bay đến ba lần. Lần thứ nhất chúng cắt bom và phóng rốc-két. Lần thứ hai gọi na-pan xuống.

Đến lần thứ ba lại cất bom và phóng rốc-két. Nhưng bây giờ Bình đã xin được súng rồi và cùng với các đồng chí của mình cô ra sức bắn vào máy bay giặc.

Chúng tôi đã chuyện trò hơn hai tiếng đồng hồ, nhưng bà con nông dân vẫn còn kể thêm nhiều chi tiết về những chuyện đã xảy ra. Họ thay nhau nhồi thuốc vào chiếc điếu cày và say sưa hút. Cái điếu cày thật là đặc biệt, mỗi gia đình nông dân Việt-nam đều có...

Ở đây người ta đánh giá lòng dũng cảm cao hơn cả. Còn có chữ nào chính xác hơn để đánh giá đúng công việc của những người đánh cá đang ngồi nói chuyện với chúng tôi ở đây chăng hạn?

Hợp tác xã đánh cá Thống nhất do đồng chí Nguyễn Hùng Hải lãnh đạo, từ trước đến nay vẫn đạt được những thành tích khá cao. Tháng 2, khi máy bay và tàu chiến Mỹ bắt đầu tiến hành các cuộc tấn công thường xuyên chống lại nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, mọi người đã tưởng rằng khó lòng hoàn thành được nhiệm vụ. Nhưng những người đánh cá đã tìm ra cách khắc phục khó khăn.

... Bọn phi công Mỹ luôn luôn lượn trên đầu họ và có khi đột nhiên lao xuống bắn phá. Đầu tháng vừa qua, ở huyện này đã có bảy người dân chài bị thương vì bom đạn Mỹ ở ngoài khơi. Ngày 13 tháng 5 năm 1965, máy bay Mỹ lại tiến hành một cuộc càn trộm mồi vào các thuyền đánh cá: 16 người bị chết và bị thương vì bom đạn của chúng. Những người sống thề sẽ trả thù bọn xâm lược, thề sẽ dũng cảm kiên cường như những đồng chí của họ đã hy sinh.

Người nông dân Bùi Văn Nhi, cô gái cứu thương của đội dân quân Trần Tbị Bình, bác dân chài Nguyễn Hùng Hải, các em học sinh Nam và Tú và nhiều, rất

nhiều người khác trong cái huyện tiền tuyến Nghi-lộc
kia hiện đang lao động và chiến đấu như vậy đó.

Trích cuốn *Việt-nam 1958*
của Ia. Jukốp và V. Sarapốp
Nhà xuất bản *Sự thật* (Liên-xô) — 1965

CHU NGA dịch

Ở TIỀN TUYẾN

Iu. Jukốp và V. Sarapốp

Xin thú thực ngay rằng: thế là chúng tôi không đến được vĩ tuyến 17, không thấy được chiếc cầu nổi tiếng vắt qua sông Bến Hải, con sông giới tuyến chia cắt hai miền Nam Bắc Việt-nam. Các bạn Việt-nam của chúng tôi, quan tâm đến việc bảo đảm an toàn cho khách của mình, đã quyết định không đưa chúng tôi đến nơi ấy mặc dù chúng tôi khẩn khoản đề nghị.

Nhưng rất nhiều tài liệu thực tế chúng tôi có trong tay về những sự kiện xảy ra ở nơi ấy, tiền tuyến của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, có một ý nghĩa lớn, và chúng tôi thấy có nhiệm vụ cần phải chia sẻ cùng bạn đọc.

Trên báo chí trước đây thường xuất hiện những tin tức nói lên rằng tình giới tuyến Quảng-bình đã từ lâu thực sự trở thành mặt trận. Nơi đây luôn luôn nổ ra những trận giao chiến với bọn ăn cướp biệt kích từ miền Nam và cả từ Đài-loan tới, luôn luôn vang rền những loạt đạn đại bác từ những chiếc tàu sản xuất ở Mỹ bắn vào bờ, luôn luôn nổ ra những cuộc chiến đấu gay go. Những con người bắt buộc phải sống trong hoàn cảnh liên tiếp xảy ra những cuộc khiêu khích quân sự từ mười một năm trời nay, cảm thấy rõ tất cả sự nghiêm

trọng của tình hình do Hợp-chủng-quốc Mỹ, đóng vai trò tên sen đầm quốc tế, gây ra ở khu vực này.

Chúng tôi không đi sâu vào chuyện lịch sử cổ xưa, như người ta thường nói, mà chỉ nói đến những sự kiện xảy ra gần đây thôi. Nhưng xin mọi người hãy nhớ rõ rằng: sự xâm lược của Mỹ chống nước Việt-nam dân chủ cộng hòa không phải chỉ bắt đầu từ trận oanh kích lớn bằng không quân lên đất nước này ngày 5-8-1964, mà từ lâu rồi. Và sớm hay muộn Mỹ cũng phải chịu trách nhiệm nặng nề về việc đó.

Các luật gia quốc tế sẽ đánh giá như thế nào chẳng hạn cuộc giao chiến xảy ra đêm 30-5 rạng ngày 1 tháng 6 năm 1964 ở gần thành phố Đồng-hới, tại Đồng-thanh, một làng ven biển? Bề ngoài vẫn là hòa bình, không hề có tuyên bố chiến tranh. Bỗng nhiên vào một giờ đêm cả một hạm đội gồm năm chiếc tàu chiến và ba ca-nô Mỹ tiến đến gần bờ biển của một đất nước không đánh nhau với Mỹ, và bắt đầu thả biệt kích: 22 tên biệt kích với ba khẩu liên thanh.

Bọn biệt kích có nhiệm vụ phá hủy trạm bơm nước của thành phố. Tên cố vấn quân sự Mỹ, huấn luyện bọn biệt kích, giải thích: « Nếu chúng mày phá hủy được trạm bơm nước, tất cả cuộc sống trong thành phố (!) sẽ chấm dứt ». Các bạn thấy không, cái « con người nhân đạo » ở Lầu năm góc mới đáng mến làm sao !!

Nhưng những tính toán của bọn tổ chức việc đồ bộ đã thất bại. Chính trị viên đại đội tự vệ Nguyễn Quang Thái kịp thời nghe thấy tiếng động đến gần của tàu địch. Anh tập hợp các bạn trong làng và họ kịp thời chiếm lĩnh trận địa trước khi bọn biệt kích đồ bộ. Khi bọn biệt kích vừa mang súng trường súng máy lên đến bờ thì lửa đạn lập tức giội xuống đầu chúng. Đạn hết, những người tự vệ xông vào đánh giáp lá cà.

Kinh sợ, bọn biệt kích tháo chạy, bơi ra tàu của chúng. Tàu Mỹ liền tiếp nhả đạn để yểm hộ cho chúng. Trên cát còn lại ba cái phao Mỹ, ba khẩu liên thanh và bảy xác biệt kích. Một tên biệt kích bị bắt sống. Qua tên này, các bạn Việt-nam của chúng ta đã biết được cụ thể mưu đồ của trận tập kích do các « cố vấn » Mỹ đặt kế hoạch. Chúng ta muốn biết bộ máy tuyên truyền của Mỹ sẽ biện hộ thế nào cho hành động có một không hai này?

Nhưng dưới đây lại là một trường hợp lạ lùng hơn nữa, mới xảy ra cách đây chẳng bao lâu.

Nhân dân Việt-nam, như thường lệ, chuẩn bị đón đầu năm mới âm lịch, mà năm nay là vào ngày 2 tháng 2 dương lịch. Ngày lễ ấy gọi là « Tết », nhiều dân tộc ở châu Á tổ chức ngày Tết như một trong những dịp đáng ghi nhớ nhất, trang trọng nhất. Ở đây cũng như vậy. Thời bình, người ta thường nghỉ ngơi, vui chơi từ trước Tết. Các chiến sĩ quân đội được nghỉ phép để có thể ăn Tết trong gia đình mình.

Các chuyên gia ở Lầu năm góc biết rõ về việc ấy. Thế là chúng lạnh lùng thảo ra một kế hoạch tấn công mới vào chính 30 Tết. Lần này, trong việc chuẩn bị cho cuộc đổ bộ có cả các chuyên viên « chiến tranh tâm lý » cũng tham gia. Về đóng góp của các chuyên viên này, chúng tôi sẽ nói sau. Nhưng các ngài « cố vấn » lại tinh nhầm lẫn nữa. Chúng không biết rằng, các lực lượng vũ trang của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa đã đoán biết được kế hoạch của chúng và đã quyết định năm mới là « năm mới chiến đấu ». Các chiến sĩ và cán bộ tự nguyện không đi phép và tăng cường cảnh giác gấp đôi.

Sự cảnh giác đó không phải là vô ích. Vào một giờ đêm, ba chiếc tàu chiến Mỹ tiến gần vào làng ven biển Vĩnh-thái, bắt đầu đổ bộ bọn biệt kích. Lập tức loạt

súng đại bác gầm lên vang rền : các pháo thủ đã chiếm lĩnh vị trí chiến đấu từ lối hòm trước, bắt đầu bắn vào những bóng đen lơ mờ của những chiếc tàu địch. Đạn nổ gần quá... Đạn nổ xa quá... Đạn bắn trúng ! Một cột lửa đỏ rực bốc lên. Một chiếc tàu từ từ chìm xuống. Hai chiếc kia vội vã tháo chạy.

Trên bờ, các bạn Việt-nam chúc mừng các chiến sĩ lập công trong trận chiến đấu chớp nhoáng — kéo dài cả thảy chỉ có năm phút, — nhưng rất quan trọng này, chúc mừng khẩu đội trưởng Mai Đức Cường, các pháo thủ Kiều Xuân Mỹ, Trần Văn Tư, Nguyễn Đình Phương. Tất cả khẩu đội đều là những pháo thủ giỏi.

Nhưng còn có một chi tiết đáng chú ý, nó phò bày tính chất hai mặt đều cang của những tên tổ chức « cuộc chiến tranh đặc biệt » của Mỹ. Chúng tôi trở lại sự đóng góp của các « chuyên viên chiến tranh tâm lý » vào trận tập kích thất hại kể trên. Sáng sớm hôm sau ngư dân thấy sóng biển bất lén bờ hàng nghìn mảnh vỡ như ta vẫn thường thấy trong những trường hợp như vậy. Trong số mảnh vỡ ấy lại có rất nhiều túi ni-lông gói cẩn thận, đựng đầy những đồ vật của trẻ em, và trong mỗi túi đều có một mảnh giấy với những dòng chữ như sau :

« Những người bạn trong thế giới tự do hân hạnh gửi tặng các bạn những tặng vật nhỏ bé này. Chúng tôi biết rằng thật là khó khăn đối với các bạn khi muốn có những vật dụng này tại miền Bắc. Các bạn hãy kể chuyện lại cho bạn bè các bạn nghe về sự may mắn này của các bạn. Trong những ngày sắp tới, chúng tôi hy vọng sẽ gửi đến các bạn những món quà khác nữa ».

Đề bạn đọc thấy hết sự đều cang của các soạn giả những dòng chữ trên, xin hãy nhớ lại xem sau đó ít lâu bọn Mỹ đã gửi cho trẻ em Việt-nam những « món quà »

gi. Năm ngày sau những sự việc vừa kể trên, không quân Mỹ đã xối xả giội xuống nước Việt-nam dân chủ cộng hòa hàng loạt bom và cho đến nay chúng vẫn còn tiếp tục giội.

Chắc hẳn những kẻ tổ chức cuộc đồ bộ biệt kích tính nhằm rằng chúng có thể phân phát được những gói quà kia. Chúng tưởng rằng bằng cách ấy, chúng có thể gây được cảm tình với những người dân đánh cá. Nhưng chúng đã nhầm. Những người dân đánh cá đã thu thập những túi ni-lông ấy lại thành đống và đốt sạch.

Có thể kể mãi về những mưu mô xảo quyệt của bọn gián điệp Mỹ cho đến nay vẫn còn tiếp tục hoạt động phá hoại. Nhưng ngày nay chiến tranh không quân đã choán hết tất cả các chuyện khác, vì vậy không thể không nói về nó.

Điều mà bọn ăn cướp biệt kích ở miền Nam không làm được, điều mà những trận pháo kích từ ngoài biển vào không làm được, ngày nay bọn phi công của Mắc Namara định thực hiện. Tỉnh Quảng-bình là mục tiêu đầu tiên của những trận oanh kích của chúng, và chúng đã bắn phá mảnh đất này một cách điên cuồng man rợ. Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh này, đồng chí Vũ, đã kể cho chúng tôi rằng do những cuộc oanh kích không quân liên tục số thương vong trong thương dân tăng lên dần. Đặc biệt khu vực Đồng-hới bị oanh kích nặng nề hơn cả. Giữa trung tâm thành phố, hàng trăm ngôi nhà của thương dân bị đổ vỡ.

Trong những ngày 7, 8 và 11 tháng 2 đáng ghi nhớ, bộ chỉ huy Mỹ đã tung vào tỉnh này 247 máy bay. Từ phía đông, tỉnh này bị những máy bay cất cánh từ ba hàng không mẫu hạm Mỹ tấn công; từ phía nam 58 máy bay của không quân hù nhin Nam Việt-nam đến oanh kích. Chính tên tướng miền Nam Nguyễn Cao Kỳ

đã từ lâu mơ ước « Bắc tiến », chỉ huy đoàn máy bay này, nhưng,... chẳng mấy chốc nó đã phải vội vã chuẩn khởi trận địa — máy bay của nó bị hấn thùng lỗ chỗ.

Các trận giao chiến rất gay go. Trong 3 ngày, súng cao xạ của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa cùng với các đội tự vệ nhân dân đã bắn rơi 22 máy bay Mỹ. Những gương anh dũng của họ không kể xiết được. Thí dụ, pháo thủ Thái Ngọc Cường, 22 tuổi, mặc dù bị thương vẫn tiếp tục ở lại vị trí chiến đấu. Người đầy máu, kiệt sức nhưng Cường vẫn không chịu rời trận địa.

Cả những dân quân cũng chiến đấu ngoan cường. Lê Ngọc Lễ—bí thư chi bộ làng Học-ninh—trong lúc chiến đấu ác liệt, đã đưa 600 dân quân ra trận địa pháo, những người dân quân ấy trước đó đang làm việc trên ruộng lúa, nhưng không hề rời súng. Họ bắn lên những chiếc máy bay đang lao xuống trận địa cao xạ hay giới bom xuống những mục tiêu khác. Chính Lê Ngọc Lễ bắn súng máy; một dân quân đã lấy lưng mình làm giá súng để cho Lễ ngắm bắn địch được dễ dàng hơn.

Dân quân trong trận này đã giúp pháo binh bắn rơi một máy bay. Chiếc máy bay đã rơi ở gần làng Niên-trinh.

Có thể nói gì về bà mẹ Suốt, người đã chèo đò qua sông chở đạn ngay dưới bom đạn, về các em thiếu nhi làng Bảo-ninh nấu ăn cho các anh bộ đội pháo binh ngay dưới bom đạn, về những người đàn bà cùng ở làng ấy đã đem ra trận địa pháo nào cá, nào hoa quả và từ chối không nhận tiền?

Tỉnh này tự coi mình là một khu vực tiền tuyến và mỗi người dân ở đây là một người lính. Với một sự dũng cảm phi thường, họ đánh trả kịch liệt các trận tấn công của kẻ địch.

Một lần, máy bay Mỹ đã tấn công khu sông Gianh suốt trong hai ngày. Trong hai ngày chiến đấu, 13 máy bay Mỹ đã bị bắn rơi. Và từ ngày 30 tháng ba đến nay, quân dân trong khu vực này đã bắn rơi thêm 11 máy bay địch. Không có ngày nào, đêm nào mà Quảng-bình lại không có báo động, không có bom nổ, không có tiếng súng cao xạ nổ vang.

Ở khu vực tiền tuyến, cuộc chiến đấu gian khổ đang tiếp diễn. Bọn tướng tá Lầu năm góc tự đặt ra cho chúng một nhiệm vụ điên rồ và thực tế không thể nào thực hiện được—bắt một nhân dân vĩ đại quyết-chỉ bảo vệ tự do của mình với bất cứ giá nào, phải qui gối. Càng cố gắng hao nhiều, thì khi tỉnh cơn say, chúng càng cay đắng bấy nhiêu, chúng càng cảm thấy nhục nhã và đau đớn vì thất bại trong cuộc chiến tranh phi nghĩa này bấy nhiêu.

Vinh — Thanh-hóa, tháng 6

Trích báo *Sự thật* (Liên-xô)

ra ngày 9-6-1965

ĐỖ QUYÊN dịch

NHỮNG CHIẾN SĨ BẢO VỆ ĐẢO CỒN - CỎ

Iu. Jukốp và V. Sarapốp

Đây là một đề tài cho một bài thơ tự sự lãng mạn đầy xúc động: xa xa trong vịnh Bắc-bộ nước trong xanh, đẹp tuyệt vời, như cảnh tiên trong một câu chuyện truyền thuyết, đứng hiên ngang một hòn đảo nhỏ trơ trụi, nóng bỏng, phủ đầy tro, bụi và khói súng. Vậy mà nửa năm rồi — các bạn hãy tưởng tượng xem: nửa năm rồi! — những con người kiên cường, bất khuất, mặc quân phục giản dị, bạc màu trên đảo đã chiến đấu quyết liệt đánh lui tất cả những cuộc tấn công từ biển lên và từ trên trời xuống của bọn xâm lược được vũ trang tối tân « đến tận răng ».

Trước ngày 25 tháng 11 năm 1964 đáng ghi nhớ, ít ai biết đến hòn đảo này. Đó là một mảnh đất diện tích chỉ có 4 cây số vuông, nằm trong vùng biển nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, gần vĩ tuyến 17 — giới tuyến tạm thời phân chia hai miền Nam Bắc Việt-nam. Giữa đảo là một cánh rừng cọ và xung quanh cỏ gianh cao ngập đầu người.

Trước đây, tên đảo đã được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Những người Pháp đầu tiên đặt chân lên đất nước Việt-nam vì không hiểu kỹ cách phát âm

hiều dấu đặc biệt của tiếng Việt, nên đã gọi chệch Cồn-cỏ thành ra Con-cọp — đảo Con-cọp. Còn người Việt-nam thì hiểu những chữ đó với một ý nghĩa ôn hòa hơn nhiều.

Đặc biệt sau trận oanh tạc dã man ngày mùng 5 tháng 8 năm 1964 của không quân Mỹ vào những bến cảng đang hoạt động một cách yên bình của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa thì đơn vị nhỏ đóng giữ đảo này càng đề cao cảnh giác, không phút nào rời mắt theo dõi phía chân trời. Chiến sĩ và cán bộ trên đảo đã xây dựng một hệ thống phòng thủ rất kiên cố, hoàn bị, họ tổ chức nghiên cứu, học tập, đọc sách, rèn luyện thân thể, và những lúc rảnh họ còn vun đất trồng rau, làm vườn ; hoa quả, rau tươi ở đây xanh tốt quanh năm.

Nhưng bỗng nhiên cuộc sống yên bình của đảo bị vi phạm. Ngày 25 tháng 11 năm 1964, những chiếc tàu chiến từ miền Nam ra nổ súng vào đảo. Bọn Mỹ xưa nay vẫn quen đánh trộm, chứ đừng nói đến việc tuyên bố chiến tranh. Chúng quen thói hèn nhát như thế giống như trong những phim « cao bồi »: chúng lên đến và bắn ngay. Cuộc chiến đấu kéo dài hàng giờ. Đảo đã giáng trả lại những đòn chí mạng. Bọn đột kích bị đánh lui. Nhưng các chiến sĩ đảo Cồn-cỏ hiểu rằng : đây mới chỉ là bắt đầu chứ chưa phải kết thúc.

Ngày 7 tháng 1 năm 1965 bọn địch lại đột kích bằng tàu chiến. Lần này chúng rút lui sớm hơn : bọn Mỹ không ngờ rằng người Việt-nam lại đánh chính xác đến thế. Những cuộc tấn công ăn cướp bằng đường biển ngày càng nhiều hơn : 21 tháng 1, 31 tháng 1... Một tuần trước đây, bộ chỉ huy Mỹ đã tổ chức một cuộc tấn công Cồn-cỏ bằng không quân chưa từng có về mặt lực lượng cũng như về sự ngoan cố.

Cuộc tấn công bắt đầu bằng trận oanh kích có tính chất tập trung, qui mô ngày 7-2, với những máy bay phản lực, theo lệnh của tổng thống Jôn-xôn, cất cánh từ các hàng không mẫu hạm « Rengior », « Hencóc », « Coran Xi », những tàu chiến này đã đến sát vĩ tuyến 17, gần đảo Cồn-cỏ và những thị trấn, thôn xóm ven biển tỉnh Quảng-binh. Ngày hôm đó, 4 máy bay Mỹ bị bắn rơi và nhiều chiếc khác bị thương. Cũng như các chiến sĩ bảo vệ thị xã Đồng-hới, các chiến sĩ đảo Cồn-cỏ vẫn đứng vững hiên ngang.

Từ ngày đó, thêm một đoạn cảm động trong thiên lịch sử bảo vệ Cồn-cỏ. Máy bay Mỹ đến ném bom bắn phá đảo thường xuyên hơn. Đồng chí chỉ huy đơn vị bảo vệ đảo—một người trăm tính, diêm dăm—đã ghi trong sổ tay của mình: « Tháng tư: 12, 13, 15, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 24, 26, 27, 28, 29. Tháng năm: 1, 2, 4, 5... » Bộ chỉ huy Mỹ luôn luôn thay đổi chiến thuật. Máy bay phản lực Mỹ ném xuống đảo những loại bom có sức nổ mạnh, chúng bỏ nhào xuống ném bom na-pan, thả chất độc hóa học để giết hai những người bảo vệ đảo, trong khi đó tàu chiến của chúng lên đến gần bắn yểm hộ. Mặt đất trên đảo bị cây cối tung lên vì bom và đạn đại bác. Không khí bị nhiễm độc không còn gì để thở. Khói bao phủ cả đảo trông như một vành mũ bằng mây. Nhưng những loạt đạn cao xạ, đại bác và súng trường từ Cồn-cỏ vẫn ác liệt bắn thẳng vào kẻ thù. Đảo vẫn tồn tại và chiến đấu. Đảo không còn mang cái tính chất ôn hòa, yên tĩnh nữa. Giờ đây đảo có quyền mang tên là đảo Con-cọp. Với những vuốt thép nóng bỏng, Cồn-cỏ đã giáng trả bọn phi công Mỹ tàn bạo những đòn quyết liệt.

Các bạn hãy suy nghĩ kỹ về những con số sau đây: những chiến sĩ đảo Cồn-cỏ đã đánh 70 trận, hạ 18 máy bay, đánh chìm và đánh hỏng nhiều tàu chiến của địch.

Trong số tay của đồng chí chỉ huy chỉ ghi những ngày có xảy ra chiến đấu, chứ không ghi kỹ là nhiều ngày đêm, chỉ trong 24 tiếng đồng hồ, các chiến sĩ bảo vệ đảo phải đánh lui mấy đợt tấn công của địch. Có khi chỉ trong một ngày, các chiến sĩ đã đánh 5 trận liên với máy bay lẫn tàu chiến địch.

Các chuyên gia quân sự Mỹ vô cùng ngạc nhiên: thật kỳ lạ, một hòn đảo nhỏ khó lòng tìm thấy trên bản đồ như vậy, lại có thể chống cự được lâu đến thế. Bọn người trên đảo có những vũ khí đặc biệt gì?

Chúng tôi vui lòng trả lời cho chúng biết rằng: ngoài vũ khí ra, Cồn-cỏ còn có một pháo đài sắt vô cùng kiên cố—đó là lòng tin tưởng vô bờ bến của các chiến sĩ vào sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt-nam và đó cũng là lòng căm thù tột độ của họ đối với kẻ xâm lược.

Ngày nay nhìn những nét mặt dũng cảm một cách hồn nhiên, chân thật của các chiến sĩ quân đội nhân dân Việt-nam, chúng tôi lại nhớ đến những nét mặt tràn đầy tin tưởng vào chiến thắng—những nét mặt thật cảm động và không có gì so sánh được—của các chiến sĩ quân đội xô-viết mà chúng tôi đã trông thấy 20 năm trước đây; chính những nét mặt đó đã làm cho những máy bay mang tên « Mexersmit » của phát-xít Đức phải chịu bất lực. Và đây trước mặt chúng tôi là Trần Đăng Khoa, một trong những chiến sĩ đã anh dũng chiến thắng trên đảo Cồn-cỏ. Những lúc trời yên biển lặng, tình hình yên ổn, anh vẫn thường nhìn về miền Nam với nỗi lòng thương nhớ vô hạn. Gia đình anh ở lại trong đó từ năm 1954. Theo hiệp nghị Giơnevơ, những người du kích tạm thời tập kết ra Bắc, trên vĩ tuyến 17. Hôm tạm biệt những người thân yêu, họ đã đưa hai ngón tay lên như thế hai năm nữa nhất định sẽ có tổng tuyển cử và nước nhà nhất định sẽ thống nhất. Thế nhưng hai

năm rồi, miền Nam Việt-nam vẫn còn bị quân xâm lược Mỹ chiếm đóng, và Trần Đăng Khoa không được một tin tức gì về gia đình mình. Anh chỉ được tin bọn chiếm đóng và bọn tay sai đã giết hại hàng vạn đồng bào miền Nam đang làm ăn yên lành.

Ngài Mắc Namara, ngài thử nghĩ xem vì sao mà con người ấy lại chiến đấu chống lại các phi công và lính thủy của ngài một cách căm hờn như thế. Trần Đăng Khoa không chỉ hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu một cách xuất sắc trong những điều kiện vô cùng gian khổ ở đảo Cồn-cỏ, anh còn giúp đỡ các chiến sĩ khác chữa những vũ khí bị hỏng ngay dưới lửa đạn, góp ý kiến, động viên các đồng chí mình...

Còn đây là một chiến sĩ trẻ tên là Mươi. Anh người Thanh-hóa, nơi hiện nay cũng đã bị bom đạn Mỹ tàn phá. Trước đây anh làm một nghề có tính chất hòa bình nhất trên thế giới: tạc các loại tượng nhỏ bằng đá hoa để bán cho những người du lịch thích mua làm lưu niệm về Việt-nam. Có lẽ trên thế giới ngày nay không ai có tinh thần chiến đấu hơn anh chiến sĩ Mươi. Thưa ngài Mắc Namara, chính các phi công của ngài đã gây cho anh Mươi lòng căm thù ngùn ngụt đối với quân đội Mỹ – những phi công đó theo lệnh ngài đã ném bom xuống quê hương anh ta.

Chiến sĩ Mươi còn trẻ lắm, anh chỉ mới 19 tuổi. Vóc người thấp bé nên trông anh như thiếu niên. Nhưng máy bay của Mỹ đã biết những làn đạn súng máy dày căm hờn của anh như thế nào! Một quả bom rơi bên cạnh, đất vùi kín anh, làm anh bất tỉnh. Các bạn đều tưởng anh đã bị hy sinh, nhưng kia, đất động dậy, anh khó nhọc bò ra, bởi đất tìm lại súng, lau sạch và tiếp tục nhả đạn vào quân thù. Các quân y sĩ thấy anh bị chấn thương yêu cầu anh rời trận địa, nhưng anh không chịu... Người ta phải yêu cầu chính đồng chí tư lệnh

quân khu gọi điện ra lệnh cho anh, lúc bấy giờ anh mới chịu phục tùng. Hiện giờ chiến sĩ Mười đang nằm bệnh viện, nhưng không bao lâu nữa anh sẽ trở về hàng ngũ. Và chắc thế nào người thanh niên ấy cũng xin trở về đảo Cồn-cỏ, phải không các bạn?

Chúng tôi còn được nghe nhiều chuyện cảm động như thế về những người bảo vệ đảo Cồn-cỏ mà chính người Mỹ đã làm cho nó trở thành Con cọp: đó là chiến sĩ quan sát Thái Văn A bị thương như chiến sĩ Mười, vẫn đứng vững ở vị trí, chiến đấu hết sức ngoan cường, và ngay sau trận đánh, anh đã được kết nạp vào Đảng; đó là chiến sĩ Nguyễn Viết Xoa hai lần bị thương vẫn tiếp tục nhả đạn vào kẻ thù cho đến khi kiệt sức; đó là các chiến sĩ thông tin dưới lửa đạn vẫn giữ vững đường dây liên lạc với đất liền; đó là các chiến sĩ y tá và các chiến sĩ anh nuôi trong những giờ phút chiến đấu ác liệt cũng cầm súng bắn vào đầu địch.

Không phải ngẫu nhiên mà mùa xuân này hòn đảo nhỏ bé ấy đã được tặng những phần thưởng cao quý nhất. Lần thứ nhất, đảo được Huân chương Quân công hạng nhì và sau đó Huân chương Quân công hạng nhất. Danh hiệu của đơn vị bảo vệ đảo Cồn-cỏ cùng với danh hiệu những đơn vị chiến đấu xuất sắc nhất khác đã được thêu vào lá Cờ đỏ luân lưu của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vừa qua, Chủ tịch đã gửi một bức điện riêng nhiệt liệt chúc mừng chiến sĩ và cán bộ đảo Cồn-cỏ đã chiến thắng lớn.

Tiếng súng đại bác trên vịnh Bắc-bộ gọi nhớ trong lòng chúng tôi tiếng súng đại bác ầm vang trên biển Ban-tích, nơi có những thủy thủ người Nga của tàu Khancô đứng vững hiên ngang. Những mảnh vỡ cháy xém của máy bay mà người Mỹ vẫn khoe khoang khoác lác, rơi xuống biển làm tung lên những cột nước mặn chát.

Bộ chỉ huy Mỹ đã đưa đến dày những máy bay khu trục hiện đại siêu âm rất mạnh mang tên « Con ma » và cả những máy bay ném bom B. 57 chế tạo để dùng cho chiến tranh hạt nhân, (ở đây những máy bay này mang hom thường và bom na-pan). Nhưng trên thế giới này, không có một lực lượng nào, dù đó là những người máy tự động, có thể mạnh hơn được những con người đang đấu tranh cho tự do về hạnh phúc của đất nước mình. Nếu có kẻ nào ở Hoa-thịnh-đốn cho đến nay vẫn còn nghi ngờ điều ấy, thì kẻ đó hãy tỉnh táo đọc lại những báo cáo của Sài-gòn về sự thất bại của những trận tấn công bằng không quân đánh vào một hòn đảo hết sức nhỏ bé trong vịnh Bắc-bộ, mà ở đó ngài Mắc Namara đã làm cho Con cọp thức dậy.

Trích báo *Sự thật* (Liên-xô) ra ngày 10-5-1965

MINH HẢI dịch

NHỮNG ĐÔI CÁNH TRÊ TRÊN BẦU TRỜI VIỆT-NAM CHIẾN ĐẤU

V. SARAPÔP

— Trong trận không chiến mới đây, không quân Việt-nam đã hạ một chiếc « Con ma », loại máy bay mới nhất của Mỹ và bắn bị thương hai chiếc F.105D. Đồng chí nên đến gặp các phi công của chúng tôi, có thể họ sẽ kể lại cho đồng chí nghe nhiều điều lý thú — Các bạn Việt-nam đã nói với chúng tôi như vậy.

Và đây, chúng tôi đang ngồi trong ngôi nhà của đơn vị N. của không quân nhân dân Việt-nam. Người ta giới thiệu với chúng tôi ba sĩ quan có nhiều thành tích trong các trận chiến đấu với máy bay kẻ cướp Mỹ. Các phi công mặc áo bơ-lu-dông đã bạc màu, tay áo xấn cao quá khuỷu. Trên ve áo của họ có đính phù hiệu màu xanh với hình đôi cánh bạc. Ba người hầu như cao lớn ngang nhau, đều mạnh khỏe, hoạt bát, tươi vui.

— Thiếu tá Trần Hanh, — một người tự giới thiệu.

— Đại úy Phạm Ngọc Lan, — người thứ hai tự giới thiệu.

— Còn tôi, trung úy Nguyễn — Người thứ ba, trẻ nhất, vừa cười vừa nói.

Tôi đã gặp nhiều chiến sĩ Việt-nam, nhưng với các phi công thì cho đến nay chưa được gặp lần nào. Không

quân Việt-nam còn rất trẻ, chỉ mới vừa đủ lòng đủ cánh. Nhưng kẻ thù cũng đã được biết sức mạnh như vũ bão, tài năng và lòng dũng cảm của các phi công Việt-nam.

Những phi công trẻ tuổi này đã từng gặp nhiều khó khăn. Họ vừa học tập, vừa chiến đấu. Nhưng họ đã giành được thắng lợi rực rỡ trong các trận chiến đấu với đối thủ mạnh hơn.

Trận chiến đấu đầu tiên của các phi công Việt-nam diễn ra ngày mồng ba tháng tư năm 1965. Hôm đó, nhiều tốp máy bay Mỹ oanh kích các mục tiêu khác nhau ở Thanh-hóa. Biên đội Phạm Ngọc Lan có nhiệm vụ chặn máy bay địch không để cho chúng bắn phá.

Lan nhớ rõ chi tiết của trận đánh. Anh cảm hình mẫu máy bay và trình bày rõ ràng việc các phi công Việt-nam đã xuất kích và tấn công như thế nào.

— Chắc đồng chí hiểu thế nào là chiến đấu trận đầu tiên? — Anh nói. Hơn nữa, tôi lại được giao nhiệm vụ bảo vệ một tỉnh mà tôi coi như quê hương ruột thịt thứ hai của mình.

Phạm Ngọc Lan sinh ở tỉnh Quảng-nam miền Nam Việt-nam. Ở Việt-nam có phong trào kết nghĩa Bắc Nam, nghĩa là một thành phố hoặc một tỉnh nào đó ở miền Bắc kết nghĩa với một tỉnh hoặc thành phố ở miền Nam. Quảng-nam kết nghĩa với Thanh-hóa. Do đó Lan coi Thanh-hóa cũng như là quê hương thân thiết của mình.

Biên đội của Lan bay về một khu vực đã định trước. Từ dưới đất có điện báo lên cho biết phía trước có mấy tốp máy bay địch xuất hiện. Trời hôm ấy nhiều mây, nhưng cái đó không hề gây trở ngại cho các phi công. Họ phát hiện ngay được bốn chiếc máy bay phản lực của hải quân Mỹ. Đối với phi công Mỹ, sự xuất hiện của các máy bay phản lực Việt-nam là một việc hoàn

toàn bất ngờ. Hai tên kẻ cướp liền tháo chạy. Hai chiếc đi sau vòng lại.

— Chiếc thứ ba, thứ tư, — Lan hạ lệnh. Chặn đứng hai chiếc định tấn công chúng ta.

Còn máy bay của anh cùng với chiếc máy bay hộ tống lao theo hai chiếc máy bay Mỹ định chạy trốn. Loạt đạn đầu Lan bắn từ xa trúng ngay chiếc máy bay đi đầu của địch. Nó lập tức bị mất thăng bằng. Lan lao đến gần hơn và tiếp tục nổ súng. Đuôi chiếc máy bay Mỹ phụt ra một vệt khói đen dài. Tên kẻ cướp rơi xuống biển.

Ngày hôm sau các phi công Việt-nam lại đánh một trận ác liệt; họ hầu như lọt vào giữa một bầy máy bay địch. Về trận này thiếu tá Trần Hanh đã kể lại cho chúng tôi như sau:

Biên đội Trần Hanh bay về phía nam Hà-nội. Chẳng mấy chốc họ đã phát hiện thấy bốn máy bay Mỹ ở trước mặt. Chiếc máy bay hộ tống báo cáo là phía sau lại xuất hiện bốn chiếc F.105 D và ngay bên cạnh lại xuất hiện thêm bốn chiếc F.105D nữa. Chúng đã đến rất gần. Đã có thể nhìn rõ thấy cái thân dài hình con thoi sơn màu bạc trắng của chúng.

Mặc dầu thất bại trong trận chiến đấu thứ nhất ngày hôm qua, bọn phi công Mỹ không chú ý gì đến máy bay phản lực Việt-nam. Chúng không tin rằng các phi công Việt-nam lại dám đến gần chúng. Do đó cuộc tấn công này đối với chúng thật hoàn toàn bất ngờ.

Trần Hanh nổ súng. Anh thấy rõ đường đạn xuyên qua cánh trái chiếc máy bay Mỹ, nhưng nó chưa bị thương nặng nên nó vẫn có thể chạy thoát được. Hanh tăng tốc độ, lao đến gần, gần đến nỗi anh nhìn thấy rõ cả chiếc mũ trắng của tên phi công Mỹ. Rõ ràng là tên này không hiểu cái gì đã xảy ra với máy bay của nó. Đầu nó khi thì nghiêng qua trái, khi thì nghiêng sang

phải. Có lẽ nó tưởng rằng đạn bắn đây là của cao xạ pháo dưới đất. Và khi đã tiến sát tới gần tên cướp ngày này, Trần Hanh liền bồi cho nó một băng đạn dài. Nó lập tức rơi ngay xuống đất. Ba chiếc máy bay Mỹ khác chuẩn vội ra biển. Trong trận ấy, hai máy bay khác trong biên đội Trần Hanh cũng bắn rơi thêm một máy bay Mỹ nữa.

Cuộc gặp gỡ sắp phải kết thúc. Chúng tôi còn muốn hỏi các bạn Việt-nam nhiều điều nhưng chỉ được biết thêm là Trần Hanh sinh trong một gia đình bần nông. Năm nay anh ba mươi hai tuổi. Anh đã có một con gái tên là Hà. Cái tên Hà không phải là ngẫu nhiên: cháu sinh ở Hà-nội, Hà là nửa đầu tên của thủ đô.

Thiếu tá Trần Hanh và đại úy Phạm Ngọc Lan xin lỗi chúng tôi và đứng dậy. Họ phải ra sân bay chuẩn bị một chuyến bay tuần tiễu và đồng thời cũng là để nghiên cứu một số chi tiết chiến thuật tẩu công trên không. Còn lại trung úy phi công Nguyễn tiếp chúng tôi.

Nguyễn 29 tuổi. Cũng như phần lớn các bạn anh ở đây anh bước vào hàng ngũ phi công chưa được bao lâu. Nhưng anh cũng đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm chiến đấu. Anh đã tham gia mấy trận chiến đấu với phi công Mỹ.

— Tôi đi bộ đội, bắt đầu chiến đấu từ năm 17 tuổi và đã dự khá nhiều trận đánh bọn thực dân Pháp. Trận không chiến đầu tiên tôi tham dự là trận ngày mồng ba tháng tư. Về trận này đồng chí đã được nghe đại úy Phạm Ngọc Lan kể lại rồi.

Nguyễn là người đã góp công bắn rơi chiếc máy bay Mỹ « Con ma » đầu tiên. Trận này mới xảy ra cách đây mấy hôm, và chỉ kéo dài có mấy phút. Các phi công Việt-nam đã bắn rơi một chiếc và hẳn bị thương hai chiếc máy bay Mỹ khác.

Nguyên đưa cho chúng tôi xem tấm ảnh chụp được ngay trong trận đánh. Một khối lửa và khói từ chiếc « Con ma » bốc lên.

— Khi tôi bắn loạt đạn cuối cùng, Nguyên nói, thì chiếc máy bay Mỹ quay tròn trên không rồi đâm đầu xuống đất. Tôi nhìn thấy dưới cánh của nó còn đeo đầy đạn rốc-két. Tên phi công Mỹ chưa kịp phóng hết. Với kỹ thuật hiện đại mà bạn bè đã viện trợ, chúng tôi hoàn toàn có thể giành được thắng lợi trong các trận chiến đấu với bọn phi công Mỹ.

Tiếng máy bay gầm át cả câu chuyện của chúng tôi. Từng tốp máy bay phản lực, nhanh chóng cắt cánh và vun vút theo nhau lao vào bầu trời như những con én bạc...

Hà-nội 9-1965

Trích báo Sự thật (Liên-xô) ra ngày 2-10-1965

NGUYỄN ĐỨC THUẦN dịch

GÁ THANH NIÊN Ở BANG ÔKLAHÔMA ĐÃ TRỞ THÀNH MỘT TÊN TỘI PHẠM NHƯ THẾ NÀO

IU. JUKÔP và SARAPÔP

Hôm qua người ta nói với chúng tôi:

— Ngày mai các đồng chí có thể gặp một tên phi công Mỹ, chiếc máy bay của nó vừa bị súng cao xạ của chúng tôi hạ vào lúc đêm khi nó đang nhào xuống bắn mấy chiếc xe ô-tô chạy trên đường. Tên phi công nhảy dù ra và đã bị chúng tôi tóm cổ ở gần thành phố Vinh, tỉnh Nghệ-an.

Một nơi gần thành phố Vinh... Cách đây ít lâu chúng tôi đã ở đó. Tại chúng tôi còn vang tiếng bom nổ âm ầm, tiếng đạn cao xạ nổ giống một, khô khan; tâm trí chúng tôi còn nhớ rõ những chiếc đèn dù sáng chói, tiếng rít nhức nhối khó chịu của máy bay phản lực Mỹ. Chốc chốc người ta lại báo cho chúng tôi biết: một chiếc máy bay rơi, ba chiếc máy bay rơi. Chúng tôi đã được thấy mảnh máy bay, được đọc những tài liệu tìm thấy trên máy bay. Bây giờ lại có dịp gặp mặt một trong những tên đêm nào ngày nào cũng xâm phạm bầu trời, giết hại nhân dân của một đất nước đang bị nước Mỹ tấn công một cách « không chính thức ».

Chiến tranh không có tuyên bố và như vậy, theo luật pháp quốc tế, những tên đó không phải là những người lính, mà là những tên tội phạm, giống hệt bọn thường phạm, bọn giết người, ăn trộm, ăn cướp. Những tên phi công Mỹ từ những chiếc máy bay bị bắn rơi nhảy dù ra và bị bắt trên chiến trường Việt-nam, người ta không gọi là tù binh, chúng chỉ là những tên phục vụ trong quân đội Mỹ bị bắt trong khi đang tiến hành những việc làm tội lỗi.

Cuộc gặp gỡ đó đối với chúng tôi càng hấp dẫn hơn vì chúng tôi đang rất muốn biết khi bị bắt quả tang tại nơi phạm tội, tên Mỹ kia đã cảm nghĩ những gì? Và đây, hắn đã ở trước mặt chúng tôi. Một thanh niên Mỹ người cao lều đều, tóc vàng kẹch cắt ngắn theo kiểu lính ở phòng cắt tóc trên hàng không mẫu hạm « Mit-wé ». Tóc hắn chắc vừa mới cắt. Hắn mặc sơ-mi trắng, quần dài mỏng hợp với khí hậu nhiệt đới, do bàn tay người thợ giặt Việt-nam vừa giặt rũ sạch sẽ. Hắn trẻ, khỏe và cảm thấy người ta đối với hắn rất tốt, điều mà hắn phải thú nhận rằng trước đây hắn đã không ngờ vì bọn chỉ huy của hắn đã nói rằng nếu hắn bị bắt sẽ bị tra tấn hay ít nhất cũng bị đánh đập.

Trong đôi mắt màu xanh của hắn, vẻ lo lắng sợ hãi xen lẫn với thái độ tò mò. Lần đầu tiên trong đời mình, hắn nhìn thấy các nhà báo Liên-xô. Trong quân đội, hắn bị cấm ngặt không được tiếp xúc với những người cộng sản, nhưng đồng thời hắn lại rất muốn biết họ là những người như thế nào. Các sách giáo khoa Mỹ nói rằng đó là những người tàn nhẫn muốn biến nước Mỹ thành một thuộc địa. Nhưng từ khi đặt chân xuống đất Việt-nam thì dần dần hắn đã thấy rõ ràng các sách giáo khoa của Mỹ đã viết sai sự thật.

Tên Mỹ vắn vè điều thuốc là một cách bối rối. Lúc đầu hắn trả lời thận trọng, dè dặt.

— Vàng, chiếc máy bay của tôi bị bắn rơi trên bầu trời Nghệ-an... Tôi là Philip Wil Botlơ, sinh ngày 11 tháng 8 năm 1938, sĩ quan trong không lực của hải quân Mỹ. Vàng, tôi lái chiếc máy bay phản lực A 4C « Xkaihòc » (« Chim ưng nhà trời »)... Đây là một chiếc máy bay khá tốt... Sao họ lại bắn rơi được nó ấy ư? Có gì đâu, chẳng qua là tôi không may. Cái đó cũng như trò bốc thăm mà thôi...

Trong các bài báo viết trước đây, chúng tôi thường lấy những thanh niên ở bang Ôklahôma ra làm thí dụ khi muốn nói đến loại người gọi là « người Mỹ trung bình », loại người ít thích bàn luận. Thì đây Philip Botlơ chính là một người ở bang Ôklabôma. Hẳn sinh trưởng ở đó, hiện mẹ hẵn và các em gái hẵn đang ở đó, tại thành phố Tunxa. Các bạn hãy tưởng tượng xem, bây giờ cuộc sống đã bắt cả loại thanh niên này cũng phải suy nghĩ!

Sau khi bầu không khí căng thẳng và ngượng ngùng lúc đầu đã tan đi, sau khi Botlơ đã nhận thấy rằng chẳng có ai chuẩn bị tra tấn hẵn, hẵn như một con hến bắt đầu hé mở đôi vỏ của mình, và chúng tôi cũng dần dần tìm hiểu được về quá trình gã thanh niên ở Ôklabôma này đã trở thành kẻ tống phạm trong cuộc chiến tranh tội lỗi như thế nào.

Quá trình đó bắt đầu một cách hết sức bình thường. Botlơ tốt nghiệp trường trung học: đua anh đua em, hẵn cũng muốn tiếp tục đi học. Nhưng cha hẵn, một người thợ mộc già, lắt đầu: việc đó túi tiền của ông không thể kham nổi. Làm thế nào, cũng sẽ lại trở thành thợ mộc như cha hẵn ư?... Ừ, thế thì tại sao mình lại không xin vào học viện hải quân ở Annapôlix mà học nhỉ? Học viện này đang tranh dành tiếng tăm với học viện lục quân West Point. Những biểu ngữ to tướng viết chữ rất đẹp hứa hẹn sẽ cung cấp học bổng, bảo

đảm học không mất tiền, và sau khi tốt nghiệp, sẽ được làm việc trong không lực của hải quân với lương cao.

Philip thi đỗ, người cha chúc mừng cho con: ông lão tưởng rằng như thế bước đường công danh của con mình đã được bảo đảm. Giả như ông ta biết được con đường đó sẽ kết thúc như thế nào! Nhưng ông lão không còn sống đến cái ngày đó, mới đây ông ta đã qua đời mất rồi. Trong học viện, thời gian trôi đi nhanh chóng, Botlơ yêu thích thể thao, hẳn cũng không phải là không yêu thích văn học, nghệ thuật.

Nhưng còn nói về chính trị thì ở đây hoàn toàn không có một khái niệm gì về hiện thực cả: chỉ có những đoạn ngắn trong các sách giáo khoa nêu lên nguy cơ của chủ nghĩa cộng sản thế thôi.

Cuối cùng Philip đã tốt nghiệp học viện, mặc vào người bộ quân phục đẹp đẽ mà hẳn rất lấy làm vừa ý, cười một cô vợ xinh xắn có cái tên là Karen và bất thình lình... giờ phút trả nợ đã đến. Con quỷ đã bỏ tiền ra mua linh hồn hẳn bây giờ đòi nợ. Khi còn đi học và ham thích thể thao, không hiểu sao Botlơ lại không bao giờ nghĩ rằng những người tốt nghiệp học viện lại phải lao vào những công việc rất không đẹp đẽ gì. Tuy trên trái đất bề ngoài vẫn là hòa bình, nhưng những người lính Mỹ thì bao giờ cũng bận đánh nhau. Bây giờ đây đã đến lượt gã thanh niên bang Ôklahoma. Hẳn được gbi vào danh sách binh sĩ trên hàng không mẫu hạm « Mitwè » (« cái tàu của nợ, cũ rích này chạy tròn trành như quỷ ấy » — hẳn lắm bầm), trên tàu này có 80 máy bay, và bọn chỉ huy ra lệnh cho hẳn chuẩn bị lên đường. Ba ngày trước khi hẳn ra đi thì đưa con gái đầu lòng của hẳn ra đời. Đứa bé được đặt tên là Diana, và hẳn mới chỉ kịp ẵm con lên tay có một lần.

Botlơ đi trên biển khá lâu. Hắn tới các hải cảng của Nhật-bản, Philippin. Ở đây nếu như có đô-la trong túi thì cũng sẵn nơi để giải buồn, vì vậy hắn cảm thấy phần klỗi đôi chút, nhưng bỗng nhiên có một lệnh mới: đi đến bờ biển Việt-nam ».

— Người la phái chúng tôi đến đây để chống lại sự xâm lược của miền Bắc — Botlơ nói một cách thuộc lòng — đây là nội dung bản mệnh lệnh. Và một lúc sau hắn lại nói thêm: — Trước đây tôi cũng nghĩ như vậy...

Gã thanh niên bang Ôklahôma không nói hết câu. Nhưng không phải là ngẫu nhiên mà hắn đã chọn động từ thời quá khứ « trước đây » thay vào động từ thời hiện tại « hiện nay ».Ồ, tất nhiên, là hắn rất thận trọng lời nói — hắn đã từng được biết những binh sĩ Mỹ bị bắt làm tù binh ở Triều-tiên khi được trở về nước dám nói toạc ra những ý nghĩ của mình về những kẻ đã phái họ đi, thì số phận của họ đã ra sao.

— Tôi cảm thấy mình lúc này như một diễn viên xiếc đang đi trên dây — Botlơ thú nhận dễ giải thích rằng trong lúc này hắn rất khó khăn trong việc chọn từ vì hắn đang nói chuyện với các nhà báo Liên-xô và tất cả những gì hắn nói ra đều có thể bị đăng lên báo.

Nhưng chúng ta hãy trở lại với bước đường công danh của hắn trong quân đội. Hắn nhớ rất rõ chuyến bay đi chiến đấu đầu tiên. Đang đêm, đám phi công bị đánh thức dậy, bọn chỉ huy chỉ cho chúng một hình vuông trên bản đồ và cam đoan với chúng rằng sẽ không có gì khó khăn và nguy hiểm cả. Bọn chỉ huy bảo rằng đây là mệnh lệnh từ Hoa-thịnh-đốn gửi đến. (« Thật là một cuộc chiến tranh lạ lùng — Botlơ thú nhận — lần nào cũng nghe nói là mệnh lệnh nhận được từ Hoa-thịnh-đốn. Người ta bảo rằng tổng thống đích thân vạch mục tiêu cho chúng tôi: một khóm dừa, cọ nào đấy, và thế là chúng tôi cất cánh »).

Gã thanh niên bang Ôklahoma có cảm giác gì khi hắn lao chiếc máy bay vào bầu trời một nước hòa bình chưa hề đụng chạm gì đến nước Mỹ?

— Tôi chẳng nghĩ gì ngoài việc lo hoàn thành nhiệm vụ — Botlơ nói. Khi cất cánh, tôi có cảm giác như tất cả trái đất bỗng đứng lặng đi và ngừng lại, chỉ còn một mình tôi trong khoảng không với những máy móc của mình. Tôi hành động như máy: lái máy bay cho đúng hướng, hạ thấp dần, rồi nhào xuống, bấm nút cắt hom. Nhưng khi trở về thì trong người tôi tự nhiên cảm thấy kinh hãi: chỉ lúc này tôi mới chợt hiểu cái gì đã xảy ra. Tôi run sợ mãi không ngủ được, tôi uống cà-phê, hút xì-gà, làm việc chẳng ra đâu vào đâu cả.

Đúng, « cuộc du ngoạn » thật không phải là bình yên, có biết bao nhiêu máy bay cất cánh đi ném bom đêm ấy không còn trở về căn cứ nữa. Botlơ rùng mình nhớ lại những tiếng đạn cao xạ nổ ngay bên cạnh máy bay của hắn.

Rồi sau đó bắn lại cất cánh một lần nữa, cũng vào ban đêm.

— Anh thả bom vào những mục tiêu nào?

— Câu hỏi này thật khó trả lời. Chúng tôi được lệnh thả vào một khu vực nhỏ hẹp.

— Có nhà cửa của thường dân ở đó không?

— Tôi không rõ, — hắn trả lời và lập tức nói thêm rằng hắn và tất cả những phi công mà hắn quen biết không có một ai thả bom xuống nhà ở của thường dân cả.

Chúng tôi giở những trang ghi chép của mình ở Thanh-hóa và Nghệ-an ra — một bảng danh sách dài kê tên các trẻ em, phụ nữ, ông già, bà lão bị chết trong những trận máy bay Mỹ oanh tạc và hỏi ai là kẻ đã làm cho em gái Lợi mới 7 tuổi đã bị thương nặng, ai phải chịu trách nhiệm vì cái chết của hai em học sinh đi

học ban đêm qua cánh đồng với một ngọn đèn dầu tù mù soi đường (vì những cuộc ném bom khốc liệt ban ngày của máy bay Mỹ, ở một số địa phương, các em phải học ban đêm). Máy em nhỏ nghe thấy tiếng máy bay bơi muợn, nhưng tên phi công Mỹ thì lại trông thấy ánh đèn sáng, bắn lao xuống, phóng một quả rốc-két, lập tức dập tắt ngọn lửa yếu ớt của hai cuộc sống mới bắt đầu. Chúng tôi háo cho Botlơ biết tin về một trong những trận oanh tạc mới đây của không quân Mỹ, đây là trận thả bom xuống một chợ nông thôn thuộc Thanh-hóa. Ở đó, 79 người chết và bị thương, đa số là phụ nữ, họ đi chợ bán những món hàng vật.

Gã thanh niên ở bang Ôklahoma không còn tự chủ được nữa. Hắn tái mặt đi, khẽ nói :

— Tất nhiên, khi bay nhanh thì có thể bị nhầm lẫn...

Chiếc máy bay của Botlơ bị hạ vào chuyến bay thứ tư. Vừa xuống tới đất Botlơ vội vàng lao về phía rừng rậm ; hắn hy vọng vào tới rừng sẽ có thể trốn thoát. Hắn chạy theo hướng tây nam, cố tránh xa nơi hắn đã gây ra tội lỗi. Tên đại úy này đã học kỹ cuốn sách do bộ tư lệnh không lực thuộc hải quân Mỹ xuất bản, cuốn sách chỉ dẫn cách tự cứu cho những phi công nhảy dù xuống địa phận của một nước xa lạ, ngay cả trong trường hợp nơi đó bị bom hạt nhân.

Nhưng rất nhanh thôi, Botlơ đã buộc phải công nhận sự hất lực của những điều viết trong sách. Người ta dạy hắn cách hỏi thăm dân địa phương, nhờ họ chỉ cho nơi có những người du kích « thân Mỹ », cách dùng vàng để mua chuộc họ, cách lời kéo những « dân ngoại quốc » ấy về với mình v.v... Nhưng hắn chưa kịp bắt đầu cuộc nói chuyện với « dân ngoại quốc » bằng những câu hỏi và trả lời in sẵn thì hắn đã bị những cánh tay chắc nịch tóm lấy.

Botlor bị những người dân Việt-nam đuổi theo sát vết chân hấn bắt được — nói thực ra thì hấn cũng chẳng tin gì cuốn sách của bộ tư lệnh Mỹ và vẫn chờ đợi sự việc xảy ra như thế này. Hấn ghê sợ giây phút ấy, hấn tưởng rằng người ta sẽ lập tức đánh hấn, mà cũng có thể đơn giản hơn là sẽ dẫn cho hấn một trận như tử. Nhưng không hề có điều gì tương tự xảy ra, cho nên hấn đã đánh bạo hỏi xin nước uống.

— Người ta mang cho tôi một ca to nước lạnh pha đường. Tôi chưa bao giờ uống nước một cách ngon lành như vậy — hấn nói thêm.

Chúng tôi nhớ lại câu chuyện xảy ra với một tên phi công Mỹ khác cũng bị bắt ngay tại chỗ hấn gây ra tội lỗi. Câu chuyện này do bác sĩ giám đốc bệnh viện Thanh-hóa đã kể lại cho chúng tôi nghe.

Một trận chiến đấu ác liệt đang diễn ra. Máy bay Mỹ hết đợt này đến đợt khác từ ngoài biển lao vào. Chúng liên tiếp cất hom, phóng rốc-két. Nhà cửa sụp đổ, người chết. Những chiến sĩ cao xạ phòng không Việt-nam và dân quân tự vệ đánh trả địch quyết liệt. Máy chiếc máy bay Mỹ bốc lửa, lao đầu xuống đất. Một tên phi công Mỹ kịp nhảy dù ra khỏi chiếc máy bay bị bắn rơi, nhưng hấn bị gãy chân.

Gã đàn ông to lớn mang phù hiệu sĩ quan Mỹ sợ hãi lạc hấn giọng, khi thấy những người Việt-nam chạy tới. Hấn hiểu rõ rằng nhân dân Việt-nam căm thù đến mức nào đối với hấn và những tên phi công Mỹ khác đến gây tội ác ở đây theo lệnh của Hoa-thịnh-đốn. Nhưng, bản năng nhiên thấy không ai đối xử thô bạo với hấn cả. Ngược lại, những người Việt-nam lập tức gọi bác sĩ tới, các bác sĩ trong giờ phút đó đang cứu chữa những người có thể bị thương vì chính quả bom do tên phi công Mỹ này vừa ném xuống.

Các bác sĩ đã xem xét kỹ lưỡng vết thương của hắn. Chân hắn đáng ra phải cưa cụt đi, nhưng họ quyết định dù sao cũng cố gắng cứu chữa. Cuộc mổ xẻ đã thành công. Tên phi công Mỹ giờ đây thấy xấu hổ vì khi nằm trên bàn mổ hắn luôn miệng nhắc lại câu hắn đã học thuộc lòng trong cuốn hội thoại: « Tôi có thể tin cậy ở các bác sĩ được không? »...

Botlor có đủ thì giờ để suy nghĩ về tất cả những gì đã xảy ra. Còn nhiều điều hắn chưa hiểu nổi, song những sự thật mà hắn vấp phải trên mỗi hước đi, buộc hắn phải đối chiếu với những khái niệm hắn đã bị nhồi sọ trước đây.

Chiến tranh thì tất nhiên là hắn không thích rồi: đấy là một việc làm nguy hiểm. Vì vậy mà trong cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, Botlor đã bầu cho Jônxon, chống lại Gônwater: tên này chủ trương tấn công miền Bắc Việt-nam. Đã tưởng rằng có thể được sống yên ổn, Botlor và vợ hắn định bụng sang tháng giêng năm 1966, khi đã hết hạn phục vụ, hắn sẽ không tình nguyện ở lại quân đội nữa và với số tiền lương nhận được, hắn sẽ học để trở thành một luật sư. Nhưng mà sự tình đã xảy ra như thế nào? Botlor rất bị quan.

— Thế hóa ra là Jônxon đã đánh lừa các anh?

Gã thanh niên ở bang Ôklahoma im lặng, một sự im lặng đầy ý nghĩa. Sau đó hắn nói thêm rằng, hắn rất không hài lòng vì Jônxon đã ra lệnh gia hạn tại ngũ của các quân nhân trong bạm đội 7 cho đến tháng 7 năm 1966, trong khi đó đáng lý ra thì đến tháng giêng là chúng đã có thể về nhà.

Tuy Botlor đang chuẩn bị để trở thành một luật sư nhưng hắn lại chẳng hiểu gì về cái địa vị pháp lý hết sức mờ mịt lúc này của hắn. Hắn vẫn mừng rỡ tưởng rằng hết thời hạn phục vụ một cái là hắn sẽ lập tức trở về với Karen và Diana. Hắn định sẽ bắt đầu nghiên

cứu luật học ngay từ giờ để khỏi lãng phí thời gian. Chỉ cần người ta cung cấp cho hắn sách giáo khoa...

Không, ngài Botlo, trước tiên ngài phải qua một thực tế luật pháp mang một tính chất khác hẳn đã — ngài phải chịu trách nhiệm về sự tham gia của ngài vào những tội ác mà Mỹ đã gây ra ở nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Ngài bảo chúng tôi rằng bây giờ ngài đã tìm được một phương thức tốt nhất để « giải quyết vấn đề ».

— Nước Việt-nam là của người Việt-nam, nước Mỹ của người Mỹ, ngài nói như vậy.

Rất đúng. Nhưng nhẽ ra ngài đã phải đi đến kết luận ấy từ trước khi lái máy bay sang ném bom ở Việt-nam kia chứ?

Ngài có nhớ những người nông dân đã nhìn ngài bằng những con mắt như thế nào khi ngài bị bắt không? Chắc rằng ngài đã đọc thấy trong những đôi mắt ấy một mối căm thù sâu sắc đối với những kẻ xâm lược. Lòng cao thượng của họ đã cứu sống ngài — họ không đánh kẻ đã ngã — nhưng mối căm thù nung nấu trong lòng họ có một sức mạnh khiến họ sẽ đấu tranh chống bọn xâm lược với một ý chí kiên quyết sắt đá mà ngay như gã sinh viên giỏi nhất của học viện hải quân Annapòlix cũng không thể có được. Họ sẽ chiến đấu cho đến khi nào Jôn-xơn phải rút hết quân đội Mỹ ra khỏi Việt-nam. Và trong suốt thời gian đó, ngài phải ở lại đây, đợi thắng lợi của họ, ngài Botlo ạ. Chính ngài đã tự bắt ngài phải chịu số phận đó.

Hà-nội, tháng 5

*Trích báo Sự thật (Liên-xô)
ra ngày 30-5-1965*

CHU NGA dịch

QUÊ HƯƠNG, RUỘNG ĐẤT, CÁCH MẠNG .

IVAN SÊĐRÔP

Trong đội chúng tôi thỉnh thoảng mới có người nhận được thư. Chỉ những khi tình cờ các con đường du kích gặp nhau mới có thư gửi đến. Tối hôm nay, người liên lạc ở « chỗ đó » mang đến một phong bì nhỏ và trao cho chiến sĩ Hải. Tôi thấy nét mặt Hải rạng rỡ ngay lên khi anh nhìn thấy phong bì. Sau đó anh đến bên ngọn đèn dầu mở thư ra đọc, lòng mày anh nhàu lại cau có. Các bạn anh cũng lần lượt lặng lẽ đọc bức thư ấy và cuối cùng bức thư đến tay tôi: « Anh thân mến, em là Lan viết cho anh đây. Em được biết là anh đã về quê nhà. Khi bọn biệt kích về làng N. em đã bị chúng bắt, và sau đó em bị thương. Nhưng người của ta vẫn đưa em về được quân y viện và ở đây em viết thư cho anh. Xin lỗi anh, em viết ngắn vì em hãy còn yếu. Vết thương chưa lành vì mảnh đạn chưa lấy ra được. Nhưng anh đừng lo, rồi em sẽ khỏe. Mong anh khỏe, chớ buồn và đừng quên học tập. Em Lan của anh... ».

Lan, cái tên thật là đẹp, theo tiếng Việt-nam, là tên một thứ hoa. Tôi hỏi Hải: « Đồng chí Hải này, chúng ta đã gặp cô ấy chưa? » Anh trả lời: « Chưa đâu, lúc chúng ta đến quận đò, thì cô ấy đi liên lạc vào Sài-gòn ».

Tuổi đời mới 24, nhưng Lan đã nhiều lần gặp những tình huống hết sức hiểm nghèo. Năm 1962, cô bị bắt và bị đưa vào phòng tra tấn của bọn đao phủ Sài-gòn. Chúng hỏi cung và tra khảo cô. Mãi một năm sau Lan mới trốn ra được. Và cô lại tiếp tục những hoạt động bí mật hết sức gay go, gian khổ — cô đi liên lạc giữa Sài-gòn và các vùng giải phóng. Tháng 5 vừa rồi, Lan bị bắt trong khi đi liên lạc như thường lệ.

« Đồng chí ạ, lúc bọn biệt kích càn quét làng N, Hải kè, chúng đánh đập Lan và bắt Lan đi trước. Và cô ấy bị thương vào lúc đó ». Một đồng chí hỏi tôi : « Đồng chí Ivan này, đồng chí có nhớ cái làng ấy không ? Đồng chí có nhớ các cô du kích, và bà cụ già tại cái nhà chúng ta đã dừng chân lại không ? Đồng chí có nhớ chiến dịch « Bình-định » không ?... ». Có, tôi nhớ rất rõ cái làng bề ngoài có vẻ không có gì đáng chú ý ấy, tôi nhớ rõ tất cả những sự việc đã diễn ra một cách hết sức nhanh chóng ở làng ấy.



Ngày hôm trước chúng tôi còn ngồi bên những cốc chè tươi trong một gian nhà tranh, dưới ánh đèn dầu nửa mờ nửa tỏ và nói chuyện với nhau về những tin tức ở nông thôn cho đến tận khuya. Nhưng sáng hôm sau một tai họa đã đến.

Tiếng gầm rít của máy bay và bom đạn đã phá tan cảnh tĩnh mịch lúc bình minh. Sau đó, những phi đội trực thăng hết đợt này đến đợt khác, đổ xuống đất những tên lính cầm súng lăm lăm chĩa về phía trước. Từ phía đều bị bao vây chặt và bọn lính khép vòng vây tiến vào làng. Một cô gái bị bắt làm con tin đi đầu một toán quân địch. Đó là Lan. Để trừng phạt « sự bướng bỉnh » của cái làng nhỏ bé này, bọn địch đã tung vào đó những đội quân biệt kích tinh nhuệ có « cổ vấn »

Mỹ chỉ huy. Ba tiểu đoàn với đầy đủ đại liên, súng máy, súng cối, xe bọc sắt, có pháo binh và không quân yểm hộ, đã tiến quân vào một cái làng chỉ có mấy nghìn dân, phần nhiều là phụ nữ, trẻ em và các cụ già.

Thế rồi vào lúc giữa trưa, khi bọn biệt kích cho rằng chúng sắp hoàn thành được « nhiệm vụ » rồi, thì một đòn đánh rất mạnh đã giáng xuống đầu chúng. Du kích và một đơn vị Quân giải phóng đã phản công lại. Trận đánh ác liệt diễn ra trong năm giờ đồng hồ liền: các chiến sĩ quân giải phóng, các đồng chí du kích, các em bé liên lạc, phụ nữ và các cụ già đã chiến đấu một mất một còn với địch. Đến chiều tối thì bọn biệt kích đã bị tiêu diệt một phần ba, trong số đó có cả tên cố vấn Mỹ, bỏ lại trên trận địa hàng đồng vũ khí và chúng rút chạy toản loạn về căn cứ gần đấy nhất của chúng. Tiếp theo sau đó, trong ba ngày liền, anh em du kích đã tóm được hết số nguy quân chạy lạc vào rừng.

Một chiến sĩ khác trong đội cũng nhắc tôi nhớ lại sự kiện này: Cả buổi tối chúng tôi đã thảo luận sôi nổi vấn đề tại sao cái làng ấy vẫn đứng vững mà đây không phải là lần đầu tiên? Mỗi người chúng tôi đều hiểu rằng, cuộc chiến đấu anh dũng của nhân dân làng đó, như một giọt nước phản chiếu những nguyên nhân và có thể nói là những động lực thúc đẩy chứa đựng bí quyết của tất cả những thắng lợi ngày càng to lớn của nhân dân miền Nam Việt-nam. Có thể trình bày những điều đó bằng những lời lẽ đơn giản như sau: dân tộc mà bọn đế quốc Mỹ và bè lũ bán nước đã đàn áp, bóc lột và ra sức lừa vào các nhà tù, các trại tập trung khổng lồ, dân tộc đó đã vùng lên rồi, để đấu tranh cho một cuộc đời tốt đẹp hơn, đấu tranh cho độc lập dân tộc và tự do thật sự.

Tôi còn nhớ rất rõ cái ngày đầu tiên tôi đến làng ấy. Sau một chặng đường dài mệt mỏi, cuối cùng chúng tôi đến chỗ nghỉ lại đêm. Trong khi chờ người liên lạc — một du kích địa phương — các chiến sĩ ngồi nghỉ và hút thuốc ngay trên đường, bên cạnh bờ rào. Thuốc lá bao, thuốc lá tự quăn lấy tủa khói um. Bên cạnh đường, trong những gian nhà lá của bà con nông dân, cuộc sống vẫn bình thường. Bên những chiếc bàn nhỏ, dưới những ngọn đèn con, bà con nông dân đang nói chuyện với nhau một cách bình thản. Từ một ngôi nhà tranh vọng ra những tiếng nhạc hành khúc: có người đang nghe Đài phát thanh « Giải phóng » qua đài thu thanh bán dẫn. Có tiếng khóc của trẻ em. Và mùi đất ẩm nước mưa. Nhưng cảnh thanh bình này chỉ là bề ngoài. Cách làng vài cây số là một đồn lớn của giặc, chỉ vài giờ sau là chúng lại mở trận bắn phá về đêm « theo thường lệ ». Khi mắt đã quen với đêm tối, tôi nhìn thấy phía xa xa một đài kỷ niệm vươn lên trên bầu trời lấp lánh muôn vì sao. Một đồng chí ở địa phương liền giải thích cho tôi rõ: « Đó là đài kỷ niệm các thầy giáo và học sinh của trường làng chúng tôi bị bom địch giết hại ». Một chiến sĩ khác thốt lên: « Bọn chó đẻ ấy, thật chúng không thương xót một ai! Chúng giết cả các cụ già lẫn trẻ em! ». « Chúng tôi đã kinh qua trường học cầm tù như thế đấy, — người thứ ba phát biểu là chiến sĩ bắn súng máy tên là Ba, người địa phương. Làng chúng tôi được giải phóng từ năm 1960. Không còn có xã trưởng, ấp trưởng gì nữa, mọi việc đều do một Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng được bầu ra, lãnh đạo. Ủy ban đó lo mở trường dạy học, tổ chức học tập chính trị, và giải quyết vấn đề ruộng đất... ».

Chúng tôi cùng đi với nhau trên đường làng. Đồng chí Tư, một cán bộ cơ sở, vừa lấy tay bẻ một hòn đất xốp, vừa nói: « Vàng, đối với nông dân ruộng đất là

người mẹ, ruộng đất là một vấn đề quan trọng bậc nhất. Bao nhiêu máu đã đổ ra để giành lấy nó, bao nhiêu công sức lao động đã đổ vào đó ».

Mười lăm năm trước đây, trong cả quận này, cũng như ngay trong làng này, hai phần ba ruộng đất nằm trong tay bọn địa chủ Việt-nam và bọn chủ đồn điền Pháp. Mà như thế có nghĩa là, ngoài các thứ thuế, có đến 40 thậm chí 60 phần trăm hoa lợi chạy vào kho thóc của bọn địa chủ. Năm 1954, những người yêu nước, sau khi giải phóng quận này, đã giao cho nông dân trên ba nghìn éc-ta ruộng đất tịch thu của bọn thực dân và bọn phản động. Sau khi hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết, bọn Ngô Đình Diệm lên nắm chính quyền ở miền Nam Việt-nam. Thế là bọn địa chủ lại quay về làng với sự bảo vệ của các đội quân vũ trang. Chúng đã chiếm đoạt lại ruộng đất. Hàng nghìn nông dân bị dồn vào sau hàng rào dây thép gai của các trại tập trung, và ba-chục người trong số này đã bị moi gan mổ bụng.

Chỉ sau khi cuộc đấu tranh chính trị và vũ trang lại phát triển mạnh mẽ (từ cuối năm 1959), ruộng đất mới trở về tay nông dân một lần nữa. Bây giờ thì tất cả ruộng đất của bọn phản động đều được giao cho nông dân, còn những phần ruộng đất vẫn để cho địa chủ giữ lại thì tô nộp không quá 25 phần trăm hoa lợi — vào những ngày tôi đến thăm làng N., trong Nông hội và trong Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng người ta đã thảo luận sôi nổi nhiều vấn đề: xử trí thế nào đối với ruộng đất của những chủ đồn điền Pháp không tích cực cộng tác với chế độ bù nhìn? Lấy ruộng đất ở đâu để cấp cho các gia đình bần nông và cổ nông tích cực tham gia cách mạng? Làm thế nào tổ chức các tổ đổi công tốt hơn, làm thế nào giúp đỡ tốt hơn các lực lượng

vũ trang yêu nước và các gia đình có con em đang chiến đấu ngoài mặt trận?

Phong trào giải phóng dân tộc phát triển rất mạnh, trong đó lực lượng chính là nông dân lao động, và việc giải quyết một cách căn bản vấn đề ruộng đất được nêu lên thành một biện pháp cấp thiết không thể trì hoãn được. Và chính tại đây, nhiều việc đã và đang được thực hiện. Trong thời kỳ thực dân thống trị miền Nam Việt-nam được gọi là đất của tá điền và cổ nông. Điều đó cũng dễ hiểu. Trong số gần ba triệu rưỡi éc-ta đất cày cấy thì gần hai triệu éc-ta ở trong tay bọn địa chủ Việt-nam và khoảng một triệu éc-ta do bọn chủ đồn điền người Pháp chiếm giữ. Còn nông dân lao động chiếm 80 phần trăm dân số của miền Nam Việt-nam thì chỉ có cả thảy một phần năm toàn bộ ruộng đất.

Tại Bộ tư lệnh các lực lượng vũ trang yêu nước miền Nam, các bạn Việt-nam đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe về chính sách cải cách ruộng đất của Mặt trận dân tộc giải phóng, và sau đó, tôi đã được nhìn tận mắt kết quả của chính sách ấy. Cơ cấu xã hội của nông thôn miền Nam Việt-nam trong 5 năm gần đây đã có những biến đổi sâu sắc, và điều này đã trở thành một yếu tố quan trọng trong sự phát triển sâu rộng hơn nữa các lực lượng nhân dân của cách mạng ở miền Nam Việt-nam.

Mùa hè năm 1965, ở miền Nam Việt-nam, do tịch thu ruộng đất của bọn phản động và bọn tay sai (số này thực tế phần đông là bọn địa chủ) nông dân đã nhận của chính quyền nhân dân quyền sử dụng tạm thời hoặc quyền sở hữu trên 2 triệu éc-ta ruộng đất, trong số đó trên 1 triệu rưỡi thuộc vùng lúa Nam-bộ. Một bước tiến quan trọng là sự bãi bỏ các thứ thuế của chế độ bù nhìn. Tất cả những biện pháp đó đã gây ra những biến đổi sâu sắc trong cơ cấu xã hội của

nông thôn. Tầng lớp địa chủ lớn dần dần được thanh toán, hầu hết bọn chúng chạy trốn vào Sài-gòn và các đô thị khác.

Nếu như trước đây bàn nông và cổ nông chiếm đến hai phần ba số nông dân, còn trung nông chỉ khoảng một phần ba, thì hiện nay tình hình đã thay đổi. Ngày nay, quần chúng nông dân chủ yếu trong vùng nông thôn giải phóng thực tế là trung nông. Họ chiếm hai phần ba số dân ở nông thôn.

Năm 1965 việc giải quyết vấn đề ruộng đất đã đạt được một bước tiến mới. Trước năm 1965, ruộng đất của bọn phản động và bọn tay sai, theo thường lệ, được phân phối cho nông dân tạm thời sử dụng. Bây giờ thì nông dân được quyền sở hữu hoàn toàn về phần ruộng đất được phân phối.

Vấn đề quan trọng về các tổ đổi công được đem ra thảo luận trong phiên họp của Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng làng N. cũng là vấn đề được đem ra thảo luận tại các vùng khác ở miền Nam Việt-nam. Đồng bào bà con nông dân đều hiểu rằng, được nhận ruộng đất chưa phải là vấn đề đã được hoàn toàn giải quyết. Ngày nay ở các vùng giải phóng đã có trên 2 vạn tổ đổi công. Những hình thức quan hệ sản xuất mới đã tập hợp gần 50 vạn nông dân. Đương nhiên trong điều kiện đánh du kích và vì là thời chiến, nên tổ chức của các tổ đổi công đó có khá nhiều hình nhiều vẻ. Nhưng điều chủ yếu của những tổ đó là lao động tập thể, giúp đỡ nhau trong công việc làm ăn và trong đời sống.

Chúng tôi nói chuyện với B.N., một cán bộ phụ trách làng, về quá trình biến đổi sâu sắc trong các tầng lớp nhân dân ở nông thôn miền Nam Việt-nam. Ở làng

uầy cứ năm thanh niên thì có bốn người tình nguyện đi giải phóng quân, còn nữ thanh niên thì thay thế họ, tích cực tham gia du kích và làm công việc đồng áng.

Tôi đã có dịp nói chuyện với một nữ du kích trong làng: cô T. N. A. Cô đã 23 tuổi, nhưng trông nét mặt cô như chưa đến 20. Cô mang thắt lưng da to của bộ đội trông thật hiên ngang, trên vai khoác một khẩu các-bin Mỹ chiến lợi phẩm, nét mặt cô hăng hái, sôi nổi. Cô kể lại: « Gia đình chúng em không có một tấc đất. Sáu anh chị em chúng em đều đói rách, lớn lên lần lượt đi ở cho địa chủ. Nhưng rồi chính quyền nhân dân đã cấp cho gia đình chúng em 0,6 éc-ta ruộng — đó là thời kỳ trước năm 1954. Sau đó bọn địa chủ tìm mọi cách chiếm lại ruộng. Nhưng chúng đã thất bại, và bây giờ phần ruộng ấy lại thuộc về gia đình chúng em ».

Cô còn kể về bản thân mình: « Em tham gia phong trào cách mạng từ năm 1958, năm em 16 tuổi. Lúc bấy giờ em làm liên lạc. Đưa công văn, thư từ, tài liệu đến cho các cán bộ hoạt động bí mật là một nhiệm vụ vinh quang và rất quan trọng. Đôi khi cũng gặp khó khăn ». Các bạn của A. đã nói lại tỉ mỉ hơn về A.. Cô gái nhỏ nhắn có nét mặt đáng yêu đó là một trong những người đã tổ chức đội du kích của làng, và đã đánh 19 trận. Riêng phần A., cô đã thanh toán được bốn tên lính biệt kích của địch.

Cô A. kể về gia đình mình, về những dự định của mình như sau: « Em học lớp ba, trong những giờ nghỉ giữa các buổi công tác và các đợt chiến đấu. Em ước mơ bao giờ tiêu diệt xong bọn can thiệp Mỹ em sẽ được làm công nhân một nhà máy cơ khí ».

Chúng tôi đang nói chuyện thì một nữ du kích bước đến mỉm cười nói: « Đồng chí đừng quên chuyển lời chào của chúng tôi đến các bạn gái Liên-xô nhé ». Rồi cô nói thêm: « Thế các bạn khác có kể cho đồng chí

biết rằng vừa mới đây chị A. đã được tặng quà danh dự chưa — một khẩu các-bin và một khẩu súng lục. Chị ấy gan dạ lắm đấy ».

Dưới mái nhà tranh, thết khách từ Liền-xô xa xôi đến bằng chuối và dứa, bà cụ K. đã bảo tôi: « Chúng tôi rất muốn hòa bình ! Nhưng khi giặc đến nhà thì đàn bà cũng phải đánh — trước đây chúng tôi đã làm như vậy, và bây giờ chúng tôi cũng làm như vậy ».

...Đêm khuya đã về trong khu rừng rậm. Tiếng ve sầu kêu ra rả suốt ngày, giờ này, cũng đã im hẳn. Chỉ nghe xa xa đâu đó có tiếng súng nổ. Bên một chiếc bàn đóng sơ sài, các chiến sĩ du kích ngồi dưới ánh đèn dầu và nhớ đến cái làng N. nhỏ bé, nhớ đến gia đình thân yêu của mình. Bởi vì đó là quê hương, là ruộng đất của họ, mà họ sẽ chiến đấu đến cùng để bảo vệ.

Miền Nam Việt-nam
Trích báo *Sự thật* (Liền-xô) ra ngày 4-7-65

MINH HẢI dịch

NHỮNG NGÀY BÌNH THƯỜNG, ANH DỪNG

IVAN SÊĐRÔP

Gương mặt của anh làm cho tôi sửng sốt. Anh có đôi mắt nâu thâm trầm, cặp lông mày rậm và mái tóc đen. Nu cười thân mật trên môi anh làm cho mọi người thấy dễ gần ngay. Nếu như người ta bảo tôi đoán nghề nghiệp của anh, chắc hẳn tôi đã bảo anh là một nhà thơ hoặc một họa sĩ.

Ở vào lúc khác, thời đại khác, có thể là như thế thực, nhưng cách mạng, chiến tranh chống quân xâm lược Mỹ đã quyết định vị trí của anh trong chiến đấu.

Hóa ra, trên đời có những nghề nghiệp chúng ta không hề bao giờ nghĩ tới. Quân đội cách mạng, những người hoạt động bí mật cần có chất nổ. Ở các công binh xưởng của Mặt trận sản xuất mỗi ngày một phát triển, đang thiếu chất nổ. Thế là một nhóm công nhân của công binh xưởng N. của Mặt trận tình nguyện đến những nơi bị không quân Mỹ ném bom dữ dội và ngay sau khi máy bay địch đi khỏi, họ chui xuống những hố sâu để tìm những quả bom không nổ, tháo kíp, rồi mang chỗ thuốc nổ lấy được ấy đi hàng chục cây số trở về công binh xưởng.

— Nguyễn Quốc Việt là một trong những người « thợ sản thuốc nổ » giỏi nhất—đồng chí chính ủy công binh xưởng nói cho tôi hay.

Nhưng chính bản thân Việt thì lại thấy công việc của mình chẳng có gì là đặc biệt cả. « Chúng tôi gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là thời gian đầu, anh nói. Cơ cấu của bom Mỹ khá phức tạp. Phải luôn luôn đề phòng. Nếu như đây là quả bom nổ chậm thì sao?... Nhưng cách mạng cần chất nổ thì phải có chất nổ... ».

Chính tiểu sử bản thân chàng trai hai mươi năm tuổi này có thể nói rõ tại sao anh sẵn sàng cống hiến tất cả sức lực cho thắng lợi của Mặt trận, hoàn thành những nhiệm vụ nguy hiểm một cách lặng lẽ không hề khoa trương. Việt lớn lên trong một gia đình Việt kiều ở một nước Đông Nam Á. Cha Việt, một công nhân đường sắt, đã mất đi khi anh còn là một chú bé con. Mẹ Việt phải một mình nuôi nấng đứa con lêu lắt.

« Lay Phật! bà nói, thôi thì đứa lớn nhất đi kiếm ăn giúp đỡ gia đình vậy ». Mà đứa lớn nhất là Việt, lúc đó vừa mới tròn mười bốn tuổi. Việt vào học trong một xưởng cơ khí. Gia đình nghèo, nhưng thương yêu đùm bọc nhau. Vào năm 1960, khi ở miền Nam Việt-nam nhân dân nhất tề vũ trang nổi dậy đánh bọn xâm lược Mỹ thì Việt, cậu con lớn nhất trong gia đình, đã vượt qua hàng ngàn trở ngại, bí mật lườn về miền Nam Việt-nam, tham gia du kích. Những lá thư ít ỏi, nhưng thân thiết của anh gửi cho gia đình được đọc đến nát rách.

« Và mấy tháng trước đây, Việt kể, em gái tôi đã tìm đến với chúng tôi. Bây giờ tổ du kích chúng tôi có năm người ».

« Tất cả cho tiền tuyến! Tất cả cho chiến thắng! » khẩu hiệu chiến đấu ấy, gọi lên trong lòng người xò-viết những kỷ niệm sâu sắc về những ngày cách mạng, về cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, ngày nay đang vang dội như một hiệu lệnh khắp trong những khu rừng

đại ngàn, trên những cánh đồng bao la của miền Nam Việt-nam, ở hậu phương cũng như ở ngay những vòng còn bị chiếm đóng.

Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng, bộ tham mưu của cách mạng ở miền Nam Việt-nam, không chỉ quan tâm đến chiến tranh, mà còn đang tiến hành một công cuộc rất lớn, nhìn qua không thấy rõ được; đó là công cuộc động viên mọi lực lượng để đảm bảo chiến thắng, để củng cố cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh tế của chính quyền nhân dân.

Trong thời gian ở miền Nam Việt-nam, tôi đã thấy rõ điều đó. Hiện nay trong lãnh vực này đã có những biến đổi quan trọng, nhờ đó tình hình kinh tế trong các khu vực do Mặt trận kiểm soát vẫn giữ được bình thường, hơn thế nữa, kinh tế nhân dân còn bảo đảm được mọi nhu cầu của cuộc chiến tranh nhân dân.

Năm năm qua, trong rừng và ở các làng thuộc các khu giải phóng, đã xây dựng được một nền công nghiệp quốc phòng bao gồm hàng chục công xưởng lớn và hàng trăm công xưởng nhỏ, không kể những xưởng lẻ tẻ loại nửa thủ công. Thực tế ngày nay phần lớn đạn dược, lựu đạn, mìn, một số loại vũ khí đã tới các đơn vị chiến đấu với nhãn hiệu « Sản xuất ở miền Nam Việt-nam ».

Công binh xưởng N. sản xuất vũ khí và đạn dược, chiếm một khu vực rộng, ẩn dưới lá cây rậm rạp của một cánh rừng già. Anh em công nhân đến đông ngồi chặt cả căn nhà rộng của Ban giám đốc. Chúng tôi uống nước chè, và các bạn công nhân nhắc nhở lại những ngày đầu của xưởng.

Năm 1960, bảy thanh niên công nhân khởi đầu việc sản xuất lựu đạn, sửa chữa vũ khí. Ở đây người ta ghi nhớ tên tuổi những đồng chí ấy. Sau đó, số công nhân

tăng lên 24 người. Bảy giờ thì đã có hàng trăm, mấy trăm công nhân và kỹ thuật viên lành nghề mà các loại sản phẩm cũng rất nhiều ! Trong xưởng không có một kỹ sư có bằng nào, nhưng xưởng dựa vào kinh nghiệm, vào học tập, vẫn hoạt động rất đều đặn, theo đúng kế hoạch và nếu cần thiết thì hoạt động cả ngày lẫn đêm để vượt mức kế hoạch. Ở đây, mọi người đều học tập—từ giám đốc cho đến anh thợ học việc.

Tôi phải mất hai ngày mới xem hết một phần nhà máy, nằm rải trên một khu đất khá rộng. Ở đây có phân xưởng cơ khí với những bàn máy tiện, máy bào và các thứ máy khác, có phân xưởng rèn, có cả phân xưởng đúc. Ngoài những thiết bị chiến lợi phẩm hoặc bí mật mua được ở Sài-gòn, nhà máy còn sử dụng những dụng cụ nhỏ và cả những máy móc lớn do chính các công nhân sản xuất ra trong rừng này.

Những phân xưởng thành phẩm đặc biệt gây cho người xem nhiều ấn tượng mạnh. Trong một phân xưởng, tôi được thấy những quả thủy lôi lớn (chính những quả mìn loại này đã đánh đắm một chiếc chiến hạm Mỹ ở cảng Sài-gòn), mìn chống bộ binh, mìn chống xe tăng, mìn giật, súng phòng lựu đạn... Tại các phân xưởng, bên cạnh mỗi bàn máy đều có treo súng các-bin và tiểu liên. Cần phải luôn luôn sẵn sàng để bất cứ lúc nào cũng có thể đánh bại bọn kiệt kích. Máy bay Mỹ chốc chốc lại bay qua trên khu rừng, thả bom xuống đường cái ở gần đầu đây. Nhưng đó là chuyện bình thường. Trong thời gian chúng tôi thăm một phân xưởng, người ta đưa ra cho đồng chí giám đốc xem những kiểu vũ khí mới, đã được thí nghiệm thành công ở bãi thử và trong chiến đấu. Nhưng, Trung ương Mặt trận đã đề ra một nhiệm vụ mới trước mắt: tăng tầm bắn xa của các loại vũ khí này lên thêm 50 mét.

... Trong một thời gian tương đối ngắn. Mặt trận đã giải quyết có kết quả vấn đề lương thực. Năm nay các đơn vị chính qui quân giải phóng được cung cấp đầy đủ theo mức qui định về gạo, muối, thịt và cả về trang phục nữa. Các cơ quan hành chính, các nhà máy tự cung cấp lấy một phần lương thực, còn một phần thì do Trung ương phân phối. Trong thực tế thì ngay từ bây giờ, việc bảo đảm lương thực hầu như không còn có tình trạng thất thường nữa.

Lấy đâu ra những của cải đó?

Trong các khu giải phóng, hao gồm khoảng 10 triệu người, đã xóa bỏ nạn sưu thuế của chính quyền bù nhìn; phần lớn ruộng đất đã trao về tay nông dân lao động, điều đó hơn bất cứ một lời nói nào giải thích rõ tại sao người nông dân tích cực ủng hộ Mặt trận, đóng góp một cách tự nguyện vào quỹ giải phóng. Những đóng góp này tùy theo từng địa phương, từng gia đình, và thấp hơn rất nhiều so với sưu thuế nặng nề chính quyền Sài-gòn bắt nộp. Một số tư sản dân tộc ở vùng địch chiếm đóng cũng đóng góp vào quỹ giải phóng những món tiền lớn. Ngoài ra còn có một khoản đặc biệt gồm những đóng góp bất thường, « không dự tính trước được », đó là những chiến lợi phẩm thường mang nhãn hiệu « sản xuất ở Mỹ ». Anh em du kích gọi đùa những « đóng góp » này là « hàng viện trợ Mỹ ».

Trong hoàn cảnh không có ranh giới mặt trận một cách rõ ràng, tiền Sài-gòn lưu thông khắp miền Nam Việt-nam, phần lớn hàng hóa Mỹ rơi vào tay những người yêu nước. Trong đội du kích cùng đi với tôi, chúng tôi thường ăn đồ hộp Mỹ, uống những thứ nước giải khát mang nhãn hiệu các nhà máy Sài-gòn và nước ngoài, nghe tin tức bằng đài bán dẫn « Xoni » của Nhật-bản.

Một trong những cán bộ cao cấp của Mặt trận có lần nói với tôi: « Các con đường du kích là những mạch máu của cách mạng ». Trong những điều kiện khó khăn của thời chiến, với máy bay Mỹ hay lượn ngày đêm trên trời, Mặt trận đã ổn định được một mạng lưới đường sá phức tạp dài hàng mấy chục nghìn cây số hoạt động liên tục suốt ngày đêm. Theo những con đường này, trong châu thổ sông Cửu-long và trong những vùng rừng núi, theo những dòng sông và dọc bờ hiền, gạo, súng đạn, thuốc men và các hàng hóa khác cần cho mặt trận ngày đêm chảy đi như một dòng nước bất tận. Và hàng vạn người, không quản nguy hiểm đến tính mạng, tiếp tục mở những tuyến đường mới, bảo đảm an toàn lưu thông cho dòng vận chuyển này.

Bạn bè thường gọi đùa đồng chí Tư Lan là « triết gia » còn các chiến sĩ trẻ thì gọi đồng chí một cách kính trọng là bác. « Chỉ thị từ Trung ương Mặt trận gửi về ra lệnh phải xây dựng một tuyến đường an toàn mới cho các lực lượng cách mạng đi vào châu thổ sông Cửu-long. Đơn vị tôi chỉ huy, — đồng chí Tư Lan kẻ — được giao nhiệm vụ mở thông tuyến đường qua khu N. (đó là những vùng rừng rú rậm rạp, không có người qua lại); tuyến đường này dài 60 ki-lô-mét. Cần phải tìm ra những đoạn đường cũ của du kích mười lăm năm trước đây. Không có bản đồ cũng không biết ai ngày xưa đã từng đi trên lối mòn du kích này. Chúng tôi đi đã nhiều ngày, xuyên qua những đám cây leo rậm rạp, lần từng bước đường mòn giữa rừng rú. Rồi hết gạo, nước, muối. Các chiến sĩ đều mệt lử. Đêm khuya, chúng tôi quyết định tổ chức một cuộc họp. Trên một bãi trống nhỏ gần bốn chục chiến sĩ tập hợp — ai nấy đều đói, mắt trũng sâu vì thiếu ngủ. Cuộc họp rất ngắn gọn. Cách mạng cần đường đi, phải mở được con

đường đó với bất cứ giá nào. Thế là lại bắt tay vào công việc... Một bộ phận các chiến sĩ đi tìm củ mài, nước uống. Ngay trong lúc làm việc, mọi người cũng vẫn giữ lăm lăm khẩu súng bên người. Bọn thổ phi và hổ, máy bay oanh tạc và bọn biệt kích nhảy dù — nguy hiểm có thể bất ngờ xảy ra bất cứ lúc nào. Sang ngày thứ mười lăm — thắng lợi! Chúng tôi tìm thấy những dấu vết của con đường mòn cũ; các chiến sĩ đánh dấu những dấu hiệu chỉ những con mắt tinh tường, có kinh nghiệm mới nhận ra được. Sau đó chúng tôi quay trở lại. Còn phải làm cầu, dựng lều để nghỉ dọc đường, đặt bẫy chống kẻ địch, đào hầm bí mật dành cho các chiến sĩ bảo vệ tuyến đường.

... Ngồi trên chiếc xe phóng như bay trên con đường du kích nhỏ hẹp, chúng tôi nói với nhau, đúng hơn là hét lên với nhau về các vấn đề vận tải ô-tô. Chiếc xe «Đôđgiơ» do một chàng trai dũng cảm lái: anh ta tên là Lê Hồng Phương. Đường đi nguy hiểm. Máy bay Mỹ luôn luôn bay lượn lùng những đoàn xe. Phương ba mươi tuổi. Trước đây anh là nông dân. Anh học được nghề lái xe ở Sài-gòn trên một chiếc xe «Ford» cũ kỹ của một hãng xe tư nhân. Chiến sĩ Hải, ngồi ở thùng xe, chăm chú theo dõi xem có máy bay địch trên trời bay không. Trong trường hợp bị oanh kích, cần phải kịp thời tắt đèn pha và lái xe rời khỏi đường cái chạy vào rừng... Khi mặt trời đã lên cao, chúng tôi chia tay Phương. Theo tác phong công nhân anh bắt chặt tay tôi: «Khi nào chúng tôi chiến thắng, — anh nói, — tôi sẽ vào làm công nhân ở một nhà máy cơ khí lớn nào đó, và nếu có điều kiện, tôi sẽ đi thăm Liên-xô. Chúng tôi rất chăm chú theo dõi những thành tựu của các đồng chí, trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Các nhà du hành vũ trụ Liên-xô giỏi lắm! Cảm ơn

sự giúp đỡ của nhân dân xô-viết đối với cuộc đấu tranh của chúng tôi. Tạm biệt! ».

Đơn vị của chúng tôi rời khỏi rừng. Phía sau chúng tôi, chiếc xe « Đôđgiơ » tung bụi trắng khuất vào đám cây rậm rạp. Suốt dọc thành xe nổi rõ khẩu hiệu: « Tất cả cho tiền tuyến — tất cả cho chiến thắng ».

Mấy phút sau, như một con diều hâu, chiếc máy bay Mỹ bay đến, lượn theo dọc con đường, nhưng không phát hiện thấy gì nó lại bay đi mất.

Miền Nam Việt-nam
Trích báo *Sự thật* (Liên-xô)
ra ngày 20-7-1965
ĐỖ QUYÊN dịch

NHỮNG CÁN BỘ CHỈ HUY MẶC ÁO NÔNG DÂN

IVAN SÊDRÔP

Tiểu đoàn trưởng Ba trông có vẻ mệt mỏi. Những ngày gần đây công việc dồn dập, ai cũng chỉ chợp mắt được từng lúc. Tiểu đoàn của đồng chí vừa được bổ sung thêm một số chiến sĩ tình nguyện và Bộ tư lệnh cũng vừa gửi tới một số vũ khí mới... Tổ chức luyện quân, học tập chính trị, và cuối cùng là diễn tập theo những kế hoạch đề ra, những tình huống hết sức phức tạp ngay trong rừng sâu... Thời gian không chờ đợi, cần phải làm tất cả những gì có thể được, để trong một thời gian ngắn nhất, tiểu đoàn N. có thể trở thành lực lượng xung kích trong trận đánh lớn ở vùng T. mà Bộ tư lệnh đã chuẩn y.

Khi chúng tôi đến chỗ tiểu đoàn đóng quân thì đêm đã khuya...

Có ánh sáng trong túp lều của đồng chí tiểu đoàn trưởng. Treo sát mái lều là chiếc đèn bão — người bạn đường của du kích. Chúng tôi vừa bắt tay chào hỏi nhau xong, thì trên bàn đã bày ra những cốc nước chè tươi cổ truyền. Buổi tọa đàm bắt đầu bằng những câu nói đùa và những tiếng cười; những chuyện đã qua được nhắc lại, những kế hoạch cho tương lai được trình bày.

48 năm của một đời người đã làm cho mái tóc đen của người tiểu đoàn trưởng lốm đốm bạc. Bao nhiêu sự kiện đã xảy ra trong hai mươi năm chiến tranh, hai mươi năm đấu tranh vũ trang, mà ông bắt đầu tham gia từ « khi còn trai trẻ và, như người khác nói, khi còn là một anh chàng đẹp trai ». Biết tin có chúng tôi đến, một cán bộ chỉ huy khác bước vào túp lều của tiểu đoàn trưởng. « Tôi là Hải — ông tự giới thiệu, — chính trị viên tiểu đoàn ». Tuổi ông cũng gần năm mươi rồi. « Các cán bộ chỉ huy tiểu đội, trung đội và đại đội, — ông kể cho chúng tôi nghe, — phần nhiều còn thanh niên. Trước kia họ là du kích hoặc là các chiến sĩ hoạt động bí mật. Kinh nghiệm, nhiệt tình có thừa, nhưng còn phải học tập nhiều. Chúng tôi đặc biệt chú ý vấn đề luyện tập cho thành thạo sự hỗ trợ trong chiến đấu, xạ kích thật giỏi và vận động mau lẹ... ».

Một chiến sĩ bước vào, và sau khi báo cáo lý do đến, anh liền nin thính vì thấy có chúng tôi. Đồng chí chỉ huy liền báo: « Đồng chí cứ báo cáo, đây là nhà báo Liên-xô, khách của chúng ta đây ». Những tin tức quả là khẩn cấp và quan trọng. Vào ban ngày, cách chỗ đóng quân của tiểu đoàn không xa mấy, nhờ có sự giúp đỡ của bà con nông dân, ta đã bắt được một toán biệt kích có mang theo cả máy thu phát thanh. Vài giờ sau, máy bay Mỹ đã đến quần trên khu rừng chỗ tiểu đoàn đóng quân, rồi ném bom bắn phá một cách khốc liệt xuống một vùng khá rộng, sau đó máy bay trực thăng đổ quân xuống. Điều này đồng chí tiểu đoàn trưởng cũng như chúng tôi đã được biết từ tối hôm qua. Nếu chúng tôi không tình cờ ở nán lại tiểu đoàn, thì có lẽ chúng tôi đã lọt vào giữa trung tâm của « ô vuông » bị oanh tạc rồi. Thật vậy, khu vực bị oanh tạc chỉ cách đây có hai cây số. Sau khi đổ bộ xuống, bọn đi càn quét bắt đầu mở đường xuyên rừng, nhưng vì trời đã sập tối, và rõ

ràng là chúng sợ bị du kích tấn công, nên chúng lại lên trực thăng, bay về căn cứ của chúng. Mỗi bước di chuyển trong cuộc hành quân này của địch, Ban tham mưu tiểu đoàn đều biết rõ, và do đó Bộ tư lệnh cũng nắm được tình hình. Tuy có ưu thế hơn về lực lượng, nhưng lần này những người yêu nước quyết định không đánh. Cần phải giữ bí mật kế hoạch của trận đánh lớn đã được chuẩn bị...

Những tin tức do người liên lạc viên báo cáo chứng tỏ rằng quân địch không hay biết gì về mối nguy cơ ở bên cạnh chúng. Tuy nhiên, người ta chưa biết ngày mai chiến dịch càn quét của địch có tái diễn hay không. « Hừ — đồng chí Ba nói, — phải bí mật chuyển sang một địa điểm khác, chúng tôi ở đây cũng đã lâu quá rồi... Và như vậy cũng tốt cho các chiến sĩ hơn... ». Chúng tôi mở máy thu thanh bán dẫn nghe những tin tức cuối cùng trong ngày của đài BBC. Một đoạn tin làm chúng tôi rất thích thú: « Ngày hôm nay, tại vùng N. cách Sài-gòn ... cây số, một số tiểu đoàn của quân đội Việt-nam cộng hòa dưới sự chỉ huy của các cố vấn Mỹ đã mở một chiến dịch lớn chống du kích. 400 máy bay và trực thăng đã tham gia chiến dịch. Tuy nhiên không tìm thấy Việt cộng trong vùng hành quân và đến chiều tối, các tiểu đoàn đã kết thúc chiến dịch ». Chúng tôi bật cười...

Màn đêm đã trùm lên khu rừng rậm. Trong túp lều tranh, các cán bộ chỉ huy quân sự ngồi gần lại bên ánh đèn và nói chuyện với chúng tôi một cách thân tình. « Vàng — tiểu đoàn trưởng nói, — đã lâu, từ hồi những năm 1930, tôi đã mơ ước được sang Liên-xô. Các đồng chí là tấm gương cho chúng tôi. Cách mạng tháng Mười là trang sử đầu tiên của một thời đại mới ».

Thời gian chia tay đến thật nhanh. Bộ tư lệnh gọi điện thoại báo cho biết rằng, hành trình của chúng tôi có sự thay đổi và chúng tôi phải đi ngay. Đồng chí Ba đi tiễn tôi một đoạn đường rừng, và khi từ biệt, đồng chí nói mấy tiếng Nga không hiểu đồng chí đã học được ở đâu: « Tam biệt, hẹn gặp lại đồng chí! Mạc-tư-khoa, Lê-nin, vệ tinh ». Rồi đồng chí khuất vào trong bóng đêm.

Tôi đã tiếp xúc nhiều với các cán bộ Quân giải phóng, những người trực tiếp chỉ huy các trận tấn công địch. Đương nhiên, nguyên nhân chủ yếu làm cho bọn can thiệp Mỹ và bọn tay sai phải thất bại là cuộc chiến tranh nhân dân chống lại chúng đã phát triển sâu rộng. Nhưng đồng thời, theo tôi, các cán bộ chỉ huy của Mặt trận cũng đóng một vai trò rất quan trọng, bởi vì họ là những người có kinh nghiệm, rất am hiểu tình hình địa phương, và trong hai mươi năm đấu tranh vũ trang họ nắm rất vững khoa học đánh du kích. Những sự việc đang xảy ra hiện nay ở miền Nam Việt-nam, thực chất có thể khẳng định là một cuộc chiến tranh thực sự, hai bên đánh nhau đang đặt ra và giải quyết những nhiệm vụ có tính chất chiến lược và chiến thuật trong phạm vi toàn miền Nam Việt-nam.

•

Tính đến mùa hè năm 1965, ngoài quân đội bù nhìn đông đến 50 vạn lính, hoàn toàn sống nhờ vào đồng đô-la Mỹ, ở đây còn tập trung gần 8 vạn binh lính và sĩ quan Mỹ, khoảng một phần mười tổng số các lực lượng vũ trang của Mỹ đóng ở nước ngoài. Tham gia vào sự can thiệp của Mỹ ở miền Nam Việt-nam có khoảng một phần tư toàn bộ lực lượng sĩ quan hộ binh của Mỹ. Số sĩ quan này do đích thân « Các ngôi sao cỡ lớn nhất » của Lầu năm góc, như bộ trưởng quốc phòng Mắc Namara, đại tướng Wetmolen, lý luận gia chính của nước

Mỹ về « chiến tranh đặc biệt » và « chiến tranh cục bộ » là đại tướng Taylor và nhiều « ông lớn » khác nữa chọn lựa, cử sang miền Nam Việt-nam và trực tiếp chỉ huy. Đó là điều mà ai cũng biết, nhưng nhiều nhà báo, nhiều nhà chính trị phương Tây lại không thấy được, hay đúng hơn là không chịu thấy rằng Quân giải phóng miền Nam Việt-nam cũng có những cán bộ quân sự có tài, giàu kinh nghiệm, xuất thân từ quần chúng nhân dân và trưởng thành trong lò lửa của cuộc đấu tranh hai mươi năm trời chống đế quốc.

Trong năm năm gần đây, Mặt trận dân tộc giải phóng đặc biệt chú ý đến việc đào tạo sĩ quan quân đội. Một số trường sĩ quan đang hoạt động ở những vùng khác nhau của miền Nam Việt-nam. Tôi đã được may mắn đến thăm một trong những trường đó.

Trường sĩ quan lục quân của khu N. thuộc Nam-bộ — vừa thóc của miền Nam Việt-nam — nằm khuất trong rừng sâu. Muốn đến nơi này phải đi qua một trong những chặng đường mệt nhất: phải vượt một mạch trên 100 cây số trong một ngày một đêm. Và chúng tôi đã ngồi trong doanh trại giống như một pháo đài thật sự với những hào sâu, những bờ thành, và cả toàn bộ hệ thống công sự phòng ngự. Đồng chí hiệu trưởng của trường, đã trả lời tất cả những vấn đề mà tôi muốn biết. Từ năm 1960, lúc trường vừa xây dựng xong, đến nay đã đào tạo được bảy khóa sĩ quan và chính trị viên. Từ năm 1962, trường đào tạo cán bộ chỉ huy và chính trị viên tiểu đoàn và đại đội. Học viên chia làm hai bộ phận gần bằng nhau học tập ở hai khoa quân sự và chính trị. Tuyệt đại đa số các học viên về đây học đều giữ những chức vụ chỉ huy ở các đơn vị và không phải mới tham gia chiến đấu dưới một năm.

Tất cả mọi thứ trong trường — công sự, nhà cửa, sách giáo khoa — chủ yếu đều do bàn tay các học viên

và tập thể cán bộ giảng dạy xây dựng nên; vì phải nhiều lần thay đổi địa điểm, nên làm ra được tất cả những thứ kê trên cũng khá vất vả. Năm 1960, cả thầy chỉ có bảy cán bộ giảng dạy: một dạy về công tác chính trị và sáu dạy về các khoa mục quân sự. Hiện nay cán bộ giảng dạy đã rất nhiều.

— Về tài liệu giảng dạy — đồng chí hiệu trưởng cho biết — tất cả các cán bộ đã phải tạm thời phân tán đi những nơi khác nhau ở miền Nam nghiên cứu những trận đánh lớn nhất, thành công cũng như thất bại. Hiện nay một phần tài liệu do Bộ tư lệnh cung cấp. Chúng tôi rất chú ý — đồng chí nhấn mạnh, — nghiên cứu cả kinh nghiệm của quốc tế, đặc biệt là kinh nghiệm của Liên-xô và Trung-quốc, kinh nghiệm chiến tranh chống bọn can thiệp Mỹ ở Triều-tiên. Trong năm 1962, các học viên và cán bộ giảng dạy đã phải làm nhiệm vụ đánh lui một cuộc tấn công của bọn địch đi càn quét. «Trận thử thách» đã thu được thắng lợi. Chúng tôi đã hạ được mấy chiếc trực thăng và tiêu diệt được mấy phân đội địch.

Trong hai ngày ở lại đây, tôi đã có dịp dự những buổi học tập, nghiên cứu, trò chuyện với nhiều học viên. Phần lớn họ là nông dân, xuất thân từ các gia đình bần nông và cố nông. Tuổi đời của họ từ hai mươi đến bốn mươi. Một số học viên đã từng tham gia cuộc đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp, số khác tham gia đấu tranh từ sau khi hiệp nghị Giơ-ne-vơ được ký kết và sau đó bị Mỹ—Diệm vi phạm. Họ không phải chỉ toàn người Kinh cả mà còn là những người của các dân tộc thiểu số: người Ba-na, người Ê-đê v.v...

Điều làm tôi ngạc nhiên hơn hết là kiến thức chính trị sâu rộng của phần đông học viên. Cách mạng đã đem lại cho họ những kiến thức đó. Đa số các sĩ quan

đều hiểu kỹ càng chiến lược và chiến thuật của quân đội Mỹ.

Hiệu trưởng trường quân chính năm nay bốn mươi một tuổi. Đồng chí sinh trưởng và tham gia chiến đấu ở tỉnh Bến-tre thuộc vùng châu thổ sông Cửu-long. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng chí chỉ huy một đội dân quân. Đồng chí là người tham gia cuộc khởi nghĩa vũ trang tháng giêng năm 1960 ở Bến-tre, mở đầu cuộc chiến tranh giải phóng chống bọn can thiệp Mỹ. Vợ và ba con đồng chí hiện ở trong một vùng đã được giải phóng của tỉnh Bến-tre.

Đồng chí cho biết thêm: mười năm nay, đồng chí chỉ gặp gia đình có vài bận. Đồng chí đã mang trên vai gần hai mươi năm dấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang.

Trong ngày cuối cùng, khi sắp rời Trường quân chính, tôi đã có dịp tiếp xúc với một học viên, đáng người cân đối, tầm thước, tuổi độ hai mươi sáu. Anh là một bần nông. Chính quyền nhân dân đã đem lại ruộng đất cho gia đình anh. Bản thân anh đã trải qua cuộc sống ở « ấp chiến lược ». Năm 1960 anh đi du kích, sau đó anh gia nhập quân đội thường trực của những người yêu nước ở tỉnh Mỹ-tho. quê hương anh, về phía nam đô thành Sài-gòn. Tháng giêng năm nay, Lê Quang Công được giao nhiệm vụ chỉ huy một đại đội thuộc tiểu đoàn quân giải phóng ở ngay tỉnh Mỹ-tho.

Công đã chỉ huy đánh 80 trận lớn, tiêu diệt, làm bị thương và bắt sống trên 450 lính và sĩ quan địch, trong số đó có 5 tên Mỹ. Đến nay anh vẫn còn nhớ một trận đánh kéo dài ba mươi ba ngày đêm liền. Trận này, những người yêu nước đã chiến thắng...

Đọc các báo chí, đọc những tập báo cáo dày, hay nghe đài phát thanh nói về những diễn biến ở miền

Nam Việt-nam, bạn sẽ ngạc nhiên rất nhiều về những kế hoạch « binh định » do Lầu năm góc nghĩ ra, mang những cái tên rất kêu, tên của những kẻ đặt ra và thực hiện những kế hoạch đó. Trước tiên là kế hoạch Xta-lây—Taylor, « rồi kế hoạch Mắc Namara », những chiến dịch được quảng cáo ầm ĩ khắp nơi, như chiến dịch trục thăng vận, rồi chiến dịch chiến xa vận, thủy xa vận. Đã hơn năm rồi, Lầu năm góc cứ nói đi nói lại mãi về sự cần thiết phải tạo một ưu thế đối với các lực lượng vũ trang yêu nước: 10 chống 1.

Tất nhiên số lượng các lực lượng vũ trang của Mặt trận dân tộc giải phóng là một bí mật quân sự, nhưng có một điều rõ ràng là, hiện nay, nếu tính cả những đơn vị du kích có tổ chức tốt, thì ưu thế thuộc về phía Mặt trận, thậm chí các đơn vị can thiệp Mỹ dù có được tăng cường lên gấp ba thì sự so sánh lực lượng ấy cũng không thay đổi. Ở tất cả các vùng tôi đã có dịp đến, tôi đều thấy những chiến sĩ tình nguyện năm 1965, một nguồn bổ sung quan trọng cho các lực lượng vũ trang yêu nước. Vô luận thế nào, tôi cũng nghĩ rằng, hiện nay ở những vùng sung yếu, các lực lượng vũ trang yêu nước lớn mạnh gấp rưỡi đến gấp hai lần so với các binh đoàn lính Mỹ và nguy quân.



Những con số tổng kết của cuộc chiến tranh giải phóng ở miền Nam Việt-nam trong sáu năm qua, có thể chứng minh rõ ràng sự lớn mạnh của Mặt trận dân tộc giải phóng. Có một lần, một sĩ quan trong Bộ tư lệnh các lực lượng vũ trang đã dẫn ra những con số thú vị, đáng chú ý để trả lời câu hỏi của tôi: « Nếu năm 1963, đánh tan được một đại đội địch đã cho là thành tích lớn, thì năm 1964, trong nhiều trận đánh chúng tôi đã tiêu diệt được hoàn toàn những tiểu đoàn địch, và có

nơi như ở Bình-giã, đã tiêu diệt được trung đoàn». Trong những trận đánh lớn của chiến dịch Xuân—hè năm nay, bọn Mỹ và tay sai thường bị tiêu diệt hàng mấy tiểu đoàn liền.

Trong năm nay, những người yêu nước đã thực hiện một loạt những kế hoạch tấn công khá thành công và đã chiếm được những thị trấn, thị xã. Nếu nói đến chương trình xã hội — kinh tế, một bộ phận trong toàn bộ chiến lược chiến thuật của Mặt trận, thì hiện nay chương trình đó đang được tích cực thực hiện trên bốn phần năm đất đai miền Nam Việt-nam. Tôi muốn nói đến những biện pháp cải cách ruộng đất, việc dân chủ hóa các cơ quan chính quyền và việc xây dựng một nền văn hóa mới.

Trong sổ tay nhật ký di đường, tôi còn giữ cẩn thận một lá thư mỏng của anh bạn Liên, chỉ huy đơn vị N. của Mặt trận. Chúng tôi đã giao ước với nhau rằng đó là mật hiệu để nhận nhau sau này tại đô thành Sài-gòn được giải phóng. Tôi thấy rõ rằng trong cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam Việt-nam để giải phóng đất nước khỏi sự chiếm đóng của nước ngoài, nhân tố chủ yếu nhất là: họ sẵn sàng chiến đấu cho đến thắng lợi cuối cùng.

Trích báo *Sự thật* (Liên-xô)

ra ngày 1-8-1965

MINH HẢI dịch

DÔNG TỔ TRÊN BẦU TRỜI ĐÀ-NẲNG

IVAN SÊDRÔP

Lần thứ năm trong ngày, toàn thể đơn vị chúng tôi quây quần bên chiếc máy thu thanh hán dẫn nhỏ của Nhật-bản để nghe tin giờ chót. Khuôn mặt của các chiến sĩ tỏ ra nghiêm nghị lạ thường... Tất cả các đài phát thanh miền Nam Việt-nam đều truyền đi những tin tức từ Đà-nẵng nói về vụ xử tử công khai một cán bộ hoạt động bí mật.

Tên anh là Lê Độ. Viên đạn của bọn đao phủ phát-xít đã ngắt đứt cuộc đời hai mươi bốn tuổi của anh...

Tiếp theo một ngày xám ngắt là một đêm mưa u tối. Ở đầu đó gần đây địch đã bắt đầu trận pháo kích thường lệ vào con đường của du kích nhưng chúng tôi vẫn ngồi xung quanh cây nến nhỏ và lắng nghe giọng nói của tên phát thanh viên. Giữa những đoạn hành khúc om sòm, tên phát thanh viên lại đưa tin cho biết là hôm nay tại sân vận động thành phố Đà-nẵng đã xử bắn một nhân viên khủng bố thuộc đội biệt động của « Việt cộng », và cho đến phút cuối cùng của đời mình, người đó vẫn tỏ ra một « kẻ cuồng tin ».

« Bọn khốn kiếp — chiến sĩ Tư, người cùng quê với Lê Độ, nói — dễ thường chúng mày muốn người thanh niên đó khóc lóc, ăn năn hối lỗi trước mặt chúng mày

ư? ». « Anh Độ, vĩnh biệt anh — một chiến sĩ khác khế nói—chúng tôi sẽ trả thù cho anh! Anh đã thắng trong trận cuối cùng của anh ».

Chúng tôi im lặng một phút đề mặc niệm người đồng chí, người chiến sĩ.

... Trả lời vụ khủng bố phát-xít đó, trong thành phố và ở ngoại ô Đà-nẵng đã ầm vang những vụ nổ. Ba ngày sau vụ hành hình anh Độ, kho bom na-pan của địch đã nổ tung. Hồi tháng sáu, một nhóm những người yêu nước đã táo bạo đột nhập sân bay quân sự, phá hủy sáu máy bay. Ngày 31 tháng 7 và ngày 1 tháng 8, du kích đã giật min đánh đổ các cầu trên những con đường nối liền Đà-nẵng với các vùng khác ở Nam Việt-nam.

Làn gió ấm mùa hè lay động mái nhà tranh nhẹ tênh của người nông dân, làm những trang nhật ký kêu sột soạt, thổi bay chiếc lá vàng đã rụng... Một sĩ quan tác chiến của các lực lượng yêu nước — đồng chí Tinh — cầm cúi trên tấm bản đồ cho tôi biết tình hình:

— Có thể nói Đà-nẵng là quả tim của Trung-bộ, mà tỉnh Quảng-nam — thánh phố Đà-nẵng nằm trong tỉnh này—là tỉnh đông nhất dân của Trung-bộ. Đây đồng chí xem. Ở trung tâm Nam Việt-nam chạy dọc biên giới Căm-pu-chia và Lào là cao nguyên Tây-nguyên. Phía nam cao nguyên này là vùng châu thổ sông Cửu-long. Phía bắc là một đồng bằng rộng lớn : đó chính là tỉnh Quảng-nam.

Đà-nẵng đã biến thành một căn cứ không quân và hải quân hết sức lớn của Mỹ. Ở căn cứ này thường xuyên có hơn 400 máy bay chiến đấu phản lực và trực thăng đậu. Ở mé bên cạnh sân bay có thể thấy các lô cốt đồ của căn cứ tên lửa đầu tiên của Mỹ ở Nam Việt-nam. Đứng ở Đà-nẵng là tiểu đoàn quân Mỹ được

trang bị bằng các tên lửa có điều khiển kiểu « Hóc », tiểu đoàn này, được báo chí phương Tây quảng cáo rất nhiều ; đóng tại đây còn có các đơn vị lính thủy đánh bộ Mỹ. Ở vùng này số quân xâm lược Mỹ có tất cả hơn 15 ngàn tên.

Đà-nẵng được đặc biệt chú ý không phải chỉ vì nó là chìa khóa của Trung-bộ. Đà-nẵng còn là một căn cứ thuận tiện nhất để bọn hiếu chiến Mỹ thực hiện những hành động kẻ cướp chống lại nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, chống lại Lào, là hải cảng thuận lợi nhất cho hạm đội 7 đưa tàu chiến của nó đến tuần tiễu ở vịnh Bắc-bộ. Bị các lực lượng vũ trang yêu nước dồn về miền duyên hải nhỏ hẹp, hiện nay tập đoàn Mỹ-Sài-gòn đang tìm cách thực hiện các kế hoạch tiến công quy mô lớn về phía tây nhằm mục đích dồn những người yêu nước về phía biên giới Căm-puchia và Lào. Trong việc thực hiện kế hoạch này, Đà-nẵng, Nha-trang và Sài-gòn được coi là những căn cứ có tính chất chìa khóa.

Mấy năm về trước, tỉnh Quảng-nam là một vùng « yên ổn » nhất đối với bọn xâm lược Mỹ. Chỉ có ở vùng rừng núi tiếp giáp với tỉnh này mới có sự hoạt động của các đội vũ trang yêu nước nhỏ. Bấy giờ thì vào hóm trời quang mây tạnh, đứng ở một làng thuộc khu kích đã có thể nhìn thấy rất rõ căn cứ quân sự của bọn Mỹ với mấy vòng đai phòng ngự bao quanh. Từ mùa thu năm ngoái, ở phía bắc, phía nam và phía tây Đà-nẵng đã xuất hiện những khu giải phóng. Ngay cả những vùng nông thôn ngoại ô Đà-nẵng với hơn năm vạn nông dân cũng đã thuộc quyền kiểm soát của chính quyền nhân dân. Mùa hè năm nay, những người yêu nước đã cắt con đường bộ cuối cùng nối liền thành phố này với các vùng khác trong nước.

Hiện nay không phải chỉ có những đội du kích lớn mà còn có cả những đơn vị chính quy lớn của Quân giải phóng hoạt động ở Quảng-nam. Họ được trang bị bằng các loại súng liên thanh cỡ lớn, súng cối và thậm chí có cả đại bác. Cũng như ở mọi nơi khác, ở đây tất cả các lực lượng vũ trang yêu nước đều nằm dưới quyền chỉ huy của Bộ tư lệnh trung ương của Mặt trận.

Trong số các cuộc gặp gỡ những chiến sĩ yêu nước của Đà-nẵng thì cuộc gặp gỡ đồng chí Trần Dưỡng, một chiến sĩ trinh sát hoạt động xuất quỷ nhập thần, làm tôi xúc động hơn cả. Bọn địch đã treo giải rất lớn bằng tiền để đòi lấy đầu anh. Có mấy người bước vào túp nhà tranh, tôi thầm đoán xem ai là người trinh sát không biết sợ đó. Tôi đoán có lẽ là anh chàng vạm vỡ, người tầm thước vận y phục màu xanh xám. Nhưng tôi đã nhầm. Trần Dưỡng lại là một thanh niên gầy, bé nhỏ trông có vẻ như chỉ độ 20 tuổi, mặc áo đen và quần xám. Thật khó mà tin được rằng chính anh thanh niên đó đã trừng trị 86 tên ác ôn và đã vô sự thoát khỏi những tình huống khó khăn nhất. Sau mấy phút, tấm bản đồ đã xuất hiện trên bàn, thế là cùng với người thanh niên đó, chúng tôi sống lại những sự kiện vừa mới xảy ra cách đây ít lâu.

Ở trong ấp L., bọn bù nhìn đã chuẩn bị xong xuôi để tiến hành « bầu cử ». Tại trụ sở chính quyền thôn, các ủy viên của « hội đồng hương chính » đã tề tựu đông đủ, trong khi đó 3 trung đội bảo an và dân vệ, chia thành từng tổp lũng súc trong ấp và lừa bà con nông dân đi « bầu cử ». Tất cả các lối ra của « ấp chiến lược » đều bị đóng chặt, có bọn lính vũ trang từ đầu đến chân canh gác. Sau mấy tiếng trống, tên ấp trưởng, một tên đã giết không ít nông dân, bắt đầu « bài diễn văn khai mạc cuộc bầu cử ».

— Yêu cầu chú ý! Tất cả đã chuẩn bị xong để bầu cử. Chúng tôi sẽ xử bắn tất cả những kẻ nào mưu toan phá rối trật tự...

Hắn chưa kịp nói tiếp câu sau thì cánh cửa tủ lưu trữ giấy tờ của « hội đồng » bỗng bật tung và ba người du kích bước ra. Người đi đầu là Trần Dương. Chỉ trong giây phút tên ác ôn đã nặng nề ngã xuống, sau một tràng tiếu liên của người chiến sĩ trả thù cho nhân dân... Cũng như ở nhiều ấp khác, cuộc « bầu cử » ở ấp L. không tiến hành được...

Ở « ấp chiến lược » P. có tên Sứ ngự trị, hắn là ấp trưởng, mới. Tra tấn và bắn giết, cướp bóc và băm hiếp là những cảnh tượng thông thường trong ấp. Đã nhiều lần nhân dân trong ấp tìm cách trị tên đao phủ này, nhưng lần nào tên Sứ cũng trốn thoát. Thường thường có cả một đội những tên ác ôn khét tiếng đi kèm theo nó. Tên đao phủ đã vây quanh dinh thự của nó ba lớp hào và rất nhiều chướng ngại vật ngồn ngang. Dinh thự của nó được canh gác ngày đêm cứ cách 50 thước lại có lính và cứ cách 100 thước lại có chó béc-giê gầm gừ dữ tợn đứng canh. Nhưng Ban tham mưu của tổ chức bí mật đã quyết định thủ tiêu tên bán nước ấy. Một hôm vào ban đêm, có hai người đi về phía bọn lính gác bảo vệ dinh thự của tên Sứ. « Ai đó ? ». « Người mình. Chúng tao vừa đi lòng du kích về đây. Cần báo cáo ngay kết quả ». Mắt nhắm mắt mở, tên chỉ huy đội dân vệ vội dẫn hai người vừa đến vào nhà « quan ». Khi tên kia vào buồng tên Sứ, thì hai thanh niên — đó là Trần Dương và một đồng chí của anh — đứng lại ở ngoài. Họ nghe rõ trong buồng có tiếng trao đổi rất to: « Dạ bẩm có việc khẩn. Quân ta trở về báo tin là Việt cộng định tấn công đêm nay ạ ». « Đưa chúng nó vào đây ». Tên « quan » vừa nói xong thì Trần Dương đã xuất hiện trên ngưỡng cửa và ánh

đèn pin rơi vào tên ấp trưởng. Đùng nó đầy rồi, đùng tên phản quốc, tên súc sinh đầy rồi. Không thể làm được. Chỉ sau mấy giây, tên ác ôn đã phải đền tội.

Trần Dương đã tham gia ba mươi trận nguy hiểm. Có lần anh nằm dưới cát bỏng hai mươi ngày, cát gần như phủ kín người, trời nắng như thiêu, như đốt, anh lại hầu như không được ăn uống gì, thế mà anh vẫn hoàn thành nhiệm vụ...

... Những đám mây khủng khiếp phủ kín bầu trời Đà-nẵng. Những đám mây ấy đang đem bão táp đến. Nhưng đối với bọn xâm lược và tay sai thì lòng căm thù sôi sục của nhân dân miền Nam Việt-nam còn đáng sợ hơn cả uy vũ của thiên nhiên. Và kẻ thù của nhân dân Nam Việt-nam sẽ không thoát khỏi cơn bão táp căm thù đó.

Trích báo *Sự thật* (Liên-xô)
ra ngày 10-8-1965

ĐÀO TẤN ANH dịch

NHỮNG NGƯỜI DU KỊCH CẦN PHẢI SỐNG...

IVAN SÊDRÔP

Tôi bàng hoàng vì cái tin của phóng viên hãng thông tấn Mỹ AP phát đi từ Sài-gòn.

Theo phóng viên đó cho biết thì vào ngày chủ nhật, những đơn vị lớn của « quân đội chính phủ » (bọn bù nhìn Sài-gòn), dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, đã tiến công một quân y viện của « Việt cộng » cách Sài-gòn 45 ki-lô-mét về phía bắc. Chúng vứt những người bị thương nặng ra khỏi giường và bắt làm tù binh (?!). Sau khi đã phá hủy tất cả thuốc men và dụng cụ y tế để kết thúc tất cả những việc đã làm, chúng đốt các khu nhà của quân y viện. Tên sĩ quan Mỹ tham gia trận tàn ghê tởm này đã trả lời câu hỏi của phóng viên như sau: tiêu diệt các quân y viện, chúng tôi nhằm làm mất tinh thần của « Việt cộng », và tên sĩ quan Mỹ còn nói rằng vụ này không phải là vụ đầu tiên. Một tờ báo Mỹ đã đề lộ rõ mục đích của chúng! « Quân y viện là những cái bia tập bắn » — đó là đầu đề một bài báo trên tờ báo đó. Và tôi như nhìn thấy bộ mặt giết người không ghê tay của một trong những tên phát-xít sẵn sàng nhả đạn và giết bất kỳ người nào, ở bất kỳ nơi nào: ở Lô-t-Angiêlet hay ở Nam Việt-nam.

Đội du kích mà tôi đi theo đã có dịp ở vùng ấy. Chúng tôi đã sống hai ngày ở quân y viện X, cách Sài-

gòn 45 ki-lô-mét. Biết đâu, có thể là chúng tôi đã ở vào chính cái quân y viện đã bị bọn Mỹ và tay sai tiêu diệt.

... Dưới những tia nắng ban mai rọi sáng, một con đường mòn lờ mờ chạy từ cánh đồng vào sâu trong rừng. Sau vài chục bước trên con đường mòn ấy chúng tôi lại chìm vào cái cảnh chập choạng tranh sáng tranh tối giữa ban ngày, một hiện tượng bình thường ở vùng rừng nhiệt đới. Càng đi, con đường mòn càng rộng ra, nó để ra những đường mòn khác. Cuối cùng chúng tôi tới một khoảng trống nhỏ. Có hai người đã đợi chúng tôi ở đây. Một người tầm vóc thấp nhỏ, chắc nịch, mặc quân phục màu xanh nhạt, tuổi độ 40. Người kia cao, gầy, cũng mặc như vậy. Người thấp nhỏ là giám đốc quân y viện, tên là Nguyễn Thành Vỹ. Về nghề nghiệp của ông thì không cần giới thiệu cũng rõ. Chỉ cần biết đôi bàn tay mềm mại và chắc, những móng tay cắt ngắn cũng đủ biết ông là một nhà phẫu thuật. Đứng là như vậy.

— Còn đây là đồng chí Trần Hồng Sơn, chính ủy của chúng tôi, đồng chí Vỹ giới thiệu người hạn của mình.

Quân y viện được thành lập vào những tháng đầu sau cuộc khởi nghĩa vũ trang của nhân dân miền Nam năm 1960. Nhà phẫu thuật kể: « Lúc đó tổ chức một bệnh viện trong điều kiện rừng rú hầu như chỉ có bàn tay không, là cả một công việc khó khăn. Tất cả mọi người đều tham gia xây dựng: cả các nhà phẫu thuật, các nữ y tá, các chiến sĩ và những thương binh nhẹ ». « Đúng vậy, — đồng chí chính ủy tham gia câu chuyện —. Tất cả những công việc ấy tưởng chừng như đã xa xôi lắm. Quả vậy, năm năm là một quãng thời gian không phải ngắn... Ngày mai từ sáng đến chiều tối, đúng như thế, nghĩa là cả ngày, xin mời đồng

chi đi thăm quân y viện, còn ngày kia thì chúng tôi sẽ tiếp chuyện đồng chí... ».

Bộ phận bảo chế là cả một hệ thống nhà lá lớn kéo thành hàng chạy dài. Xung quanh mỗi nhà đều có hào sâu để tránh phi pháo và bằm tránh bom với những lối đi tối om, có nhiều dấu chân nói lên rằng những lối đi này đã được sử dụng nhiều lần trong những trận địch ném bom và bắn phá... Tùy theo mức độ nặng nhẹ, các bệnh nhân được bố trí nằm trên võng hoặc trên những chiếc chõng tre.

Bộ phận phẫu thuật gây cho người ta một ấn tượng đặc biệt mạnh. Thực sự chỉ có nhờ những cố gắng anh hùng của các bác sĩ và toàn thể các nhân viên y tế thì trong một hoàn cảnh như thế mới có thể đạt được những kết quả làm mọi người phải kinh ngạc : mổ hàng trăm ca ở bụng, ở ngực, ở sọ.

Phòng mổ. Ở đây nền đất. Bên trên bàn mổ là chiếc dù chiến lợi phẩm bằng ni-lông lắc lư trước gió. Dưới cánh dù đó là một chiếc đèn dầu hỏa. Hình như tất cả chỉ có bấy nhiêu, nếu không kể những chiếc bàn nhỏ với bộ dụng cụ mổ xẻ và thuốc men. Đôi khi giữa lúc tiến hành phẫu thuật thì bị ném bom hoặc bị pháo kích, nhưng ngay trong lúc đó, công việc mổ xẻ vẫn được tiếp tục. Những người bị thương cần phải sống...

Trong quân y viện có những phòng đặc biệt, dành cho những người bị thương nặng, vì tính mạng của họ mà hàng giờ hàng ngày luôn luôn diễn ra một cuộc đấu tranh ngoan cường. Anh Phạm Văn Ninh ba mươi bảy tuổi. Trong trận đánh mới đây, anh bị nhiều vết thương nặng. Anh Ninh nằm không nhúc nhích, người bị băng chặt. Anh vẫn chưa nói được, cũng như chưa cử động được. Chỉ có đôi mắt nâu to nhìn nhà phẫu thuật như dò hỏi và nhìn chúng tôi với một vẻ ngạc nhiên. Người ta

cho anh ăn bằng ống dẫn thức ăn... Trên da thịt người chiến sĩ đó không còn chỗ nào là lành lặn cả. Đã nhiều ngày đêm diễn ra cuộc vật lộn ngoan cường để cứu anh sống. Đồng chí Võ nói: « Tôi cho rằng dầu sao chúng tôi cũng cứu sống được đồng chí Ninh nhưng đồng chí ấy sẽ không chiến đấu được nữa... ». Hàm tránh bom của khu bệnh nhân nặng to hơn: có thể đưa cả băng ca vào được...

Nói chuyện với anh em thương binh, chúng tôi thấy những người họ nói đến đầu tiên là các đồng chí của họ, tức là các bác sĩ và y tá. Ở trong quân y viện có mười người vừa bác sĩ vừa y sĩ và gần chín mươi cán bộ y tế khác. Có nhiều bác sĩ đã học ở Sài-gòn. Người phụ trách bộ phận điện quang là Nguyễn Đưa, năm mươi hai tuổi. Ông đã trải qua nhiều năm thực tập tại các bệnh viện lớn nhất ở Sài-gòn, ông đến đây làm việc theo tiếng gọi của cách mạng, mang theo tất cả những gì mình đã tích lũy được sau bao nhiêu năm làm việc, nhưng dĩ nhiên trước hết là đôi tay khéo léo và tài năng mà một thầy thuốc...

Ông Đưa kể: « Máy móc chuyên môn rất thiếu, việc trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp còn khó khăn. Tôi đọc nhiều, có được biết về các thành tựu của nền y học xô-viết, tôi mơ ước sẽ được đến nước của đồng chí, nhưng hẳn đồng chí cũng tự thấy là điều này hiện nay chưa thể thực hiện được ».

« Tất cả chỉ có thế, — đồng chí Võ Giám đốc quân y viện nói với chúng tôi, khi những tia nắng chiều tà, làm rực vàng những đỉnh núi khổng lồ vùng nhiệt đới, — nếu không kể xưởng bào chế, lớp y tá và tất nhiên là nhà ăn của viện. Xưởng bào chế và lớp y tá là niềm tự hào của viện chúng tôi ».

Vấn đề thuốc men và bác sĩ, một vấn đề gay go ở bất kỳ một nước nào có chiến tranh, lại càng gay go gấp bội ở các khu du kích bị tách khỏi các thành phố lớn.

Nhưng chính trong lĩnh vực này, ở miền Nam Việt-nam đã có những tiến bộ lớn rõ rệt.

Tại nhiều vùng giải phóng đã có mở những trường y tế đào tạo các y sĩ, y tá và dược sĩ. Đồng chí Trần Sơn, y sĩ trong đội chúng tôi cũng tốt nghiệp trường y tế trực thuộc quân y viện X. So với các chiến sĩ khác, điểm nổi bật của anh là tính kiên nhẫn, ngoan cường, biết tìm ra giải pháp trong mọi tình huống phức tạp nhất.

Trần Sơn ba mươi sáu tuổi. Anh đã rời quê hương thân yêu hai mươi năm trước đây. Hồi ấy, trong số ba đứa em anh ở lại, đứa lớn nhất mới lên sáu. « Bây giờ mà gặp nhau trên đường — anh nói — chưa chắc tôi đã nhận ra được chúng nó vì những người du kích thường mang tên mới ». Cho tới nay đồng chí Sơn không được tin gì về người cha làm thợ mộc ở làng, cũng như không được tin gì về người mẹ làm thợ may. Làng của anh nằm trong vùng bị chiếm đóng. Trong đời mình, đồng chí Sơn đã đổi nghề nhiều lần cho đến khi tình cờ trở thành một thầy thuốc ở mặt trận. Vì trước đây, anh không ưa cái nghề thầy thuốc cho lắm. Năm 1963, anh là sinh viên năm thứ nhất của trường y tế đào tạo các quân y sĩ, một trường vừa được mở. Nhà phẫu thuật Vỹ là một trong số các giáo sư của trường đó.

Hiện nay các cơ quan y tế của Mặt trận đang giải quyết thắng lợi nhiệm vụ đảm bảo mỗi thôn có ít nhất là một cán bộ y tế.

Ở quân y viện, đồng chí Vỹ có tặng cho đồng chí y sĩ của đội chúng tôi một cuốn sách lớn, dày 315 trang, nhan đề là: « Những đóng góp của Hội nghị các bác sĩ quân y năm 1964 ». Cuốn sách này được xuất bản vào mùa xuân năm nay ở miền Nam Việt-nam. Nhiều khi trong lúc khó khăn, Trần Sơn lại giở cuốn sách lạ thường này ra đọc. Cũng cần phải kể lại lai lịch của cuốn sách đó.

Tại các vùng khác nhau của miền Nam Việt-nam, tại các căn cứ du kích, trong quân đội chính quy, có hàng trăm bác sĩ, y sĩ, dược sĩ có trình độ, đang say mê làm việc. Trong hoàn cảnh chiến tranh khó khăn, ở đâu họ cũng tiến hành những cuộc tìm tòi mới trong lĩnh vực y học. Yêu cầu về trao đổi kinh nghiệm đã chín muồi. Hội nghị đại biểu y học lần thứ nhất của miền Nam Việt-nam được triệu tập vào năm 1963; lần thứ hai cuối năm ngoái. Tham gia hội nghị lần thứ hai có gần 150 bác sĩ và y sĩ quân y thuộc tất cả các vùng ở miền Nam Việt-nam. Để đến dự hội nghị, nhiều người đã phải mất mấy tháng đi đường. Những vấn đề chủ yếu tại hội nghị là: chống bệnh sốt rét, sử dụng mật ong trong việc chữa các vết thương v.v...

Khi bế mạc hội nghị, bác sĩ Trương Minh đã chúc những người dự hội nghị bằng lời của nhà nhân đạo và nhà văn Nga vĩ đại Liep Nikolaevich Tônxtôi, rằng niềm vui chân chính là niềm vui trong sáng tạo, không có niềm vui ấy thì con người không thể yên tâm được.

Đến tối, chúng tôi tiếp tục đi về phía Sài-gòn, nhưng trong túp lều tranh của đồng chí Giám đốc quân y viện, ánh đèn bão vẫn còn sáng rất lâu. Những người thương binh cần phải được chữa chạy, họ cần phải sống. Chính vì sự nghiệp đó mà nhà phẫu thuật Vỹ của khu du kích và những đồng chí của ông — những chiến sĩ dũng cảm vận áo trắng trong quân y viện mặt trận — đã hiến dâng những ngày và những đêm sôi nổi.

Mấy tuần lễ sau, tôi được biết cái tin khủng khiếp về tội ác của bọn chiếm đóng Mỹ và tay sai của chúng; về tội ác đó chúng sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc. Lương tri của loài người kết tội chúng.

Trích báo *Sự thật* (Liên-xô) ra ngày 22-8-1965

ĐẠO TẤN ANH dịch

TRONG VÙNG DU KÍCH

IVAN SÊBRÔP

Trên bãi cỏ giữa rừng, tôi thấy một người đàn ông đã đứng tuổi. Nếu người ta không nói trước với tôi rằng trước mặt tôi là nhà văn miền Nam nổi tiếng Lý Văn Sâm, chắc tôi đã tưởng con người gầy gầy, vận bộ đồ đen ấy là một nông dân, một chiến sĩ của quân đội giải phóng. Thực ra, cả hai điều đó đều đúng. Nghe anh nói, nhìn nét mặt anh, tôi thầm nghĩ rằng Lý Văn Sâm không phải chỉ là một người làm văn, làm thơ bình thường. Anh là một nhà văn nhân dân, một nhà thơ nhân dân. Nhân vật trong các tác phẩm của anh là những chiến sĩ đã từng tham gia cuộc kháng chiến chống Pháp, những người bị giam hãm trong các trại tập trung — những người đã bao lần cùng anh chia bụi sẻ ngọt. Họ là một phần của cuộc đời Lý Văn Sâm, cuộc đời đầy gian truân nhưng thật cao quý của một chiến sĩ cách mạng, một người yêu nước, một người con của nhân dân.

Nhìn bề ngoài, trông anh khoảng độ năm mươi tuổi, nhưng thực ra Lý Văn Sâm mới bốn mươi ba.

— Thời niên thiếu của tôi — anh bắt đầu kể — đã trải qua trong các đồn điền và các đám dân sơn tràng. Cho đến ngày nay, hình ảnh những hàng cây cao-su thẳng

tấp, tiếng búa, tiếng cưa của những người thợ rừng bao giờ cũng gọi lại trong tôi cả một thời thơ ấu. Trong số những người cu ly đồn điền bị bọn Pháp dồn từ khắp các miền ở Đông-dương đến, có nhiều người rất lý thú, rất đáng nhớ. Những con đường đầy gian nan đã đưa họ đến với rừng, đến nơi nhiều khi đã trở thành chỗ yên nghỉ cuối cùng của những người nghèo khổ phiêu bạt.

Có lẽ chính từ thời ấy, trong đầu óc Lý Văn Sâm nảy ra cái khát vọng muốn tìm hiểu số phận những con người chung quanh mình, muốn làm sáng tỏ ra ai là kẻ có tội, ai đã làm cho cuộc đời của những người ấy trở nên như thế.

— Tôi bắt đầu viết từ khi nào ư? Lý Văn Sâm nhắc lại câu hỏi của tôi — Điều đó xảy ra lần đầu tiên, — anh nói đùa, — năm tôi mười tám tuổi. Nhưng những bước đi đầu tiên còn chập chững ngơ ngàng lắm.

Có lẽ tất cả đã bắt đầu từ mùa thu 1945. Trong hàng ngũ những người tham gia Cách mạng tháng Tám, dưới bóng cờ hồng, người ta thấy một thanh niên hăng hái sôi nổi, tuổi đời mới hai mươi ba. Cái điều mà ngày xưa chỉ dám thầm nhắc với nhau trong những năm hoạt động bí mật thì nay đã trở thành sự thật. Những người chủ của đất nước đã bước ra đường phố. Những tiếng « đồng chí », « chính quyền nhân dân », « Ủy ban cách mạng » vang lên khắp nơi như những hồi chuông giục giã đấu tranh. Tiếp đó là chín năm trời kháng chiến chống thực dân Pháp.

Những vòm cây trong khu rừng rậm rạp của chiến khu Đ nổi tiếng, nằm ở phía bắc Sài-gòn, đã trở thành những « mái nhà » đáng tin cậy của Lý Văn Sâm. Chính ở nơi đây đã xuất hiện những dòng thơ sôi nổi, những bài bút ký, truyện ngắn đầu tiên của anh. Lý Văn Sâm viết về những người bạn còn sống hay đã khuất, những

người bạn chiến đấu của mình. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp sắp kết thúc, anh bí mật trở về Sài-gòn tạm bị chiếm. Ở đó anh đã được nghe tin ký kết hiệp nghị Giơ-ne-vơ, chấm dứt cuộc chiến tranh.

Nhưng trên đường phố Sài-gòn, anh đã phải chứng kiến những cảnh thật ghê tởm. Những kẻ mới ngày nào còn tận tụy phụng sự chế độ thực dân của Pari, thẳng tay giết hại, hành hạ những người yêu nước, thì nay đang to mồm hò hét « tự do ». Chúng giật phăng những tấm lon của chủ Pháp ban cho, ném vào lửa những bộ quân phục của Pháp và những kẻ phản bội nhân dân ấy, những tên vừa mới cắt đầu người ngày hôm qua ấy, vội vã khoác lên mình bộ quân phục Mỹ mới tinh và hết lời tán tụng « người bạn mới » của chúng — nước Mỹ.

Cần phải vạch trần tất cả những điều như nhược ấy, cần phải kể lại những sự thật về cuộc kháng chiến vừa qua. Cuối năm 1954, trên các giá sách, người ta thấy một cuốn sách nhỏ, chỉ độ 120 trang, của một tác giả nào không biết. Cuốn sách nhan đề: *Khi những cánh cây thay lá*. Tiếp đó người ta lại thấy cuốn: *Nóng đến sớm*; và, cuối cùng, vào năm 1955 là cuốn tiểu thuyết *Nước đã dâng lên*. Các cơ quan an ninh bắt đầu chú ý đến nhà văn bí ẩn có cái biệt hiệu là Bạch Thảo Sương này, đồng thời những nhà xuất bản « suy nghĩ quá phóng túng tự do » cũng bắt đầu bị theo dõi.

•

Ngày 24 tháng 12 năm 1955 là một ngày mà Lý Văn Sâm sẽ nhớ mãi. Bọn cầm quyền đã bắt anh cùng với những nhà văn, nhà báo nổi tiếng khác và tổng giam họ vào những xà lim của nhà tù Catina. Trong số đó có cả Dương Tử Giang, một nhà văn kiêm nhà báo nổi tiếng, bạn thân của Lý Văn Sâm. Những ngày đêm khổ

cực bắt đầu. Hết tra tấn lại đến dụ dỗ. Nhưng Lý Văn Sâm cương quyết chứng minh rằng những tác phẩm của anh là phản ánh tâm trạng của nhân dân. Không đạt được kết quả gì, bọn cầm quyền ném anh và nhiều bạn khác của anh vào trại giam Biên-hòa khủng khiếp. Những người ngày xưa là nhà văn, kỹ sư, công nhân, nông dân, đã nằm bẹp chín tháng trời trong những xà lim bẩn thỉu và u tối. Trong thời gian ấy, họ đã lập ra được một tổ chức bí mật bao gồm 400 người trong số 2500 người bị giam cầm. Ủy ban bí mật đã thảo xong kế hoạch vượt ngục hàng loạt.

Vào một đêm tháng 9 năm 1956, sau khi tước vũ khí của bọn lính gác, 650 người đã vượt khỏi trại giam. Khi bọn cai ngục sức tỉnh dậy thì đã quá muộn. Nhiều người đã trốn vào các nhà nông dân... Bọn mật thám truy lùng gắt gao, Dương Tử Giang không may bị chúng giết chết, Lý Văn Sâm trốn thoát.

Vào những năm dịch khủng bố khốc liệt nhất, khi chúng giết người công khai trên các máy chém, Lý Văn Sâm đã bắt đầu một đoạn đời mới. Năm 1957, anh lập được một đội du kích nhỏ chuyên tiến hành những cuộc tuyên truyền và phá hoại táo bạo. Lý Văn Sâm tam gác tiểu thuyết và truyện sang một bên, anh lao vào viết truyện đơn, làm thơ, soạn bài hát. Những sáng tác ấy được in bằng những phương tiện cổ lỗ nhất. Một trong những sáng tác đầu tiên của anh trong thời gian ở đội du kích là một hài hát chiến đấu. Ít lâu sau, họ ra được một tờ báo bí mật và tờ báo được xuất bản đều đặn; các hạn chiến đấu của Lý Văn Sâm đã trao trách nhiệm biên tập tờ báo đó cho anh với tư cách là một chiến sĩ nhiều kinh nghiệm nhất trong lĩnh vực này.



— Tự tay tôi viết phần lớn các bài báo, — Lý Văn Sâm kể tiếp — tôi tự in lấy báo và thậm chí tham gia cả vào việc phát hành, phổ biến báo. Tờ báo mang tên là *Quyết thắng*. Nông dân rất thích đọc báo này, họ chép lại các bài báo, mặc dầu họ biết rằng nếu bọn địch tìm thấy ai giữ tờ báo đó, người ấy sẽ bị bắn hay bị bỏ tù.

Đầu năm 1958, căn cứ du kích bị bọn phản bội chỉ điểm. Quân địch vây kín bốn mặt rừng. Các chiến sĩ du kích đã phải nhiều lần mở đường máu để thoát...

Vài tháng sau, cùng với nhiều đơn vị du kích khác, đội du kích của Lý Văn Sâm đã tiến công một chốt địch. Việc đó xảy ra vào những tháng đầu tiên của cuộc chiến đấu vũ trang của toàn thể nhân dân miền Nam.

Những ngày ấy thật là những ngày sôi nổi, phấn khởi lạ lùng! Trong cuộc vũ trang khởi nghĩa cuộn cuộn như sóng và trong sự lớn mạnh của cuộc đấu tranh chính trị, Mặt trận dân tộc giải phóng, bộ tham mưu của cách mạng, đã xuất hiện. Lý Văn Sâm một nhà văn và một chiến sĩ, là một — trong những người đầu tiên đứng dưới lá cờ nửa xanh nửa đỏ của Mặt trận. Mùa hè năm 1963, các nhà văn và các nhà hoạt động văn nghệ đứng về phía Mặt trận đã cùng nhau tổ chức ra Hội Văn nghệ giải phóng miền Nam. Năm 1963, đại hội đầu tiên của tổ chức chiến đấu này khai mạc. Đồng chí Lý Văn Sâm đã được đại hội nhất trí bầu làm Tổng thư ký của Hội.

Cuộc nói chuyện giữa hai chúng tôi đã kéo dài hàng giờ. Khu rừng tối mờ mờ lúc này giờ đây đã chuyển thành bóng đêm dày đặc.

Các chiến sĩ mang đến một cái đèn bão đã bị những con bọ rừng bám đầy. Nhưng lúc đó chúng tôi không

còn đề ý đến những cái nhỏ nhất ấy của cuộc sống... « Kế hoạch sắp tới của tôi à? — Lý Văn Sâm chậm rãi hỏi lại, như để tìm câu trả lời. — Chắc anh biết dạo này tôi dành nhiều thì giờ để soạn bài hát. Thực ra, tôi chỉ đặt lời mới cho những điệu nhạc đã có từ lâu. Bài hát mới nhất ư? ».

Lý Văn Sâm nói xong, khẽ ngâm lên trong bóng tối và sau đó anh hát bài ca ngợi cậu bé Sài-gòn anh dừng, một Gavrôso (1) của Việt-nam.

Giọng anh khi thì ngân cao lên như một sợi dây đàn căng thẳng khi thì lại gần như lắng hẳn xuống... Mặc dù giọng anh yếu và không có đàn đệm, ngay cả ghi-ta đệm chẳng hạn cũng không có, bài hát vẫn vang lên như ca ngợi những em bé, trai và gái, lứa tuổi trẻ của đất nước anh hùng này, bài hát như bay đi khắp cánh rừng rậm rạp của khu du kích...

— Thế còn truyện và tiểu thuyết? — Tôi hỏi.

— Anh nghĩ rằng tôi sẽ trả lời là không có thì giờ để làm những việc đó phải không? — Lý Văn Sâm trả lời, giọng vui đùa —. Không đâu, đồng chí Ivan thân mến ạ, bây giờ tôi đang dốc sức vào viết một truyện ký dài. Hiện nay tác phẩm chưa viết xong, khó mà có thể nói được về tác phẩm đó. Chỉ có thể nói một điều là tôi đang viết về cuộc đời một chiến sĩ cộng sản, một con người dũng cảm gan góc, con người phải viết bằng chữ hoa kia. Nhân vật trong tác phẩm của tôi hiện còn sống. Năm ngoái anh ấy đã thoát khỏi nhà tù một cách thần kỳ. Anh ấy đã phải sống qua tám năm trong trại tập trung và trên hòn đảo chết — Côn-lôn, nơi giam cầm những người tù chính trị.

(1) Một chú bé dũng cảm, nhân vật trong cuốn tiểu thuyết *Những người khốn khổ* của văn hào Pháp Victor Hugo.

Con người dũng cảm ấy, một anh hùng chân chính, đến nay còn đang nằm trong bệnh viện. Anh là một trong những chiến sĩ gang thép của cách mạng..

•

Đêm đã khuya, chúng tôi chia tay nhau như những người bạn thân đã lâu. Chia tay nhau và hy vọng sẽ còn gặp lại nhau nhiều lần. Nhưng đường đi của chúng tôi mỗi người mỗi ngã không còn gặp nhau nữa. Bây giờ, mỗi khi muốn được nói chuyện trong tưởng tượng với con người rất mực giản dị ấy, tôi lại mở máy ghi âm có bài hát về cậu bé Gavrôso của Sài-gòn; và từ trong khung ảnh, cặp mắt dưới đôi lông mày đen rậm của Lý Văn Sâm lại nhìn thẳng vào tôi; Lý Văn Sâm—một nhà văn, một chiến sĩ, một con người chân chính.

Trích báo *Sự thật* (Liên-xô) ra ngày 7-9-1965

HỒNG GIANG dịch

BÀ NGUYỄN THỊ ĐỊNH VÀ NHỮNG ĐỒNG CHÍ CỦA BÀ

IVAN SÊDRÔP

Buổi tối, một sĩ quan của bộ tham mưu đến doanh trại nơi chúng tôi ngủ lại đêm nay và báo cáo một cách rành rọt theo tác phong quân sự: Ngày mai vào buổi sáng, đồng chí phó tư lệnh các lực lượng vũ trang sẽ tiếp các đồng chí tại chỉ huy sở. Đêm nay liên lạc viên sẽ đến. Chúng ta sẽ khởi hành vào lúc tảng sáng.

Sau ba mươi ngày đêm hành quân ròng rã, đội chúng tôi cuối cùng đã tới nơi đóng đô của bộ tư lệnh các lực lượng vũ trang yêu nước miền Nam Việt-nam.

Và đây, trong đêm sâu, một đoàn người vũ trang, soi đường bằng những chiếc đèn kinh, đèn bão của du kích đang len lỏi băng qua rừng rậm đen ngòm và tịch mịch. Chốc chốc lại trượt chân vì con đường đất bị mưa trơn hoặc bị gai góc đâm vào da thịt, đội quân vẫn vội vã rảo bước: phải đến cho kịp giờ hẹn. Thỉnh thoảng trong hàng quân lại thì thào nhau truyền mệnh lệnh « Cần thận bên trái và bên phải có hầm chông! ». Và khi đó, mỗi người đều chú ý không đi chệch ra khỏi con đường đất hẹp. Chỉ cần nhớ hước là các hầm chông cam bẫy khủng khiếp được nguy trang một cách tài tình bằng lá cây rụng sẽ có dịp « lập chiến công » ngay. Đồng chí liên lạc viên đi trước chúng tôi một đoạn

đường, dùng những tín hiệu đã quy ước trao đổi khẩu lệnh với những người lính gác đứng trong bóng tối mà chúng tôi không nhìn thấy; nhờ vậy bước đi của toàn đội không bị cản trở.

Mãi đến sáng chúng tôi mới tới chỉ huy sở « trong rừng ». Ở đây các đồng chí đại diện của Bộ tư lệnh tiếp chúng tôi. Và sau đó chúng tôi lại ra đi, nhưng lúc này chúng tôi đã được đi trên con đường đất đắp khá rộng, dọc theo hai bên đường là những dây điện thoại màu lam, xanh lá cây, đỏ, chẳng qua các thân cây khổng lồ của vùng nhiệt đới. Chúng tôi nghỉ tại « phòng tiếp khách của Bộ tham mưu », một ngôi nhà lá đồ sộ, rộng rãi.

Quanh chiếc bàn gỗ rộng, đồng chí Nam Kiên tiếp chúng tôi. Con người đứng tuổi có một thân hình vạm vỡ ấy đã giới thiệu tình hình với chúng tôi, cho chúng tôi biết những tin tức gần đây nhất từ các mặt trận sông Bé và miền Trung gửi về.

Đồng chí Nam Kiên năm nay chừng độ bốn mươi, bốn năm tuổi. Cuộc đời của đồng chí cũng là cuộc đời của trăm nghìn người yêu nước khác. Từ năm 1945 đồng chí đã phải sống xa gia đình để làm nhiệm vụ do Ủy ban cách mạng giao cho. Sau đó thì giặc Pháp tấn công, rồi Mỹ xâm lược.

— Thế là đã hai mươi năm tôi không cò dịp về thăm gia đình, đồng chí kể tiếp. Rồi đồng chí nâng niu rút ra từ trong một phong giấy tấm ảnh chụp vợ con mình. Một con gái của đồng chí đã lấy chồng, người chồng là một thanh niên khá. « Chỉ tiếc chẳng được dự đám cưới của chúng nó, đồng chí Nam Kiên nói. Tôi còn có một đứa con trai. Năm nay nó mười tám tuổi, chỉ huy bộ phận trinh sát ở mặt trận N.. Như thế là bảy giờ cả hai cha con cùng chiến đấu. Thằng ấy gan góc và táo bạo lắm ».

Đang lúc câu chuyện rôm rả thì người sĩ quan phụ tá của đồng chí phó tư lệnh bước vào. Đến giờ mất rồi!

Mười phút trôi qua, chúng tôi đã tới « đại bản doanh » của Bộ tư lệnh. Sự thực thì « đại bản doanh » chỉ là mấy ngôi nhà tranh rộng rãi. Trong ngôi nhà đầu tiên, một tấm bản đồ lớn bằng ni-lông lấy được của địch có ghi những dấu hiệu « chỉ rõ » những trận đánh, trải trên mặt bàn. Ngôi nhà thứ hai là phòng làm việc của đồng chí phó tư lệnh, đồng thời cũng là phòng ở. Điều đó có thể dễ dàng đoán được qua chiếc võng đan bằng dây dù và chiếc giường gỗ ghép. Trên bàn một khẩu súng lục, một đài thu thanh bán dẫn « Philipx », trên tường treo nhiều bản đồ. Và hình như cũng chỉ có bấy nhiêu thứ thôi.

Một phụ nữ đẹp, vẻ người cương nghị đi lại phía tôi, với một nụ cười trên môi. Đây là bà Nguyễn Thị Định, phó tư lệnh các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam Việt-nam. Bà mặc quần áo của một người con gái nông thôn bình thường, áo bà ba đen, quần đen rộng ống, quàng chiếc khăn rằn mỏng, kẻ ô trắng, đi đôi dép của những người du kích thường đi, làm bằng lớp ô-tô.

Bà Nguyễn Thị Định nổi tiếng khắp trong nước vì cuộc đời đầy gian khổ, quá trình đấu tranh dũng cảm và khả năng lãnh đạo lỗi lạc của bà.

Cuộc đời của bà là cả quá trình lịch sử của cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam Việt-nam. Bà sinh năm 1920, trong một gia đình nông dân nghèo, tại tỉnh Bến-tre trong lưu vực sông Cửu-long. Khi cô gái lên mười tuổi thì người anh lớn bị bắt và bị đánh đập rất tàn nhẫn. Cô bé Định có đôi mắt đen vẫn thường mang quà vào thăm anh trong tù.

— Đây, chính từ dạo ấy tôi bắt đầu hiểu thế nào là cách mạng, bà kể. Sau đó anh tôi được tha, và nhờ anh

mà tôi hiểu biết thêm ra nhiều vấn đề. Tôi được biết rằng ở Nga dưới sự lãnh đạo của những người bôn-sê-vich nhân dân đã làm cuộc Cách mạng tháng Mười vĩ đại. Chúng tôi đã học tập kinh nghiệm của cách mạng tháng Mười. Và hoàn toàn không có gì đáng ngạc nhiên khi tôi, một cô gái nông dân mười bảy tuổi, tích cực tham gia phong trào đấu tranh cách mạng: rải truyền đơn và làm công tác tuyên truyền.

Trong thời kỳ xảy ra những sự kiện dồn dập, tôi đã gặp đồng chí Nguyễn Nhan Bích, bí thư tỉnh ủy bí mật địa phương, về sau là chồng tôi. Đưa con trai chúng tôi ra đời được ba ngày thì chồng tôi bị bắt. Tôi thì chúng nó « thương hại », nhưng sáu tháng sau, vào năm 1940, tôi cũng bị bắt. Phải chịu đựng rất nhiều: tra tấn, hỏi cung, ăn đói, uống nước bẩn... Ba năm sau chúng mới chịu thả tôi ra vì tôi mắc bệnh đau tim. Tôi trở về nhà. Con trai tôi đã lên bốn, nhưng cháu không biết bố mẹ là ai—chồng tôi đã hy sinh trong tù. (Đứa con trai duy nhất của bà sau này cũng bị hy sinh). Thế là tôi lại lao vào cuộc đấu tranh, tìm bắt liên lạc với các đồng chí hoạt động bí mật.

Trong lúc chúng tôi đang nói chuyện với bà Nguyễn Thị Định thì người sĩ quan phụ tá bước vào đưa cho bà một tờ điện báo. Điện vừa ở tiền tuyến gửi về: có việc cần phải giải quyết gấp. Bà xin lỗi chúng tôi và đứng lên. Sau đó câu chuyện của chúng tôi lại tiếp tục, các đồng chí khác đã cho chúng tôi biết thêm những chi tiết về cuộc đời của bà Định.

Huyện Mỏ-cày, tỉnh Bến-tre ngày 17 tháng 1 năm 1960. Ở đây, nơi có những cây dừa cao vút, những thảm lúa xanh rờn, quê hương của những người đánh cá dũng cảm, ngày hôm ấy đã xảy ra cuộc khởi nghĩa vũ trang, và sau đó cuộc khởi nghĩa đã lan ra khắp tỉnh, rồi lan

ra khắp miền Nam Việt-nam. Bà Nguyễn Thị Định đã đứng đầu bộ tham mưu chỉ huy các lực lượng cách mạng tỉnh Bến-tre.

Cuộc trao đổi với bà Định và các sĩ quan khác trong Bộ tư lệnh kéo dài mấy tiếng đồng hồ, có tính chất tổng kết các ấn tượng của chúng tôi về tình hình quân sự ở miền Nam Việt-nam, về tương quan lực lượng đôi bên, về quá trình trưởng thành nhanh chóng của Quân đội giải phóng chính quy.

Thoạt đầu, các lực lượng vũ trang yêu nước chỉ là những đội du kích ít người, xuất hiện ở các vùng khác nhau của miền Nam Việt-nam từ năm 1956, vào những năm mà bọn phát-xít khủng bố dữ dội nhất. Cơ sở chính của du kích là rừng rậm. Các hoạt động chính của họ là tự vệ, trừng phạt những tên giết người và bọn phản cách mạng hung bạo nhất, tiến hành các cuộc phục kích nhỏ. Cho đến ngày đồng khởi thì đã có tới hàng chục đội quân như vậy. Các sự kiện xảy ra vào tháng 1 năm 1960 và việc Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam được thành lập ngày 20 tháng 12 năm 1960 đã thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của phong trào du kích.

Năm ấy là một năm có nhiều khó khăn. Không có vũ khí đạn dược. Nhiều khi mười người du kích mới có được một khẩu súng trường hoặc một quả lựu đạn. Nhưng dần dần nhờ có chiến lợi phẩm mà tình hình đã tốt hơn lên. Vào năm 1962, các lực lượng vũ trang như hiện nay đang hoạt động, bắt đầu được tổ chức.

Trên thực tiễn thì tất cả mọi lực lượng vũ trang yêu nước—từ các đội quân hoạt động bí mật tại các thành phố đến các đội du kích địa phương và các bộ phận xung kích của quân đội chính quy—đều thuộc quyền chỉ huy của Bộ tư lệnh.

Hiện nay bốn phần năm đất đai với ba phần tư dân số đã chịu sự kiểm soát của Mặt trận giải phóng, trong đó có vựa thóc của đất nước là vùng châu thổ sông Cửu-long. Có thể lấy hiện tượng sau đây để chứng minh cho quá trình phát triển nhanh chóng của các vùng giải phóng: cho đến mùa hè năm ngoái trong các khu vực này mới chỉ có sáu triệu người, nghĩa là chưa được một nửa dân số miền Nam Việt-nam.

Sự kiểm soát các vùng đất đai rộng lớn giúp cho các lực lượng vũ trang yêu nước củng cố vững chắc cơ sở kinh tế của mình: hiện nay cái đó không còn là vấn đề đáng lo nữa. Chính những người dân đang tích cực tham gia vào công cuộc cách mạng và được hưởng những thành quả của cách mạng là nguồn dự trữ vô tận của quân đội giải phóng, một quân đội hoàn toàn gồm những thanh niên tình nguyện.

Trong cuộc trao đổi tại Bộ tư lệnh, khi nói về vấn đề tương quan giữa lực lượng vũ trang của Mặt trận dân tộc giải phóng và lực lượng liên kết giữa bọn Mỹ và nguy quyền Sài-gòn, tôi có nhắc đến con số của báo chí tư bản nói rằng tỷ lệ tương quan ấy là 1/7. Những người dự cuộc trao đổi mỉm cười một cách mỉa mai và một đồng chí nhận xét: nếu như tương quan lực lượng là 1/7 thì liệu chúng tôi có giữ nổi thể chủ động trong tất cả mọi hoạt động quân sự ba năm qua không và liệu có giáng được cho kẻ địch những đòn ngày càng nặng nề không? Lại thêm một câu chuyện hoang đường mà người ta dựng lên cốt để chứng minh rằng ở miền Nam Việt-nam không có cuộc chiến tranh nhân dân nhằm giải phóng đất nước mà chỉ có các nhóm Việt cộng hiếu chiến uao đó hoạt động mà thôi.

Tất nhiên các đội du kích là hình thức đấu tranh quần chúng nhất, nghĩa là trên căn bản đó là những

đội quân địa phương. Sau bao nhiêu năm chiến tranh họ đã tích lũy được những kinh nghiệm phong phú và từ trong bọn họ đã xuất hiện nhiều nhà chỉ huy có tài. Ngày nay, trong nhiều trường hợp, những đội quân này, ngoài súng các-bin ra, còn có cả súng máy, có khi cả đại liên nữa. Ở Nam-bộ, nghĩa là tại vùng đông dân cư nhất miền Nam Việt-nam thì cứ khoảng mười nông dân lại có một người là du kích. Phong trào du kích phát triển mạnh ở các vùng ven biển Trung-bộ, nơi mà chỉ nguyên trong năm ngoái, số lượng các đội du kích đã tăng lên gấp sáu lần. Bây giờ ngay ở đây, tại nơi mà trước kia được coi là « vùng yên ổn », tình hình cũng chẳng khác gì vùng châu thổ sông Cửu-long. Ngoài ra, ở tất cả các huyện và các tỉnh, còn có các lực lượng vũ trang của bộ đội địa phương, những lực lượng này không phải chỉ liên hệ với từng làng một mà là những bộ phận của quân đội giải phóng ở địa phương. Tại tất cả bốn mươi tỉnh miền Nam Việt-nam, mỗi tỉnh đều có từ một đến vài tiền đoàn của quân đội giải phóng hoạt động.

Và cuối cùng, ở miền Nam Việt-nam, từ 1962 trở đi, các lực lượng xung kích của quân đội giải phóng đã hoạt động trên khắp địa bàn miền Nam Việt-nam theo các kế hoạch tác chiến của Bộ tư lệnh.

Các lực lượng này không phải chỉ có súng bộ binh, mà còn có cả đại bác và hiện nay đang được tăng cường thêm khá nhiều lực lượng thanh niên tình nguyện.

Bây giờ, so với bọn cướp Mỹ, những người yêu nước chưa có máy bay, trực thăng, xe tăng, tàu chiến, nhưng bọn xâm lược Mỹ đang phải chống chọi với một dân tộc kiên quyết đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc mình, một dân tộc được toàn phe xã hội chủ nghĩa và tất cả các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới ủng hộ và giúp đỡ.

Chiến thuật chiến tranh nhân dân rộng rãi đã phá tan mọi kế hoạch khủng bố tập trung của Lầu năm góc. Nếu như vào đầu năm ngoái, bọn xâm lược và bè lũ tay sai của chúng còn có sức tập trung hàng 16 tiểu đoàn để tiến hành những trận càn lớn (như ở Bến-tre) thì ngày nay thường thường các cuộc càn chỉ còn có từ 4 đến 6 tiểu đoàn. Thêm vào đó, ngay trong khi tiến hành những trận càn này chúng lại còn phải tách ra một số quân làm nhiệm vụ chặn đường giữ quân lính vì hiện tượng đào ngũ trong ngũ quân đã trở thành phổ biến.

« Trong tương lai tình hình chiến sự sẽ ra sao ? » Tôi đã đặt câu hỏi này với những người lãnh đạo của Mặt trận cả về quân sự lẫn chính trị. Câu trả lời, trên nguyên tắc, bao giờ cũng rõ ràng, đại khái có thể tóm tắt lại như sau: Lầu năm góc hiện nay đang tìm lối thoát bằng cách mở rộng sự can thiệp, tăng cường lực lượng không quân, bằng cách mở rộng sự xâm lược ra nước Việt-nam dân chủ cộng hòa. Hiên nhiên là điều đó làm cho tính chất của cuộc chiến tranh càng thêm căng thẳng. Nhưng các bạn Việt-nam đã trả lời rằng: Chúng tôi kiên quyết đấu tranh cho đến khi giành được độc lập hoàn toàn. Toàn thể nhân dân miền Nam Việt-nam đứng về phía chúng tôi, tất cả nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới ủng hộ chúng tôi.

— Thế thôi nhé, chúng ta sẽ còn gặp nhau nữa, bà Nguyễn Thị Định tạm biệt chúng tôi. Nhờ các đồng chí chuyển đến nhân dân Liên-xô lời cảm ơn chân thành của Quân đội giải phóng về sự ủng hộ kiên quyết của nhân dân Liên-xô.

Chúng tôi lại đi vào khu rừng rậm. Cũng như mọi lần, các đồng chí xích hầu với khẩu súng khoác chéo trên vai đi lên phía trước. Và tới chỗ nghỉ chân thứ

nhất, các chiến sĩ ngồi quây tròn bên nhau, những điều thuốc lá nhả khói. Tôi nâng niu lấy từ trong ba-lô ra những món quà quý giá của đồng chí phó tư lệnh tặng một phóng viên Liên-xô: một chiếc đèn bão của du kích, một huy hiệu Mặt trận—và đưa cho các bạn xem. Ai đó quẹt một que diêm và ngọn đèn sáng ngời lên.

Miền Nam Việt-nam
Trích báo *Sự thật* (Liên-xô)
ra ngày 12-7-65

CHU NGA dịch

Ở CÁCH SÀI-GÒN MƯỜI LĂM CÂY SỐ

IVAN SÊĐRÔP

« Chúng ta lại về đến nhà rồi », một người đứng tuổi, tầm thước, đang soi đèn trong căn nhà lá sơ sài, nói với tôi. Anh khoác bờ trên vai một khẩu tiểu liên có khắc nhãn hiệu « Sản xuất tại Mỹ ». Chúng tôi đã tới Ban tham mưu của lực lượng vũ trang yêu nước khu Sài-gòn.

Anh bạn đưa đường nói tiếp với tôi : « Đồng chí nghỉ đi đã rồi hãy làm việc. Nếu cần mua gì trong thành, đồng chí cứ bảo, đừng ngại. Chúng tôi có thể cho người đi Sài-gòn. Không xa đâu, chỉ cách đây mười lăm cây số thôi. Đồng chí cần mấy cuộn băng ghi âm phòng? » anh hỏi lại, rồi tự trả lời ngay, rõ ràng, dứt khoát, theo tác phong quân sự :

— Sẽ có băng ghi âm cho đồng chí ngay !

Một chiến sĩ mang cây đèn bão đến, và căn nhà lá thấp bé được luồng ánh sáng nửa mờ nửa tỏ chiếu vào, trông như bị phân chia thành nhiều phần và rộng thêm ra. Hai mái nhà thấp lợp bằng lá cọ, một tấm phên mỏng đan bằng tre ngăn « phòng ngủ » với « phòng làm việc ». Vách được che bằng những mảnh ny-lông. Bộ đồ gỗ duy nhất của phòng làm việc là một cái bàn và hai chiếc ghế dài đóng rất sơ sài. Trong góc nhà, là

một miệng hổ tối om: đó là hầm tránh bom và đạn đại bác. Hầm trú ẩn này nối liền với một con đường ngầm dài tới mấy cây số. Tiều liên và các-bin treo lủng lẳng trên vách. Trên tấm phên tre, một bản đồ Sài-gòn cỡ lớn lay động theo từng cơn gió nhẹ.

Một sĩ quan của lực lượng vũ trang giải phóng tươi cười cầm chiếc que tre chỉ lên tấm bản đồ và nói với tôi:

— Chúng ta đang ở điểm này đây, còn bộ chỉ huy quân sự Mỹ thì ở đây. Rồi anh nói thêm: — Ở sát bên nhau, láng giềng với nhau mà!

Vậy là, sau khi đi qua một chặng đường dài trong các vùng giải phóng và các vùng còn tạm thời bị bọn xâm lược và bọn bù nhìn chiếm đóng, chặng đường dài hàng tháng trời đi suốt ngày suốt đêm dưới những loạt đạn đại bác, và dưới những trận oanh kích của máy bay địch, qua những vùng rừng rậm và những cánh đồng lúa bát ngát không thấy đâu là bờ của Nam-bộ, vừa lúa của miền Nam Việt-nam, đội chúng tôi đã đến đây, sát ngay cạnh cái « pháo đài kiên cố nhất » của bọn can thiệp Mỹ và chế độ Sài-gòn, như bộ máy tuyên truyền của đế quốc đã miêu tả.

Sự thật thì ngay bản thân việc bọn Mỹ và tay sai lập ra « đặc khu đô thành Sài-gòn » cũng đã nói lên tình hình miền Nam Việt-nam hiện nay phát triển nhanh chóng như thế nào. Tôi đã trao đổi với đồng chí Tư Minh, sĩ quan tham mưu của lực lượng vũ trang khu Sài-gòn về điểm này. Đồng chí Minh mặc quần dài và áo va-rơ ka-ki màu xanh thẫm, đi dép cao-su đen lam bằng sấm lốp ô-tô chiến lợi phẩm. Tư Minh có đôi mắt nhìn thẳng và tính tình vui vẻ, kiên nghị.

Mùa thu năm nay, Tư Minh sẽ ăn mừng một kỷ niệm đặc biệt: hai mươi năm đấu tranh bí mật và vũ trang

chống bọn thực dân, cuộc đấu tranh mà anh tham gia từ hồi còn là một thanh niên mười bảy tuổi.

— À, đồng chí tiếp tục câu chuyện của mình, câu chuyện « đặc khu Sài-gòn » tóm tắt như thế này. Trong giai đoạn đầu của cuộc can thiệp vũ trang, Mỹ đã đề ra một kế hoạch rùm beng, kế hoạch Xtalây—Taylor. Theo kế hoạch này, bọn Mỹ và tay sai trừ tính trong 18 tháng sẽ « bình định » xong, hay nói cho đúng hơn sẽ đàn áp xong phong trào cách mạng của nhân dân ở mười tám tỉnh. Khi kế hoạch Xtalây — Taylor bị thất bại (vào năm 1963), thì xuất hiện ngay một kế hoạch mới, trong đó số tỉnh định bình định rút lại chỉ còn có bảy. Nhưng kế hoạch mới, như cuộc sống đã chứng minh, cũng chỉ là xây dựng trên cát. Và thế là cuối năm ngoái, lại một kế hoạch nữa được đề ra nhằm vào cái gọi là « ổn định » chế độ bù nhìn ở Sài-gòn và bình định ba tỉnh kế cận đô thành. Còn về việc « ổn định » chế độ, — Tư Minh nói rõ thêm, — thì thực chất chỉ là sự thay đổi bọn bán nước này bằng bọn bán nước khác, thay đổi những tên tướng bằng những viên chức dân sự và ngược lại.

Nhận định đó sau này đã hoàn toàn được chứng minh. Vừa mới đây, khi bọn bù nhìn dân sự từ chức, chính quyền Sài-gòn rơi ngay vào tay bọn quân nhân, và cũng như trước đây, sau lưng bọn chúng vẫn là đế quốc Mỹ.

— Khu vực mới mà bọn Mỹ nhắm « bình định », Tư Minh nói tiếp, đó là đô thành Sài-gòn với gần hai triệu dân và các vùng ngoại ô nằm trong một bán kính từ 35 đến 40 cây số, với số dân gần một triệu. Mục đích của bọn Mỹ thật rõ ràng: xây dựng ở đây một căn cứ quân sự vững chắc để mở rộng cuộc chiến tranh bẩn thỉu của chúng.

Trong khi chúng tôi đang nói chuyện, thì bên ngoài lấm vách che bằng ni-lông, trời đổ mưa. Lúc đầu còn nhẹ hạt, về sau mưa sôi sả một cơn mưa rào nhiệt đới. Giữa tiếng nước mưa sầm sập, từng loạt đạn đại bác nổ nghe như ở sát bên cạnh. Các sĩ quan trong ban tham mưu lặng lẽ ngồi nghe tiếng đại bác nổ, sau đó Tư Minh kết luận:

— Chúng bắn từ cái bốt bên cạnh cách đây khoảng hai, ba cây số và từ một căn cứ quân sự cách đây bảy, tám cây số. Chúng sợ chúng tôi lợi dụng thời tiết xấu tấn công chúng. Vì thế chúng bắn vu vơ hòng trấn tĩnh thần kinh của chúng đó thôi. Nếu tình hình có gì quan trọng chúng ta sẽ có tin báo ngay. Nói chung là—anh nhìn tôi—chúng ta đang ở trong vùng giải phóng và ở đây cũng tương đối an toàn. Mà chúng ta đã dừng lại ở đoạn nào rồi nhỉ.

Và chiếc que tre lại lướt theo các đường phố và các quảng trường trên bản đồ Sài-gòn.

Cứ sống một tuần ở các vùng ngoại ô đô thành miền Nam Việt-nam này là bạn sẽ quen dần với tiếng gầm rú trên đầu của máy bay, của trực thăng và đạn đại bác Mỹ, tóm lại là bạn sẽ quen với hoàn cảnh thời chiến. Chính mảnh đất nhỏ bé này là nơi tập trung những lực lượng tinh nhuệ nhất của bọn xâm lược Mỹ và nguy quyền Sài-gòn. Đây là một vài tài liệu: trong số gần hai nghìn máy bay chiến đấu và trực thăng của chúng thì có đến hơn hai phần ba đổ tại hai sân bay quân sự lớn nhất là Tân-sơn-nhút và Biên-hòa ở trong vùng này. Hơn nữa, phần nhiều những máy bay này là do các phi công Mỹ lái. Không kể những đơn vị đồn trú tạm thời, trong quân khu Sài-gòn luôn luôn có trên tám vạn binh lính và sĩ quan, trong số đó có ít ra là một vạn rưỡi lính Mỹ và bọn can thiệp khác. Tại bến tàu Sài-gòn đêm ngày lúc nào cũng thấy lù lù những chiếc tàu

chiến treo cờ nhiều sao và kẻ sọc của Mỹ, nòng đại bác chĩa thẳng vào bờ.

Còn Sài-gòn thì giống như một pháo đài bị vây hãm. Dọc theo các tòa nhà và các đường phố đều có hàng rào dây thép gai. Tại các công sở của Mỹ và của chính quyền bù nhìn, tại các rạp chiếu bóng đều có lưới chống lựu đạn và hom mìn. Bọn cảnh binh đi tuần tra và mở những cuộc vây ráp bắt bớ hàng loạt.

Tại đây, cũng như khắp mọi nơi ở miền Nam Việt-nam, bọn xâm lược đang phải co lại. Kỹ sư Lê Văn Thả, phó chủ tịch Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng địa phương có kể cho tôi nghe về việc này. Bọn can thiệp Mỹ và bọn bù nhìn đang thất bại hết trận này đến trận khác. Đó là kết quả trực tiếp của cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân chống chế độ quân phiệt phát-xít đang tồn tại một cách giả tạo nhờ viện trợ và lưới lè của Mỹ.

Trong vùng Sài-gòn này tôi không gặp một người nào mà người thân hay chính bản thân người đó không trải qua « trường học cấm thù » sau hàng rào dây thép gai của các trại tập trung và các nhà tù. Và Lê Văn Thả, một nhà trí thức Việt-nam điển hình, đáng người cân đối, cao cao, có nụ cười hiền hòa, cũng không tránh khỏi số phận ấy. Năm nay ông gần năm mươi tuổi. Ông đã từng học và sống lâu năm ở Pháp. Sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, ông rời Pháp trở về Sài-gòn, nhưng năm 1955 ông bị bắt giam vì đã tích cực tham gia việc cứu tế những đồng bào bị đốt nhà và bị cướp bóc, nạn nhân của nguy quyền Sài-gòn.

Sáu năm trời đằng đẳng, Lê Văn Thả đã trải qua những trại tập trung khủng khiếp đầy rẫy chết chóc ở Biên-hòa, đảo Phú-quốc và cuối cùng là ở đảo Côn-lôn — nơi giam tù chính trị giữa biển khơi. Năm 1961, sau khi được trả lại tự do, kỹ sư Lê Văn Thả trở

thành một trong những nhà lãnh đạo phong trào cách mạng. Ở đây có hàng vạn người mà số phận cũng giống như số phận của Lê Văn Thả.

Kỹ sư Thả nói: « Mặc dù bọn quân phiệt Mỹ và bè lũ tay sai ở Sài-gòn giở đủ mưu chước hòng cứu vãn những thất bại về quân sự của chúng, dù là ở khu đô thành, chúng vẫn ngày càng sa lầy không sao rút chân ra được và phải rút bỏ hết vị trí này đến vị trí khác.

Đây chỉ là những con số còn rất ít vào mùa hè 1965: trong số 290 cái gọi là « ấp chiến lược » — mà nói một cách đơn giản là những trại tập trung không lồ bao bọc dây thép gai ở vùng ngoại ô Sài-gòn — thì chỉ có trên dưới 100 cái là còn do bọn can thiệp Mỹ và bọn bù nhin của chúng thực sự kiểm soát thời. Khoảng 150 « ấp chiến lược » chúng chỉ còn kiểm soát hoàn toàn trên danh nghĩa. Chúng tôi có đến một « ấp chiến lược » kiểu như thế. Chính quyền ở các xã, ấp thực tế là do Mặt trận dân tộc giải phóng nắm. Trên 40 « ấp chiến lược » cũ hiện nay đã biến thành căn cứ chiến đấu của những người yêu nước.

Còn những làng hình thường khác thì hầu hết nơi nào cũng thành lập chính quyền nhân dân. Trong ba-lô của tôi, ngoài những sổ tay ghi chép và những cuộn phim, còn có một băng ghi âm huân hĩa của đoàn văn công « Giải phóng » mà tôi đã thu tại một làng ở cách căn cứ không quân Tân-sơn-nhut — căn cứ không quân lớn nhất của bọn Mỹ và nguy quyền, — mười hai cây số, và chỉ cách một trại huấn luyện của Mỹ có hai cây số.

Các lực lượng vũ trang yêu nước phát triển rất nhanh. Chỉ trong ba năm gần đây thôi, lực lượng vũ trang khu Sài-gòn đã tăng lên gấp năm lần. Không hiểu bọn Mỹ có biết việc ấy không? Tôi chắc rằng chúng có biết.

Hơn nữa chúng đang cố sức giữ nguyên « hiện trạng » (1). Nhưng chẳng ăn thua gì. Lúc tôi ở cách Sài-gòn hai mươi cây số thì hai tiểu đoàn địch có pháo binh và không quân yểm hộ đang ra sức tấn công để giành lại quyền kiểm soát một trong những làng nói trên. Nhưng sau khi bị chết và bị thương gần một tiểu đoàn, bọn chúng đành phải rút lui để lại cho du kích một số lớn vũ khí và trang bị quân sự. Sau trận đánh này, những người yêu nước lại giải phóng thêm được mấy làng nữa.

Cuộc chiến đấu khốc liệt, nhưng bằng những hình thức có phần nào khác, cũng đang diễn ra trên các đường phố Sài-gòn.

Ở Sài-gòn hiện có trên 300 phóng viên các báo địa phương và khoảng 100 phóng viên nước ngoài, phần lớn là các phóng viên người Mỹ. Tôi đã có dịp tiếp xúc với một số trong bọn họ, đọc những bài báo của họ. Tuyệt đại đa số các phóng viên đó tuy buộc lòng phải thừa nhận rằng phần lớn các vùng nông thôn miền Nam Việt-nam nằm dưới sự kiểm soát của Mặt trận dân tộc giải phóng, nhưng trong các bài viết về các đô thị thường họ chỉ miêu tả sự tranh chấp lẫn lộn nhau có tính chất bề phai trong nội bộ của cái chế độ hủ nhin thân Mỹ.

Và thậm chí khi hàng vạn người đổ ra các đường phố, các phóng viên phương Tây cũng tìm mọi cách trình bày những cuộc biểu tình đó như là một hình thức đấu tranh chống một bè phái này đã bị thất thế để làm lợi cho một bè phái khác. Nhưng nếu quan sát kỹ càng hơn thì không khó gì mà không hiểu rằng, dưới bộ quần áo đen của những người theo đạo Thiên chúa và dưới áo cà sa vàng của các nhà sư, là trái tim nồng cháy của người yêu nước, của người chiến sĩ đấu tranh chống

(1) Nguyễn văn : State quo.

bọn chiếm đóng Mỹ và bè lũ tay sai của chúng đang đập mạnh.

Lịch sử cuộc đấu tranh anh dũng của các chiến sĩ anh hùng hoạt động trong Sài-gòn sẽ được các biên niên thuyết và các bộ phim đầy xúc động dựng lại. Còn bây giờ, lịch sử ấy đang hình thành trên các đường phố Sài-gòn, nơi hàng ngày tiếng mìn của du kích nổ, bọn can thiệp cùng bè lũ bù nhìn ngã gục dưới loạt đạn của những người du kích.

Cũng như cả miền Nam Việt-nam, Sài-gòn bất khuất đang chiến đấu dũng cảm chống bọn xâm lược. Sài-gòn vững lòng tin và biết rõ rằng: thắng lợi nhất định sẽ về tay nhân dân!

•

Đồng chí Minh Thái, một trong những cán bộ lãnh đạo các công đoàn cách mạng ở Sài-gòn kể về mình như sau :

— Tôi bắt đầu đi làm từ bé, lúc mới mười một tuổi. Bố tôi làm thợ mộc, mẹ tôi bán hàng ở chợ. Không bao giờ gia đình có đủ tiền cho sáu cái miệng lúc nào cũng đòi ăn. Mười bảy tuổi, tôi đã vào làm ở xưởng « Ba son » tại Sài-gòn. Ở đây lần đầu tiên tôi đã tiếp thu sự giác ngộ giai cấp.

Minh Thái chạc tuổi ba mươi năm. Trong khi nói chuyện, đồng chí luôn luôn lắng nghe người khác nói. Khi nhận thấy trong câu chuyện của mình còn có chỗ chưa rõ, đồng chí nói lại ngay.

Ở Sài-gòn có trên mười lăm vạn công nhân. Các tầng lớp dân nghèo khác trong thành phố có khoảng nửa triệu, gồm : thợ thủ công và những người huân hán nhỏ, phu xe và những người đi làm thuê ở mướn, đời sống thường rất bi đát.

— Chính nhờ vậy mà ngay tại Sài-gòn đầy cảnh binh và mật thám, đồng chí Minh Thái nói tiếp, các công đoàn cách mạng vẫn rất nhanh chóng tập hợp được lực lượng. Hiện nay đã có những tổ chức của chúng tôi trong tất cả các xí nghiệp hoặc lớn hoặc nhỏ, trong tất cả các khu phố. Điều chủ yếu trong phong trào công nhân hiện nay là nâng cao ý thức giác ngộ chính trị của những người lao động trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới lá cờ của Mặt trận dân tộc giải phóng. Cho nên cuộc đấu tranh ngày càng có những hình thức sắc bén, ác liệt. Năm ngoái, công nhân xưởng dệt « Vimitex » đã chiếm xưởng và họ đã đánh trả lại một tiểu đoàn binh lính địch được điều đến để đàn áp họ.

Cuộc tổng bãi công mùa thu năm ngoái của công nhân và lao động Sài-gòn đã làm tê liệt đời sống của thành phố. Nhà máy, công xưởng, hiệu buôn, chợ búa, trường học đều đóng cửa. Chính lẫn biểu dương lực lượng này đã làm lung lay thêm chế độ bù nhìn. Do đó bọn tướng tá Sài-gòn phải tạm thời không dám tuyên bố chế độ độc tài quân phiệt. Còn tình hình tháng năm năm nay thì sao? Bọn cảnh sát đã thất bại, chúng làm đủ mọi cách, nhưng vẫn không ngăn cản được công nhân dán những khẩu hiệu và biểu ngữ cách mạng, và tổ chức các cuộc mít-tinh dưới những khẩu hiệu của mình. Chính người anh hùng dân tộc Việt-nam Nguyễn Văn Trỗi đã trưởng thành trong quá trình đấu tranh này; anh là một công nhân, hoạt động bí mật ở Sài-gòn; anh đã bị bọn đao phủ xử bắn cuối năm ngoái. Chính tại đây, trên mảnh đất này, cho đến giây phút cuối cùng của đời mình, tiếng nói anh hùng của anh đã vang lên, và đã trở thành tượng trưng cho ý chí chiến đấu kiên cường, bất khuất. Chính tại đây, từ những khu phố của công nhân, hàng nghìn người đã

tự nguyện đi bưng biền. Và cũng tại đây, anh em công nhân đã góp nhặt cho đến đồng lương cuối cùng của mình dành dụm được để mua quần áo, thuốc men gửi tặng các chiến sĩ yêu nước của Quân đội giải phóng.

... Người thanh niên dáng người gầy gầy, tầm thước có một bí danh rất nên thơ đối với vùng nhiệt đới nóng bức này: « Thanh Phong », tức là « ngọn gió mát lành ». Anh nói: « Tiểu sử của tôi đơn giản lắm. Tôi sinh ra và lớn lên tại Sài-gòn này. Bố tôi dạy học, còn mẹ tôi lo việc nội trợ ở nhà. Tôi đang học năm cuối cùng ở trường Đại học tổng hợp Sài-gòn. Về bản thân tôi chỉ có thế thôi ».

Nhưng đó mới chỉ là phần mở đầu của câu chuyện. Thanh Phong là một trong những cán bộ lãnh đạo tổ chức cách mạng bí mật: Hội Liên hiệp sinh viên giải phóng miền Nam Việt-nam. Anh là người tham gia tích cực, là người tổ chức nhiều trận đánh trên đường phố, là một trong những người lãnh đạo anh dũng hướng dẫn cuộc đấu tranh kiên cường trên các đường phố của cái đô thị hai triệu dân này.

Ở Sài-gòn có một vạn tám nghìn sinh viên và trên mười sáu vạn học sinh. Thanh Phong xúc động kể lại đời sống đen tối của các bạn mình. Gần nửa số học sinh nói trên phải đi bán báo, làm bồi bàn ở các khách sạn, thậm chí làm cả phu xe để kiếm sống và lấy tiền đi học. Nhưng không phải tất cả các bạn của anh đều học tập thành công. Anh nói: « Tốt hơn là tôi xin dẫn ra đây những con số chính thức. Năm 1961, có 476 sinh viên hệ toán lý năm thứ nhất, vậy mà chỉ có 130 được lên năm thứ hai. Những sinh viên nào đòi dân chủ hóa việc giáo dục, đòi dạy tiếng Việt ở các trường đại học, thì đã có nhà tù đợi sẵn họ ».

— Chắc đồng chí đã nghe nói về sự đàn áp của bọn cảnh binh Sài-gòn đối với giáo sư Lê Quang Vịnh và một nhóm sinh viên? Anh hỏi.

Tôi nói cho Thanh Phong biết rằng, tháng chín năm ngoái, báo *Sự thật* có đăng bài nhan đề « *Những người bất khuất* » kể lại thái độ anh dũng của Lê Quang Vịnh và các bạn của anh trước tòa án quân sự, và báo *Sự thật* đã phản nộ lên án sự đàn áp vô nhân đạo ấy.

— Mới đây, Thanh Phong nói sau một phút im lặng, một đồng chí của chúng tôi thoát khỏi cảnh tù đầy ở Côn-dảo về, cho biết rằng anh có gặp Lê Quang Vịnh tay chân bị xích nhưng vẫn không chịu đầu hàng bọn đao phủ...

Đầu năm nay, trong cuộc biểu tình của quần chúng chống nguy quyền, cảnh sát đã bắn chết em Lê Văn Ngọc, mười sáu tuổi, học sinh một trường ở đô thánh. Để trả lời lại việc đàn áp này, chúng tôi đã tổ chức đám tang và đám tang đã biến thành một cuộc biểu tình phản đối. Thế là chúng phải lính đến đàn áp đám tang, và trận xô xát không cân sức đã nổ ra. Bọn chúng bắn vào chúng tôi, ném bom làm chảy nước mắt. Chúng tôi đã dùng đá sỏi, gây gộc giấu sẵn trong cặp đánh trả lại bọn phát-xít.

Thanh Phong lặng thinh một lát, dường như anh đang nhớ lại điều gì, sau đó câu chuyện chuyển sang vấn đề vai trò của thanh niên trong phong trào, về ảnh hưởng của các tổ chức cách mạng trong tầng lớp thanh niên học sinh.

— Đồng chí có biết không, anh nói, các nhà báo phương Tây khi viết về phong trào của thanh niên ở Sài-gòn, đã miêu tả sinh viên và học sinh như những kẻ đầu tranh chống một nhóm hán nước này để bảo vệ một nhóm khác. Nhưng đâu có phải như thế. Chúng tôi đầu tranh chống bọn can thiệp Mỹ và chế độ bán nước

thân Mỹ, chúng tôi đấu tranh cho một chính quyền chân chính, cho cương lĩnh mà Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam đã đề ra. Và chúng tôi không phải là một nhóm ít người chuyên đi khủng bố, mà thật sự là một tổ chức cách mạng của quần chúng. Ở phần lớn các trường học, trong sinh viên, ở hầu hết mỗi khoa, chúng tôi đã xuất bản đều kỳ các tờ báo cách mạng.

— Đối với chúng tôi, anh nói, Liên-xô, đó là Cách mạng tháng Mười, là Lê-nin, là chiến tranh vệ quốc anh hùng, là các phi công vũ trụ của các đồng chí. Ở Sài-gòn, qua ống nghe của những đài thu thanh bán dẫn, chúng tôi nghe rất rõ tiếng nói của toàn thế giới. Chúng tôi rất cảm động được nghe những ý kiến phát biểu gần đây nhất của các đồng chí Brêjonep, Kôxughin và của các đồng chí lãnh đạo khác của Liên-xô ủng hộ cuộc đấu tranh của chúng tôi; chúng tôi cũng rất xúc động khi nghe nói thanh niên Liên-xô sẵn sàng sang giúp đỡ chúng tôi trong những giờ phút khó khăn. Đó là tiếng nói của hệ bạn. Chúng tôi biết những người xô-viết — và anh thêm: Paven Kortsaghin (anh nói rời ra từng vắn). Thanh niên chúng tôi, những chiến sĩ đang hoạt động bí mật ở Sài-gòn cũng biết và rất yêu các nhân vật anh hùng trong tác phẩm *Đội cận vệ thanh niên*. Họ cũng đã từng sống những giờ phút khó khăn, nhưng họ không hề sợ hy sinh và đã chiến đấu anh dũng cho đến hơi thở cuối cùng.

Đêm mùa hè, trời tối, qua màn mưa rào vùng nhiệt đới, đứng cách vài bước không trông rõ người, Thanh Phong hất tay tôi tạm biệt rồi ra đi. Anh không quên cất cẩn thận ở túi áo trong trên ngực chiếc huy hiệu tặng phẩm có in hình Iuri Gagarin, phi công vũ trụ đầu tiên của Liên-xô.

Buổi tối, các bạn Việt-nam mang những tờ báo mời đến ngôi nhà lá tôi tạm dừng chân. Đập ngay vào mắt

tôi là những cột danh sách dài có ghi rõ cả tên tuổi dấu vết riêng và tiểu sử chi tiết của nhiều người yêu nước. Bản bố cáo nói: « Ai tố giác chỗ ở của những tên khủng bố nói trên và giúp đỡ nhà chức trách lùng bắt chúng, sẽ được thưởng một số tiền lớn ». Bọn địch đã hứa thưởng một triệu đồng cho người nào lấy được đầu Phạm Văn Hai, chỉ huy đội vũ trang bí mật thành phố Sài-gòn.

Thực ra, chính đồng chí cũng không giữ bí mật gì về tiểu sử của mình. Hơn nữa, từ lâu bọn an ninh mật vụ đã tìm ra được ảnh chụp của đồng chí. Thế nhưng người con anh dũng quyết trả thù cho nhân dân ấy — một trong những người đầu tiên vừa được tặng danh hiệu Anh hùng Quân đội giải phóng miền Nam Việt-nam — vẫn hoạt động đằng hoàng trước mắt chúng mà chúng không làm gì được. Đồng chí sinh trưởng ở vùng ngoại ô Sài-gòn. Câu chuyện đơn giản về cuộc đời và hoạt động đấu tranh của đồng chí Phạm Văn Hai có thể giải thích tại sao tuy đồng chí còn sống mà nhân dân đã làm bài hát ca ngợi đồng chí.

Lúc cậu bé nông dân nghèo khổ ấy vừa tròn chín tuổi cũng là lúc hố cậu bị hành hạ đến chết trong phòng tra tấn của bọn mật thám thực dân. Mới 13 tuổi đầu, Hai đã phải đi làm để tự nuôi thân. Vì vậy mà đồng chí đã thấy gần gũi, tha thiết với Cách mạng tháng Tám năm 1945 ngay từ đầu. Ngay trong những năm đầu của cuộc kháng chiến, đồng bào Sài-gòn đã thi thắm nhỏ to nhắc đến tên đồng chí một cách rất tự hào. Sau năm 1954, đồng chí lại trở lại Sài-gòn tiếp tục đấu tranh — một cuộc đấu tranh đầy gian khổ và hết sức khốc liệt. Năm 1962, đồng chí và ba người nữa — là trung tâm bí mật — được giao nhiệm vụ thành lập chi đội vũ trang đầu tiên gồm những người yêu nước, ngay trong lòng Sài-gòn. Hiện nay trong tất cả tám khu của thành phố đều có sự

hoạt động của các chi đội thuộc đội quân bí mật đã lớn mạnh.

Những đội vũ trang gồm những chiến sĩ quyết trả thù cho nhân dân, đứng đầu là người chỉ huy gan dạ Phạm Văn Hai, trong năm 1961, đã đánh nhiều trận táo bạo làm cho không những Sài-gòn mà cả Hoa-thịnh-đốn phải hoảng hốt và bối rối. Sau đây chỉ là một số trận lớn nhất: đánh chìm chiếc hàng không mẫu hạm Mỹ mười lăm nghìn tấn đậu ở hển Cảng Sài-gòn, đánh sập một rạp chiếu bóng của bọn sĩ quan Mỹ ngay tại trung tâm Sài-gòn và phá hủy 73 ô-tô.

Các chiến sĩ hoạt động bí mật đã ủy nhiệm một chiến sĩ thuộc đội khác đến gặp người Liên-xô đầu tiên đến miền Nam Việt-nam và dừng chân ở vùng ngoại ô Sài-gòn. Chiến sĩ này người tầm thước, tóc đen nhánh, đôi mắt màu hạt dẻ, vẻ người trông không có gì đặc biệt; anh bước vào gian nhà tranh một cách lặng lẽ không ai hay biết. Anh kể về mình rất ít mà lắng nghe người khác nói nhiều hơn, và nếu các đồng chí mình có quên nói đến điều gì thì anh liền bổ sung những chi tiết. Xin kể lại bại trận đánh gần đây nhất của đội anh, trong đó anh, với bí danh Bảy bé, đã lãnh nhiệm vụ quan trọng hơn hết — đặt chất nổ. Trận thứ nhất là trận đánh sập khách sạn sáu tầng ở trung tâm thành phố, tháng chạp năm ngoái, trong đó có khoảng 300 sĩ quan Mỹ. Trận đánh được chuẩn bị rất tỉ mỉ, chu đáo, vì tòa nhà này được bảo vệ hết sức nghiêm ngặt. Ngoài bọn lính thủy đánh bộ Mỹ, dọc vỉa hè lúc nào cũng có một số cảnh binh Mỹ đi đi lại lại, còn trong tất cả các hiệu ầu rỗ tiền đối diện thì bọn mật thám mặc thường phục không bao giờ rời mắt khỏi những người qua lại. Phải đem chất nổ vào trong sân đặt gần tòa nhà. Có như thế mới bảo đảm được trận đánh thành công.

Sau khi dò xét đầy đủ, tỉ mỉ, đội quyết định dùng một chiếc ô-tô du lịch loại sang trọng nhất, hiệu mới nhất. Và Bảy Bé được trao nhiệm vụ làm tài xế.

Thế là công việc chuẩn bị bắt đầu. Trong ba tuần lễ, anh công nhân và là thợ máy Bảy Bé ở Sài-gòn phải học lái ô-tô cho thành thạo, đồng thời phải có cái cung cách, cử chỉ như những tài xế « ân cần lễ phép » của các quan chức cao cấp trong chính quyền bù nhìn. Phải mất đến hai tuần lễ để tập cung cách, cử chỉ của một người tài xế « ân cần lễ phép ». Nhiệm vụ của các đồng chí khác cũng không kém khó khăn, gian khổ. Cho nên đội đã bí mật thuê một ngôi nhà lớn để diễn tập trong thành phố, trong ngôi nhà này, những người sẽ làm nhiệm vụ đã luyện tập một cách ráo riết trước tấm gương đứng thuê của một người khác.

Thế là mọi việc chuẩn bị đều xong xuôi. Chiều ngày 24 tháng chạp, đúng giờ qui định, một chiếc ô-tô màu xanh da trời mới toanh chạy đến khách sạn « Brinhco », và sau những mưu chước tài tình đã tính toán trước, chiếc ô-tô đã vào lọt vào nhà xe gần phía bên cánh trái tòa nhà. Đến lúc bom nổ chỉ còn tính từng phút. Nhưng làm thế nào thoát ra khỏi mà không bị lộ, bởi vì người nào đi ra cũng phải ghi vào sổ. Thế là theo kế hoạch đã vạch sẵn, Bảy Bé đến gần một tên cảnh sát và bắt chuyện với hắn, rồi anh kêu ca rằng từ sáng đến giờ chưa có chút gì trong bụng. Tên cảnh sát bảo Bảy Bé vào hiện ăn đối diện bên kia đường ăn qua loa chút gì để lót dạ. Anh tài xế nghe theo lời tên cảnh sát, và chỉ mấy phút sau anh đã lẫn vào đám đông trên đường phố Sài-gòn tấp nập náo nhiệt.

Cho đến khi một tiếng nổ long trời lở đất làm rung chuyển cả khu phố, Bảy Bé mới thở dài nhẹ nhõm. Và trong lúc ấy những tên sĩ quan Mỹ còn sống sót đã nhảy qua các cửa sổ của khách sạn để thoát thân. 155

tên sĩ quan Mỹ bị chết và bị thương nặng, 35 ô-tô bị phá hủy — đó là tổng kết của báo chí phương Tây mấy ngày sau trận đánh táo bạo này.

Kế hoạch đánh sứ quán Mỹ còn táo bạo hơn nhiều. Tại đây, đề đề phòng mọi cuộc tấn công có thể xảy ra, địch đã áp dụng mọi biện pháp phòng thủ. Nhưng sau khi nghiên cứu kỹ tình hình, trung tâm bí mật vẫn cho đánh. Kế hoạch rất táo bạo. Con đường trước sứ quán đầy những đội cảnh binh đặc biệt và bọn mật thám, và là đường một chiều cấm xe đỗ lại. Những người yêu nước đã quyết định dùng một chiếc ô-tô chạy nhanh lao bom vào tầng dưới của tòa nhà.

Những chi tiết của trận đột kích lại được thảo ra. Thế là dưới sự yểm hộ của mấy chiến sĩ bí mật vũ trang từ một phố nhỏ tiến ra, Bảy Bé lái ô-tô phóng qua sứ quán Mỹ. 10 giờ 44 phút. Một phút sau khi Bảy Bé vừa đi khỏi, người ta nghe thấy một tiếng nổ vang trời. Lại những lời kêu la như loạn thần kinh trên các tờ báo Mỹ và Sài-gòn: 217 tên Mỹ bị chết và bị thương. Cho đến nay nhân viên sứ quán Mỹ ở Sài-gòn vẫn phải đi ở tạm những nơi khác.

Trước khi tạm biệt, Bảy Bé nói: « Trở về Liên-xô, đồng chí hãy báo cáo lại là chúng tôi xin cảm ơn nhân dân Liên-xô, Đảng Cộng sản và Chính phủ Liên-xô đã kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh của chúng tôi. Đó là những lời mà các bạn tôi, những chiến sĩ boạt động bí mật của Sài-gòn, yêu cầu tôi truyền đạt lại. Còn bây giờ thì xin đề nghị đồng chí phát biểu đôi điều gì đó bằng tiếng Việt-nam với các bạn của chúng tôi, họ rất muốn được nghe một người xô-viết, một người cộng sản xô-viết ». Và anh lấy ra một máy ghi âm xách tay.

Bảy Bé lại ra đi một cách lặng lẽ, kín đáo, hầu như không ai trông thấy, như lúc anh đến. Anh trở về Sài-

gòn. Và hiện nay anh lại đang cùng với các bạn mình tiến hành một cuộc đấu tranh anh dũng đầy nguy hiểm chống bọn can thiệp và bọn phản động.

Đến lượt đội chúng tôi chuẩn bị lên đường. Mưa rơi tầm tã (đang bắt đầu mùa mưa rào trong những tháng hè ở vùng nhiệt đới). Chúng tôi đi xa hơn, để lại phía sau vùng hồng ánh sáng điện của một đô thị lớn, trong đó cuộc đấu tranh anh dũng của những người yêu nước không giờ phút nào ngừng. Tôi nhớ đến những lời nói của một thiếu nữ hoạt động bí mật, nữ sinh một trường trung học ở Sài-gòn. Những lời nói của cô vang lên như một lời thề, một lời kêu gọi đấu tranh: « Xin tạm biệt đồng chí! Hẹn gặp lại tại Sài-gòn được giải phóng! ».

Vùng Giải phóng, ngoại ô Sài-gòn

6-1965

Trích báo Sự thật (Liên-xô)

ra ngày 17-6-1965 và 20-6-1965

MINH HẢI dịch

MỤC LỤC

	trang
<i>Lời nhà xuất bản</i>	5
Quân dã man <i>Aléxandơ Te-Grigorian</i>	7
Không thể dập tắt được ánh bình minh <i>V. Kaxrix và Iu. Iukhananốp</i>	11
Hà-nội, tháng 5 năm 1965 <i>Iu. Jukốp và V. Sarapốp</i>	16
Việt-nam chiến đấu <i>Aléxandơ Te-Grigorian</i>	22
Những người lính của thành phố cảng Hải-phòng <i>V. Kaxrix và Iu. Iukhananốp</i>	29
Vinh: thành phố chiến sĩ <i>Iu. Jukốp và V. Sarapốp</i>	35
Những người nông dân trong chiến đấu <i>Iu. Jukốp và V. Sarapốp</i>	44
Ở tiền tuyến <i>Iu. Jukốp và V. Sarapốp</i>	54
Những người bảo vệ đảo Cồn-cỏ <i>Iu. Jukốp và V. Sarapốp</i>	61
Những đôi cánh trẻ trên bầu trời Việt-nam chiến đấu <i>V. Sarapốp</i>	68
Gã thanh niên ở bang Ôkla- ma đã trở thành một tên tội phạm như thế nào <i>Iu. Jukốp và V. Sarapốp</i>	73

Quê hương, ruộng đất, cách mạng	<i>Ivan Sêdrôp</i>	83
Những ngày bình thường, anh dũng	<i>Ivan Sêdrôp</i>	92
Những cán bộ chỉ huy mặc áo nông dân	<i>Ivan Sêdrôp</i>	100
Đồng tổ trên bầu trời Đà-nẵng	<i>Ivan Sêdrôp</i>	109
Những người du kích cần phải sống	<i>Ivan Sêdrôp</i>	115
Trong vùng du kích	<i>Ivan Sêdrôp</i>	121
Bà Nguyễn Thị Định và những đồng chí của bà	<i>Ivan Sêdrôp</i>	128
Ở cách Sài-gòn 15 cây số	<i>Ivan Sêdrôp</i>	137

VIỆT - NAM CHIẾN ĐẤU

tập bút ký — phóng sự.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

in lần thứ nhất 4.060 cuốn

tại Liên xưởng in CTHD

Lê Văn Tân, 136 phố Hàng

Bông Hà-nội. Số X.B. 62.

Khô 13×19. Xong 24-1-1966

Nộp lưu chiểu tháng 1-1966

009137

NLF

FILE

DATE

1966

Việt-Nam Chiến Đấu tập bút ký phóng sự của một số n